

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
THÀNH THÀNH CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08/2021/CBTT-TTCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Mã chứng khoán: VNG

Địa chỉ trụ sở chính: 253, Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 55 88 55

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Thế Vinh

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24 giờ Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (theo file đính kèm).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty tại đường dẫn (link): <https://ttchospitality.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

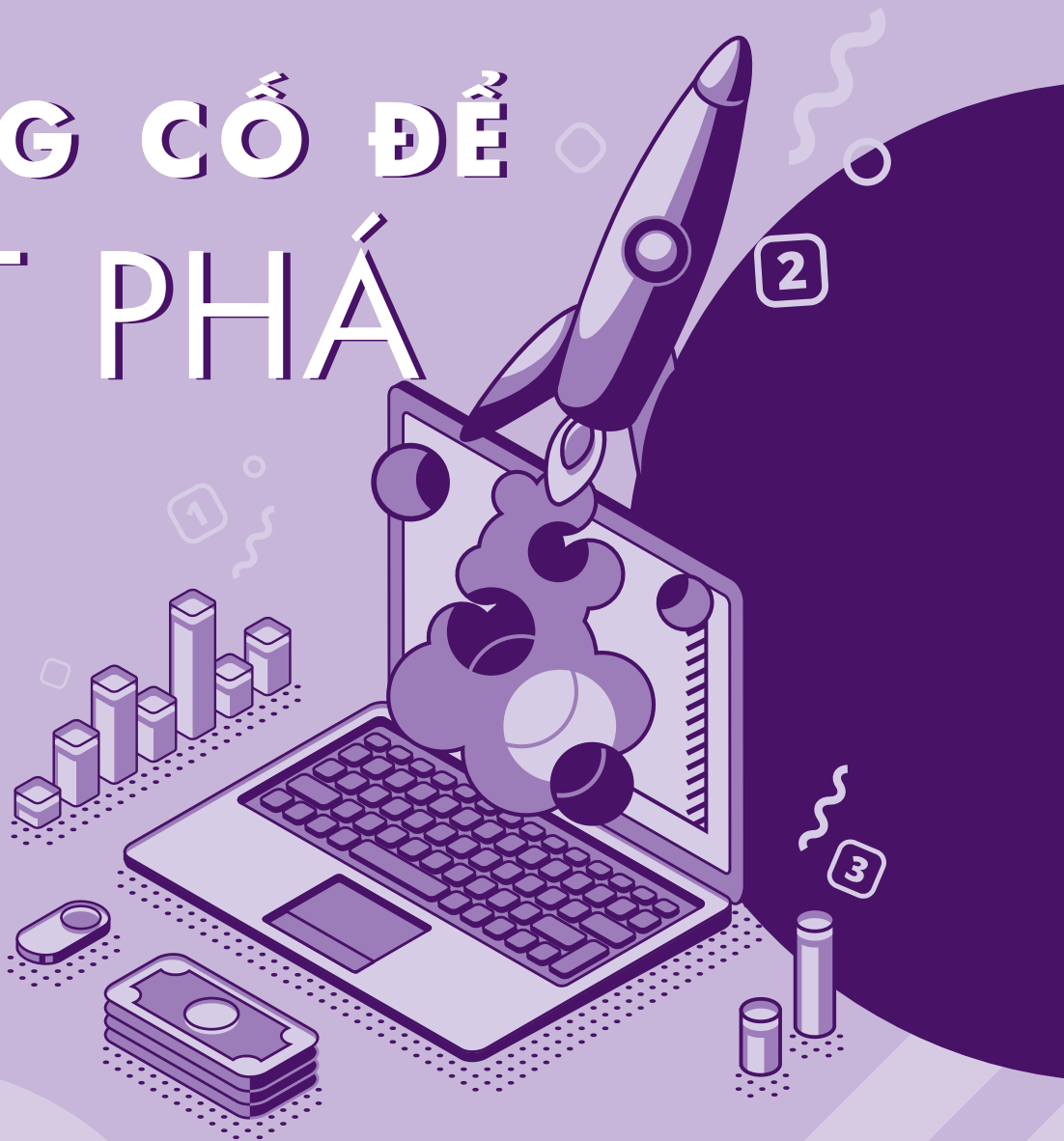
Trân trọng.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY
CỔ PHẦN
DU LỊCH
THÀNH THÀNH CÔNG

NGUYỄN THẾ VINH

CỦNG CỐ ĐỂ BỨT PHÁ

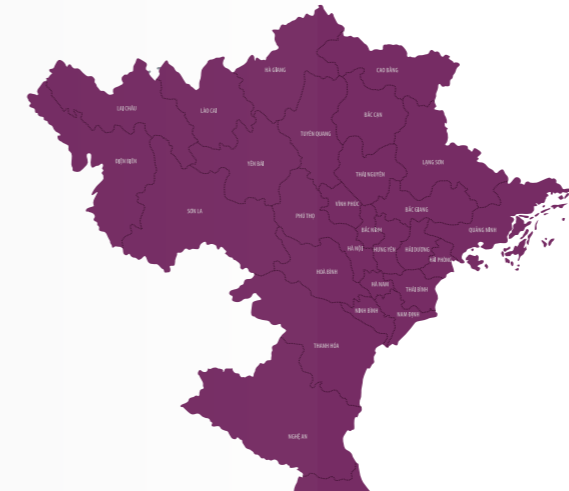


HOTLINE

1900 55 88 55

TTCHOSPITALITY.VN

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG NGÀNH DU LỊCH



GẦN 1.200 PHÒNG
LƯU TRÚ | 12 KHÁCH SẠN - RESORTS



SỨC CHỨA HƠN 6000 KHÁCH
TRUNG TÂM HỘI NGHỊ | 2 TRUNG TÂM HỘI NGHỊ, 3 NHÀ HÀNG



HƠN 2 TRIỆU LƯỢT KHÁCH/NĂM
KHU VUI CHƠI | 2 KHU VUI CHƠI



HÀNG NGHÌN TOUR TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ
LỮ HÀNH | 4 ĐẠI LÝ THIẾT KẾ TOUR & VÉ MÁY BAY

ĐÀ LẠT

TTC HOTEL - ĐÀ LẠT
TTC HOTEL - NGỌC LAN
TTC WORLD - THUNG LŨNG TÌNH YÊU

HỒ CHÍ MINH

TTC HOTEL - AIRPORT
TTC HOTEL - TÂN BÌNH
TTC OFFICE BUILDING - BETRIMEX
TTC TRAVEL - HỒ CHÍ MINH

CAMPUCHIA

TTC HOTEL - ANGKOR

CẦN THƠ

TTC HOTEL - CẦN THƠ

HỘI AN

TTC HOTEL - HỘI AN

KHÁNH HOÀ NINH THUẬN

TTC HOTEL - MICHELIA
TTC RESORT - ĐỐC LẾT
TTC RESORT - NINH THUẬN

BÌNH THUẬN

TTC HOTEL - PHAN THIẾT
TTC RESORT - KÊ GÀ
TTC PALACE - BÌNH THUẬN
TRUNG TÂM HẢI SẢN PHAN THIẾT
TTC WORLD - TÀ CÚ
TTC TRAVEL - BÌNH THUẬN

BẾN TRE

TTC PALACE - BẾN TRE
TTC - KHU ẨM THỰC BẾN TRE
TTC - NHÀ HÀNG ĐỒNG KHỜ 2
TTC - NHÀ HÀNG NỔI
TTC TRAVEL - BẾN TRE

PHÚ QUỐC

CAMPUCHIA

HOÀNG SA

TRƯỜNG SA

1

THÔNG TIN CHUNG

GIỚI THIỆU CÔNG TY	08
TTC HOSPITALITY NĂM 2020	22

2

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	32
BÁO CÁO KINH DOANH	34
BÁO CÁO CÁC KHỐI	42

4

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO CỦA HĐQT	74
------------------	----

5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	98
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	146

3

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN 2021 -2025	60
MỤC TIÊU TRỌNG TÂM	64

MỤC

LỤC



6

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ



01

THÔNG TIN CHUNG

GIỚI THIỆU CÔNG TY

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN 08

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY 12

DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO & NHÂN SỰ CHỦ CHỐT 20

TTC HOSPITALITY NĂM 2020

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI 22

THÔNG điệp TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 24

KẾT QUẢ NỔI BẬT 26

TÓM TẮT TÀI CHÍNH 28

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Tên giao dịch:

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Tên viết tắt:

TTC TOURIST

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Công ty Cổ phần mã số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
cấp lần đầu ngày 11/7/2006 (số cũ: 4903000270).



Vốn điều lệ:

972.766.080.000 đồng

(Cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
cấp đổi lần 22 ngày 05/02/2020)



253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02,
Quận Tân Bình, Tp.HCM



1900 55 88 55



ttchospitality.vn



Mã cổ phiếu: **VNG**

01 | LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần Du lịch Thành Thành Công được hình thành trên cơ sở chuyển đổi tên từ Công ty cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (Vinagolf).

1995-1997

Tiền thân Vinagolf là những đơn vị hoạt động kinh doanh dịch vụ khách sạn tại hai chi nhánh Đà Lạt và Cần Thơ trực thuộc Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2006

Hoàn thành việc cổ phần hóa, Vinagolf đi vào hoạt động với vốn điều lệ là 130 tỷ đồng, hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ khách sạn với thương hiệu Golf Hotel.

2009

Chính thức niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu VNG và giá giao dịch ngày đầu tiên 17/12/2009 là 16.000 đồng/cổ phiếu.

2012

Đưa vào hoạt động 02 (hai) công ty con TNHH MTV do Vinagolf sở hữu 100% vốn trên cơ sở quản lý kinh doanh Khách sạn Golf 3 tại Đà Lạt và Khách sạn Golf Hội An.

2005

Thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi Chi nhánh Đà Lạt và Cần Thơ của Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thành Công ty Cổ phần Golf Việt Nam (VINAGOLF).

2007

Thành lập Chi nhánh Hồ Chí Minh trên cơ sở mở rộng hoạt động kinh doanh đối với dịch vụ lưu hành nội địa, quốc tế.

2011

Vinagolf góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor quản lý khách sạn Golf Angkor, từng bước chinh phục thị trường Đông Dương.

2014

Công ty Cổ phần Golf Việt Nam thực hiện chuyển đổi tên sang Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công, đánh dấu sự ra đời thương hiệu TTC trong lĩnh vực dịch vụ khách sạn, nhà hàng và du lịch.

2015-2016

Đầu tư mua các công ty con, xây dựng hệ thống dịch vụ, khách sạn, nhà hàng và du lịch TTC trải dài từ Đà Nẵng đến khu vực các tỉnh Miền Tây, với tên thương hiệu TTC Hospitality.

2018

Sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi – một công ty con – và phát hành Cổ phiếu dành cho người lao động, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên 837.044.050.000 đồng.

- Tháng 5/2018 khai trương khách sạn TTC Hotel Premium - Angkor đánh dấu bước tiến mới của TTC Hospitality ở thị trường quốc tế.
- Tháng 7/2018 khai trương khách sạn TTC Hotel Premium - Hội An, mở rộng thương hiệu TTC Hospitality ở miền Trung.

2017

Tăng vốn điều lệ từ 130.000.000.000 đồng lên 752.050.000.000 đồng thông qua việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2019

Tiếp tục tăng trưởng về vốn bằng việc nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng và phát hành cổ hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Đến ngày 05/02/2020 vốn điều lệ Công ty được nâng lên đến 972.766.080.000 đồng.

Năm 2019 còn là năm đánh dấu việc nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty lên tầm quốc tế khi triển khai thành công ký kết hợp tác chiến lược cùng Tập đoàn toàn cầu Minor Hotels trong việc quản lý vận hành khách sạn TTC Hotel Dốc Lết để từ đó chuẩn hóa dịch vụ trong hệ thống.

2020

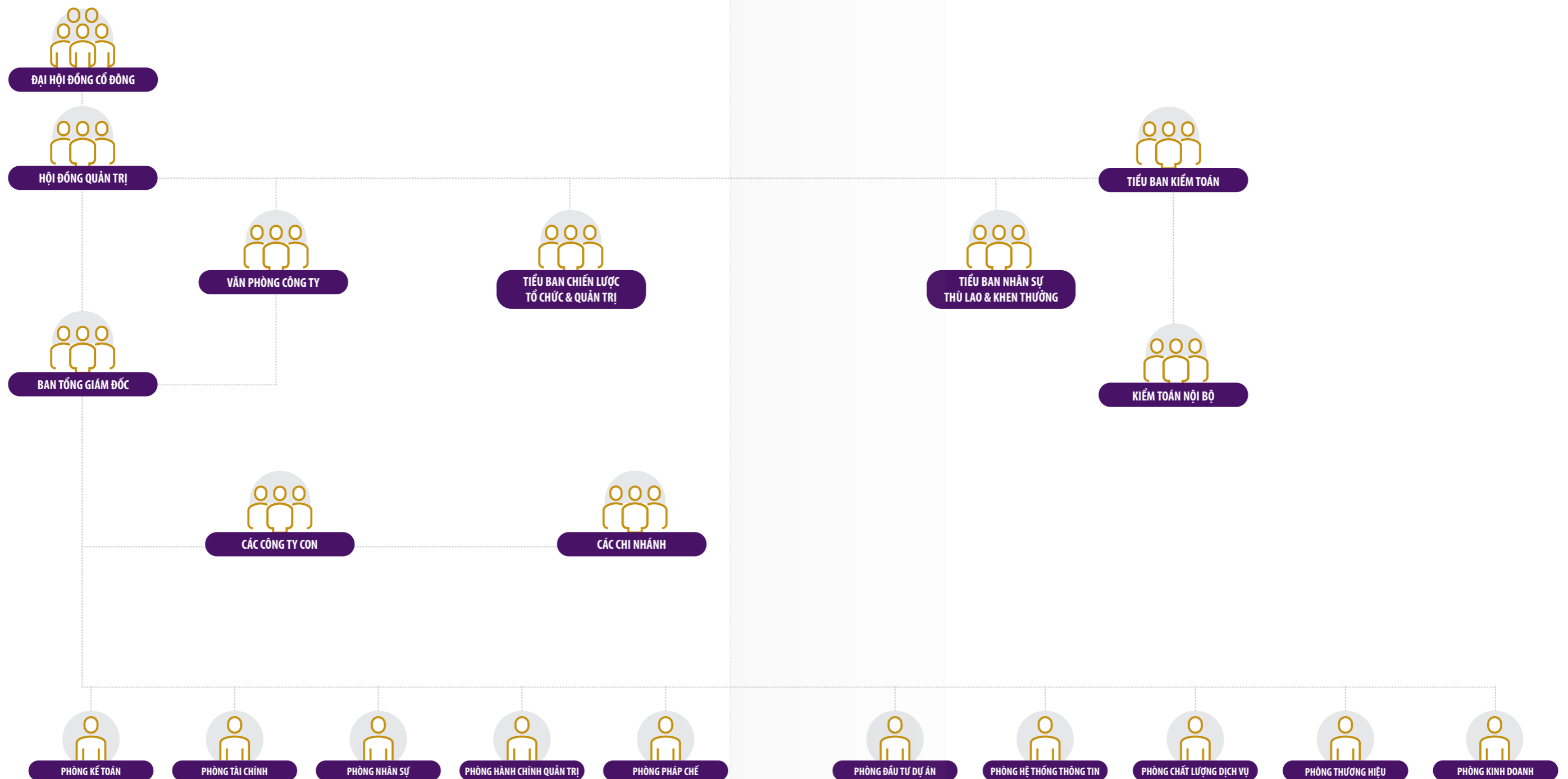
Tháng 4/2020 thành lập Công ty Lữ hành Quốc Tế tách từ mảng Lữ Hành để hoạt động độc lập nhằm chuyên môn hóa mảng Lữ Hành.

Nhằm củng cố và đa dạng hóa các ngành nghề trong giai đoạn dịch, công ty đã đưa ra nhiều giải pháp. Trong đó, phát triển chuỗi sản phẩm F&B được ưu tiên hàng đầu.

Ngày 30/12/2020 khách sạn Michelia đón nhận quyết định công nhận đạt chuẩn 5 sao.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ



CÔNG TY CON

Tên giao dịch:

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THANH BÌNH

Cơ sở kinh doanh dịch vụ:



- TTC Hotel - Airport
- TTC Hotel - Tân Bình
- Tòa nhà Betrimex



512 Lý Thường Kiệt, Phường 7,
Tân Bình, Hồ Chí Minh



(028) 3971 6568
(028) 3971 6569



Vốn điều lệ:

99.000.000.000 ĐỒNG

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:



Khách sạn



Nhà hàng



Tỷ lệ sở hữu:

74.8%



CÔNG TY CON

Tên giao dịch:

CÔNG TY TNHH DU LỊCH TTC

Cơ sở kinh doanh dịch vụ:



- TTC Hotel - Michelia
- TTC Hotel - Phan Thiết
- TTC Resort - Dốc Lết
- TTC Palace - Bình Thuận
- TTC Laundry - Bình Thuận



04 Pasteur, Phường Xương Huân,
Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



0258 3821 905



Vốn điều lệ:

403.689.770.000 ĐỒNG

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:



Khách sạn



Nhà hàng



Lữ hành nội địa
và quốc tế



Giặt ủi



Tỷ lệ sở hữu:

100%



CÔNG TY CON Tên giao dịch:

CÔNG TY TNHH DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG LÂM ĐỒNG

Cơ sở kinh doanh dịch vụ:



- TTC Hotel - Ngọc Lan
- TTC Hotel - Hội An
- TTC World - Thung Lũng Tình Yêu
- TTC Laundry - Đà Lạt
- TTC Spa - Bình Thuận



Số 03 - 05 - 07 đường Mai Anh Đào, P. 8,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

02633 528 888

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:



Khách sạn



Nhà hàng



Khu vui chơi



Giặt ủi



Vốn điều lệ:

355.800.610.000 ĐỒNG



Tỷ lệ sở hữu:

100%



CHI NHÁNH Tên giao dịch:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG TẠI CẦN THƠ



• TTC Hotel - Cần Thơ



Số 02 Hai Bà Trưng,
Quận Ninh Kiều, Cần Thơ



0292 03812 210

Tên giao dịch:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG TẠI LÂM ĐỒNG



• TTC Hotel - Đà Lạt



Số 04 Nguyễn Thị Minh Khai, Tp. Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng



0263 3826 042



CÔNG TY
LIÊN KẾT

Tên giao dịch:

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH BẾN TRE

Cơ sở kinh doanh dịch vụ:



- TTC Palace - Bến Tre
- TTC - Khu Ẩm thực Bến Tre
- TTC - Nhà hàng Đồng Khởi 2
- TTC - Nhà hàng nổi Bến Tre
- TTC - Nhà hàng Đồng Châu
- TTC Office Building - Bến Tre
- TTC Travel - Bến Tre, TTC Travel - Tiền Giang.



16 Hai Bà Trưng, Phường 2,
Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre



0275 822 392



Vốn điều lệ:

52.593.480.000 ĐỒNG

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:



Dịch vụ văn phòng
cho thuê



Nhà hàng



Lữ hành nội địa
và quốc tế



Tỷ lệ sở hữu:

20.75%



CÔNG TY
LIÊN KẾT

Tên giao dịch:

CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN DU LỊCH VINAGOLF ANGKOR

Cơ sở kinh doanh dịch vụ:



- TTC Hotel - Angkor



National Road 6, Phum Kruos, Svay
Dangkum, Siemreap, Cambodia Kingdom



Vốn điều lệ:

2.430.000 USD

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:



Khách sạn



Nhà hàng



Lữ hành nội địa
và quốc tế



Tỷ lệ sở hữu:

49%



ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO

Ông HOÀNG MẠNH TIẾN - TV HĐQT

Ông Hoàng Mạnh Tiến có nhiều năm kinh nghiệm trong quản lý, điều hành quản lý dự án nâng cao chất lượng hoạt động kiểm soát nội bộ. Ông đã từng được giao đảm nhận nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, trưởng tiểu ban kiểm toán của nhiều Công ty lớn. Từ năm 2018 đến nay ông là TV HĐQT công ty, với sự am hiểu chuyên sâu về Luật, ông đã phối kết hợp cùng HĐQT và BTGD đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro, góp phần kiện toàn bộ máy, đưa hoạt động công ty ngày càng vững mạnh.

Ông ĐẶNG HUỲNH ANH TUẤN - TV HĐQT

Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn ngoài kiến thức chuyên sâu về Quản trị du lịch, bề dày kinh nghiệm quản trị, điều hành khi từng đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT, Tổng giám đốc của các công ty quy mô lớn trực thuộc Tập đoàn TTC trước khi đảm nhận vị trí TV HĐQT Công ty từ năm 2017 đến nay. Quyết liệt, linh hoạt trong công tác chỉ đạo, điều hành đã giúp ông lãnh đạo công ty đạt được nhiều thành tựu đáng kể.

Ông NGUYỄN THẾ VINH - CHỦ TỊCH HĐQT

Ông Nguyễn Thế Vinh từng kinh qua các vị trí Tổng giám đốc, Chủ tịch HĐQT nhiều công ty lớn thuộc Tập đoàn TTC trước khi đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT Công ty từ năm 2017 đến nay. Với kinh nghiệm quản lý điều hành vượt trội, phân tích tài chính sắc bén cùng khả năng đàm phán thuyết phục, ông đã dẫn dắt Công ty vượt sóng và đạt nhiều thành tựu.



Bà PHAN THỊ HỒNG VÂN - PHÓ CHỦ TỊCH TT HĐQT

Với nền tảng và năng lực tài chính, quản trị cùng tầm nhìn xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa, bà Phan Thị Hồng Vân được tin nhiệm cho các vị trí giám đốc tài chính tại nhiều công ty lớn trước đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc và từ tháng 11/2020 bà được bổ nhiệm vị trí Phó Chủ tịch HĐQT Công ty. Quyết liệt và giàu kinh nghiệm, bà đã lãnh đạo Công ty ngày càng đi lên trước sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường.

Bà TRẦN VÕ HIẾU THUẬN - TỔNG GIÁM ĐỐC

Bề dày năng lực và kinh nghiệm quản lý, vận hành lĩnh vực khách sạn và các quỹ đầu tư là bảo chứng cho vị trí Tổng giám đốc Công ty hiện tại của bà Trần Võ Hiếu Thuận. Với nền tảng kiến thức cấp tiến từ nước ngoài, kinh nghiệm giảng dạy cho các trường đại học uy tín trong nước, bà Trần Võ Hiếu Thuận đã mang làn gió mới vào công tác điều hành, hứa hẹn những bước tiến vượt bậc của Công ty trong tương lai.

Ông NGUYỄN VŨ HOÀNG AN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Vũ Hoàng An với nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành tại nhiều công ty Du lịch lớn. Năm 2018 ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc công ty. Vận dụng linh hoạt những kinh nghiệm thực tiễn cùng khả năng phân tích tài chính, tầm nhìn xây dựng đội ngũ kế thừa chất lượng, ông đã từng bước đưa công ty phát triển bền vững.

Ông BÙI TẤN KHẢI - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Bùi Tấn Khải được Ban lãnh đạo tin nhiệm và giao đảm trách vị trí Kế toán trưởng công ty qua nhiều năm bởi năng lực chuyên môn cao, tư duy nhạy bén, am hiểu về luật pháp. Ông luôn có những phân tích, dự báo tình hình tài chính, tham mưu kịp thời và là cánh tay nối dài của Ban lãnh đạo.



03 | DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO & NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN THẾ VINH
Chủ tịch HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,58%



Bà PHAN THỊ HỒNG VÂN
P. CT TT HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,05%



Ông ĐẶNG HUỠNH ANH TUẤN
Thành viên HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 1,35%



Ông HOÀNG MẠNH TIẾN
Thành viên HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,00%



Ông VŨ VIẾT BẢN
Thành viên HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,04%



Ông ĐỖ HUY HIỆP
Thành viên HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0%

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần
theo danh sách cổ đông
tại ngày 31/12/2020

BAN ĐIỀU HÀNH



Bà TRẦN VÔ HIẾU THUẬN
Quyền Tổng giám đốc
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0%



Ông NGUYỄN VŨ HOÀNG AN
Phó Tổng giám đốc
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,05%



Ông PHAN MINH TRÍ
Phó Tổng giám đốc
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,02%

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT KHÁC



Ông BÙI TẤN KHẢI
Kế toán trưởng
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,02%

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH

Với lợi thế sở hữu chuỗi khách sạn/ resort, trung tâm hội nghị, khu vui chơi và trung tâm lễ hành trải dài khắp các tỉnh, thành phố du lịch trọng điểm của Việt Nam như Nha Trang, Đà Lạt, Ninh Thuận, Phan Thiết, TP. Hồ Chí Minh, Bến Tre, Cần Thơ... và tại thành phố Siem Reap, Vương quốc Campuchia, TTC Hospitality tự hào đón 2,8 triệu lượt khách mỗi năm và mang sứ mệnh “*Đồng hành cùng địa phương phát triển ngành du lịch Việt Nam*”.

Nhận thức được vai trò là một trong những nhà tiên phong trong ngành công nghiệp không khói, TTC Hospitality liên tục xây dựng các sản phẩm du lịch đa dạng dựa trên lợi thế địa phương nơi các đơn vị của TTC Hospitality trú đóng như: tại Bình Thuận đầu tư các hạng mục phát triển du lịch tâm linh tại núi Tà Cú; tại Bến Tre, Cần Thơ phát triển du lịch ẩm thực, khám phá sông nước, văn hoá miền Tây Nam bộ; tại Đà Lạt, đẩy mạnh du lịch trải nghiệm những giá trị văn hoá truyền thống dân tộc như văn hoá cồng chiêng v.v... Những sản phẩm du lịch này không chỉ mang đến những trải nghiệm thú vị cho du khách mà còn đồng hành cùng địa phương phát huy những thế mạnh nhằm quảng bá sâu rộng những nét đẹp văn hoá, thiên nhiên, đất nước và con người Việt Nam đến khách du lịch trong và ngoài nước.

Để đóng góp nhiều hơn nữa cho sự phát triển du lịch Việt Nam, giai đoạn 2021 – 2025, TTC Hospitality đã xây dựng những định hướng phát triển cho từng lĩnh vực kinh doanh cụ thể.

- Với lĩnh vực lưu trú, TTC Hospitality sẽ tiếp tục công tác đầu tư vào các khách sạn 4-5 sao và hợp tác với các thương hiệu quản lý khách sạn quốc tế, góp phần đưa thương hiệu TTC Hospitality tiệm cận với đẳng cấp và các tiêu chuẩn thế giới.
- Tại các khu vui chơi, TTC Hospitality sẽ hoàn thành mục tiêu nằm trong Top 3 những đơn vị kinh doanh điểm đến du lịch lớn nhất trong cả nước.
- Với các nhà hàng và trung tâm hội nghị, Công ty sẽ không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ của mình, đồng thời khai thác tối đa những thế mạnh về thiên nhiên, ẩm thực tại từng địa phương.
- Trong lĩnh vực lữ hành, TTC Hospitality sẽ tập trung quảng bá thương hiệu TTC Travel thông qua khai thác các tour du lịch nổi bật, độc lạ, và dẫn đầu các xu hướng mới ở cả trong nước lẫn quốc tế.

Với phương châm “**Khẳng định thương hiệu bằng chất lượng dịch vụ**”, TTC Hospitality đã, đang và sẽ không ngừng nỗ lực để không chỉ trở thành một thương hiệu du lịch Việt Nam uy tín, mà còn thực hiện tốt cam kết “*Đồng hành cùng địa phương phát triển ngành du lịch Việt Nam*” của mình.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TTC Hospitality xây dựng “bộ nguyên tắc” trong hoạt động và vận hành bộ máy làm nền tảng cho việc hiện thực hoá tầm nhìn sứ mệnh.

- **Tâm huyết:** làm việc bằng cái tâm để mang đến sản phẩm tốt nhất cho khách hàng.
- **Thấu hiểu:** hiểu nhu cầu, tâm tư khách hàng.
- **Nghiêm ngặt:** đảm bảo các quy trình được tuân thủ, các nguyên tắc được thực thi.
- **Chuyên nghiệp:** trong vận hành bộ máy và phục vụ khách hàng.
- **Chất lượng:** từ dịch vụ đến sản phẩm và phục vụ.



**KHẲNG ĐỊNH
THƯƠNG HIỆU
BẰNG
CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ**

Thương hiệu của một công ty, ngoài việc khẳng định quyền sở hữu với sản phẩm kinh doanh còn mang lại các giá trị, lợi ích cũng như lời hứa của thương hiệu với người tiêu dùng. “Chất lượng dịch vụ” là giá trị cũng đồng thời là lời hứa của thương hiệu TTC Hospitality đối với khách hàng.

Từ những ngày đầu thành lập, TTC Hospitality xem phương châm “**Khẳng định thương hiệu bằng chất lượng dịch vụ**” là kim chỉ nam trong mọi hoạt động. Với các lĩnh vực kinh doanh bao gồm lưu trú, trung tâm hội nghị, khu vui chơi và lữ hành, thì mỗi đánh giá của khách hàng đóng vai trò quan trọng để TTC Hospitality thay đổi và cải tiến chất lượng dịch vụ.

- Đánh giá về sản phẩm giúp chúng tôi điều chỉnh, nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại giá trị thụ hưởng cho khách hàng;
- Đánh giá về đội ngũ giúp chúng tôi chuyên nghiệp hoá chất lượng phục vụ khách hàng;
- Đánh giá về cơ sở vật chất giúp chúng tôi chuẩn hoá hạ tầng, trang thiết bị nhằm mang đến cho khách hàng những trải nghiệm tiện ích và đẳng cấp...

Chính những yêu cầu khắt khe của khách hàng giúp chúng tôi luôn tận tâm cải tiến chất lượng dịch vụ, mang đến những sản phẩm tối ưu cho khách hàng. Khi sử dụng bất kỳ sản phẩm, dịch vụ nào của TTC Hospitality, từ khách sạn cao cấp tại Nha Trang, Cần Thơ, Phan Thiết đến các nhà hàng địa phương tại Bến Tre, khách hàng cũng đều được trải nghiệm chất lượng dịch vụ đẳng cấp và chuyên nghiệp.

Vì vậy, “**Khẳng định thương hiệu bằng chất lượng dịch vụ**” vừa là phương châm hoạt động của TTC Hospitality, vừa là lời hứa với mỗi đối tác, nhà đầu tư, và khách hàng – những người luôn gắn bó, đồng hành cùng Công ty.

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Khách hàng và Đối tác!

Năm 2020, dưới tác động của dịch Covid-19, ngành du lịch thế giới đã thụt lùi trở về thời điểm 30 năm trước khi giảm 1 tỷ lượt khách và tổn thất 1,1 nghìn tỷ USD khoảng 100 – 120 triệu lao động trong ngành bị mất việc. Riêng tại Việt Nam, lượng khách quốc tế cả năm chỉ đạt 3,7 triệu lượt, giảm 79,5% so với năm 2019; khách nội địa giảm 34,1%.

Với Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Hospitality), năm 2020 thật sự là một năm đầy biến động khi các kế hoạch hành động, chiến lược kinh doanh phải liên tục thay đổi để phù hợp với tình hình thực tế. TTC Hospitality sớm bắt kịp xu hướng du lịch tại chỗ (staycation) từ đó cho ra đời các dòng sản phẩm du lịch đặc sắc, linh hoạt nâng cao chất lượng dịch vụ với tiêu chí “giảm giá nhưng chất lượng không giảm”; ra mắt các sản phẩm F&B; và đặc biệt là tăng cường các biện pháp phòng chống dịch trong trạng thái “bình thường mới”. Tất cả đều nhằm thực hiện mục tiêu kép chủ động thích ứng và phục hồi hiệu quả trong tình hình mới.

Năm 2020 được xem là năm củng cố và là năm bản lề cho chiến lược giai đoạn 5 năm 2020 -2025 nhiều thách thức nhưng cũng hứa hẹn nhiều tiềm năng. Với lĩnh vực Khu vui chơi, chúng tôi đã mạnh dạn đầu tư hàng loạt các hạng mục phục vụ giải trí, tham quan và ẩm thực phù hợp thị hiếu khách hàng tại TTC World – Trung tâm Tinh yêu, các hạng mục phát triển du lịch tâm linh tại TTC World – Tà Cú; với lĩnh vực Lưu trú, chúng tôi liên tục cho ra đời những sản phẩm du lịch trọn gói, giúp du khách trải nghiệm trọn vẹn hệ sinh thái TTC; với lĩnh vực Trung tâm hội nghị/ Nhà hàng, chúng tôi không ngừng đầu tư cơ sở vật chất, giới thiệu nhiều món ăn đặc trưng TTC đến khách hàng; với lĩnh vực Lễ hành, chúng tôi tăng cường kết hợp với các hãng hàng không cho các combo bay – Khách sạn – Tour trọn gói, thiết kế các chương trình tour độc đáo và an toàn cho du khách.

Dù vừa phải gồng mình chống dịch, vừa phải tạo ra sức đề kháng bảo vệ “cơ thể”, nhưng ngành du lịch nước nhà vẫn vinh dự được Giải thưởng Du lịch Thế giới (WTA) tôn vinh ở 3 hạng mục “Điểm đến Di sản hàng đầu châu Á”, “Điểm đến Văn hóa hàng đầu châu Á” và “Điểm đến Ẩm thực hàng đầu châu Á”; các địa danh tại Việt Nam liên tục được truyền thông thế giới nhắc đến với những mỹ từ “tốt nhất thế giới”, “lựa chọn hàng đầu”. Điều này khẳng định du lịch Việt Nam, các điểm đến Việt Nam đã “bền rễ” trong lòng du khách quốc tế và chúng ta hoàn toàn có quyền tin tưởng vào sự hồi sinh kỳ diệu.

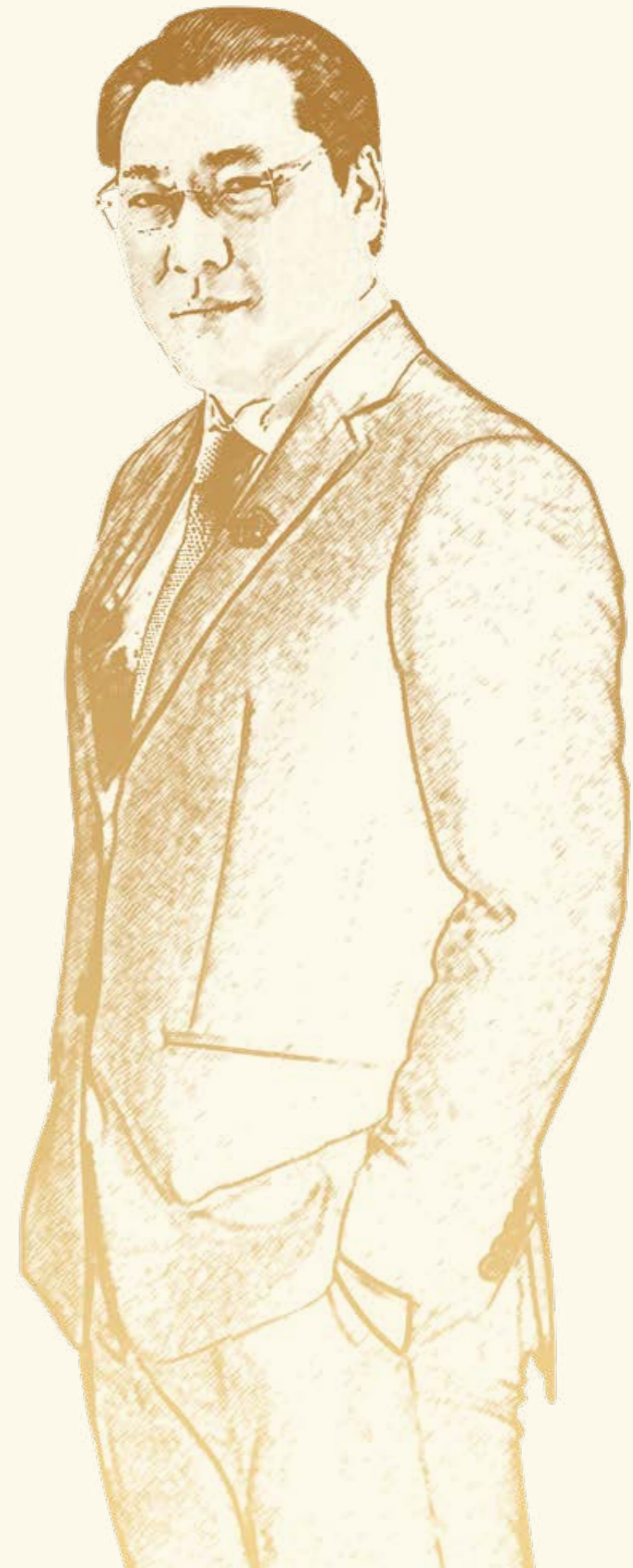
Với chiến lược kinh doanh linh hoạt, đội ngũ nhân sự tài năng và nhiệt huyết cùng sự đồng hành, ủng hộ của các khách hàng và đối tác, năm 2020 với TTC Hospitality dù còn nhiều khó khăn nhưng chúng tôi đã có được những bài học quý giá và “vượt bão” thành công. Đây cũng sẽ là nền tảng để chúng tôi chủ động ứng phó những thách thức mới, duy trì sự phát triển và tiếp tục đóng góp vào ngành du lịch nước nhà. Các giải thưởng TTC Hospitality đạt được như “Customer Review Awards” từ Agoda, “Traveller Review Awards” từ Booking.com hay Loved By Guests từ Hotels.com..., đã minh chứng rằng những nỗ lực của chúng tôi đã được đền đáp.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Quý Khách hàng và Đối tác cùng Ban điều hành, cán bộ nhân viên đã luôn là những cộng sự nhiệt huyết và dành sự tin tưởng và đồng hành cùng TTC Hospitality. Hội đồng quản trị khảng định TTC Hospitality không chỉ tiếp tục tăng trưởng về quy mô tài sản mà còn đảm bảo kinh doanh hiệu quả, chinh phục mục tiêu chiến lược đã đề ra và hoàn thành sứ mệnh của mình.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng./

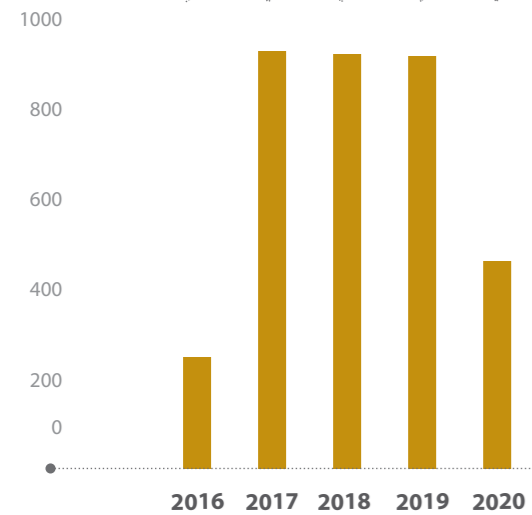
Ông NGUYỄN THẾ VINH
Chủ tịch HĐQT



KẾT QUẢ NỔI BẬT

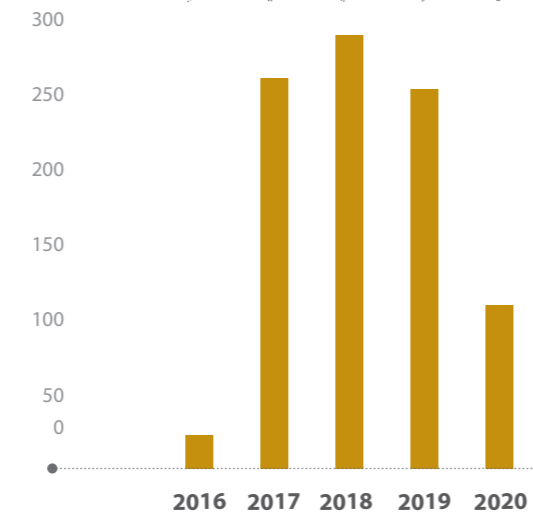
DOANH THU THUẦN

Đơn vị: tỷ đồng



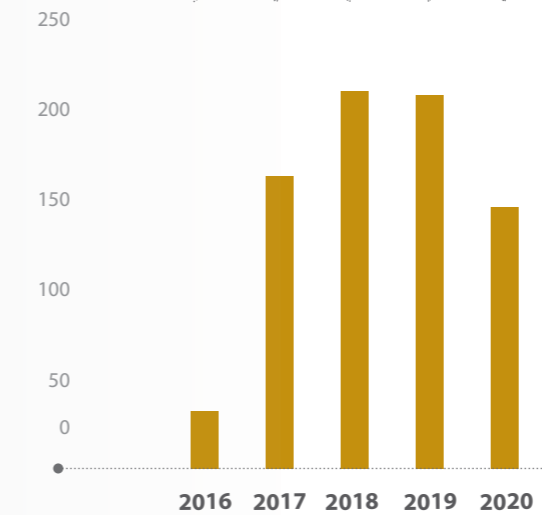
LỢI NHUẬN GỘP

Đơn vị: tỷ đồng



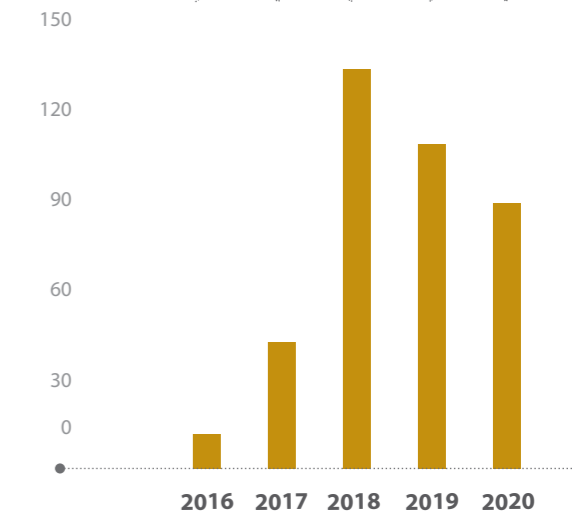
EBITDA

Đơn vị: tỷ đồng



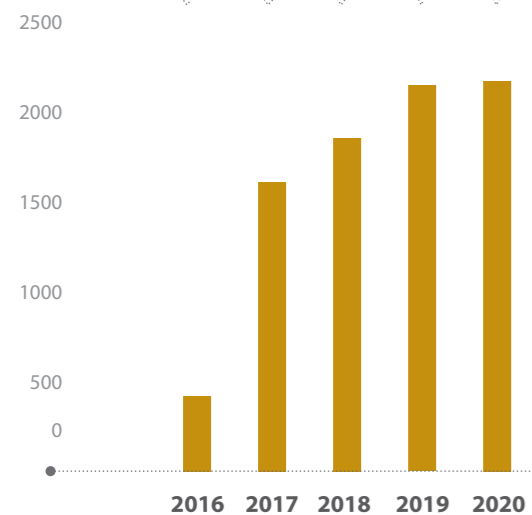
EBIT

Đơn vị: tỷ đồng



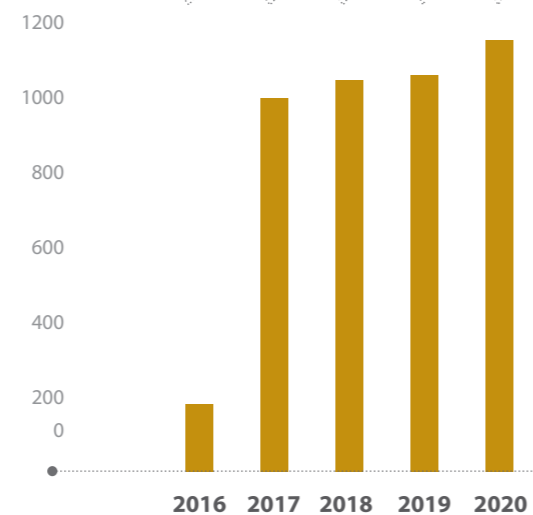
TỔNG TÀI SẢN

Đơn vị: tỷ đồng



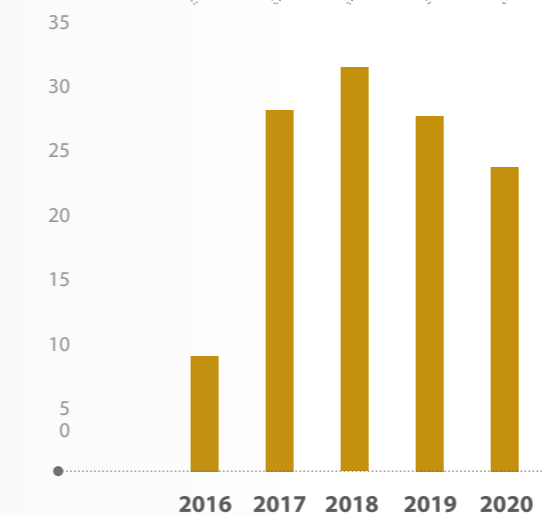
VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị: tỷ đồng



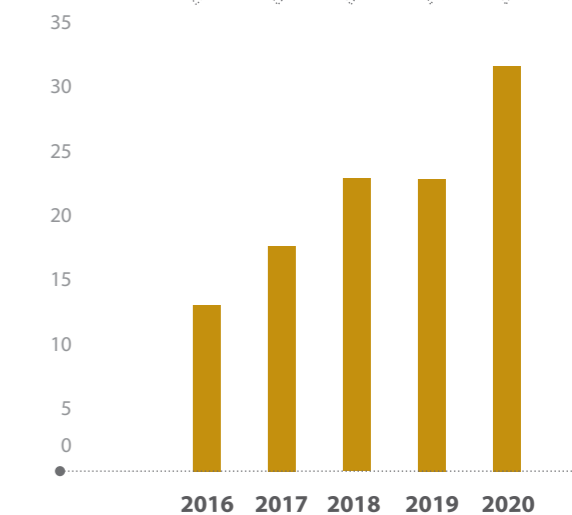
BIÊN LỢI NHUẬN GỘP

Đơn vị: tỷ đồng



BIÊN EBITDA

Đơn vị: tỷ đồng



28 TÓM TẮT TÀI CHÍNH

TÓM TẮT CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2020	31/12/2019	TĂNG/ GIẢM (%)	31/12/2018	31/12/2017	CAGR (2017-2019) (%)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2,164,803	2,141,916	1%	1,849,713	1,606,248	15
Tài sản ngắn hạn	587,287	354,753	66%	575,868	494,639	-15
Tiền và các khoản tương đương tiền	105,144	68,891	53%	74,115	50,806	16
Đầu tư tài chính ngắn hạn		455	-100%	427	13,421	-82
Các khoản phải thu ngắn hạn	453,595	248,423	83%	473,324	402,748	-21
Hàng tồn kho	8,298	12,668	-34%	11,540	12,519	1
Tài sản ngắn hạn khác	20,250	24,316	-17%	16,463	15,144	27
Tài sản dài hạn	1,577,516	1,787,163	-12%	1,273,845	1,111,609	27
Các khoản phải thu dài hạn	54,737	44,075	24%	34,933	63,518	-17
Tài sản cố định	993,722	1,221,785	-19%	939,466	790,663	24
Bất động sản đầu tư	40,291	19,740	104%	26,148	19,557	0
Tài sản dở dang dài hạn	260,936	268,111	-3%	109,043	67,180	100
Đầu tư tài chính dài hạn	155,963	85,730	82%	24,426	27,593	76
Tài sản dài hạn khác	71,866	147,722	-51%	139,828	143,097	2
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2,164,803	2,141,916	1%	1,849,713	1,606,248	15
Nợ phải trả	1,015,052	1,085,544	-6%	807,838	612,220	33
Nợ ngắn hạn	454,647	544,634	-17%	397,238	295,450	36
Nợ dài hạn	560,405	540,910	4%	410,600	316,771	31
Vốn chủ sở hữu	1,149,751	1,056,372	9%	1,041,875	994,027	3

29

TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	2020	2019	TĂNG/ GIẢM (%)	2018	2017	CAGR (2017-2019) (%)
Doanh thu thuần	460,521	914,823	-50%	919,310	925,686	-1
Giá vốn hàng bán	351,558	662,029	-47%	630,851	665,627	0
Lợi nhuận gộp	108,963	252,794	-57%	288,459	260,060	-1
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21,270	46,338	-54%	86,065	57,725	-10
Lợi nhuận/(lỗ) khác	3,813	7,351	-48%	4,340	1,125	156
Lợi nhuận trước thuế	25,082	53,689	-53%	90,405	58,850	-4
Lợi nhuận sau thuế	20,710	37,324	-45%	68,778	35,736	2

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	ĐVT	31/12/2020	31/12/2019	TĂNG/GIẢM
Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1.29	0.65	98%
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.27	0.63	103%
Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.47	0.51	-7%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.88	1.03	-14%
Hệ số Nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0.39	0.38	3%
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.73	0.77	-5%
Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời				
Biên lợi nhuận gộp	%	23.66	27.63	-14%
Hệ số Biên lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao	%	31.47	22.69	39%
Hệ số Biên lợi nhuận trước thuế và lãi vay	%	19.19	11.81	62%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4.62	5.07	-9%
Biên lợi nhuận ròng	%	4.50	4.08	10%
ROE trung bình	%	1.80	3.53	-49%
ROA trung bình	%	0.96	1.74	-45%

02

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2020	32
---	-----------

BÁO CÁO KINH DOANH

PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH VÀ ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG	34
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA 4 NGÀNH KINH DOANH CHÍNH	39

BÁO CÁO CÁC KHỐI

CÁC HOẠT ĐỘNG MARKETING NỔI BẬT	42
TÌNH HÌNH NHÂN SỰ NĂM 2020	48
CÔNG TÁC ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	50
CÔNG TÁC CÁC KHỐI HỖ TRỢ	54
TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	56

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 | BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2020

1.1 | BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19, du lịch Việt Nam chịu tổn thất nặng nề nhất trong các ngành kinh tế. Du lịch thất thu khoảng 23 tỷ USD do lượng khách quốc tế đến Việt Nam giảm 80% (so với năm 2019), lượng khách trong nước cũng giảm gần 50%. Không nằm ngoài ảnh hưởng đó, Du lịch TTC cũng chịu ảnh hưởng của đại dịch, Công suất phòng bình quân toàn Ngành năm 2020 thực hiện 31% với cùng kỳ là 58%, tổng lượt khách nhóm khu vui chơi đạt 552 nghìn lượt khách đạt 37% cùng kỳ, các trung tâm tiệc cưới, nhà hàng lượng khách giảm hơn 50% so với cùng kỳ.

Từ khó khăn trên Ban Giám đốc đã linh động trong các chính sách kinh doanh như: tập trung đẩy mạnh phát triển phân khúc khách hàng nội địa, thực hiện nhiều gói sản phẩm phục vụ khách nội địa, quảng bá trên nhiều fanpages, email marketing, các diễn đàn nhằm thu hút nguồn khách FIT, khách lẻ gia đình, nhóm nhỏ... để thu hút khách, chạy nhiều chương trình ưu đãi khách hàng. Tuy nhiên, do thiếu hụt lượng khách quốc tế nên doanh thu năm 2020 chỉ đạt được gần 50% so với cùng kỳ.

Bên cạnh đó, Ban Giám đốc đã linh động tiết giảm tối đa các loại chi phí và sắp xếp nhân sự cho phù hợp với tình hình dịch bệnh. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng tập trung thanh toán các danh mục đầu tư không nằm trong chiến lược để hỗ trợ thanh khoản trong thời kỳ dịch bệnh và tìm kiếm cơ hội đầu tư các khách sạn/nhà hàng mới.

Biến khó khăn thành động lực, cộng với chính sách quản trị điều hành linh động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, kết quả kinh doanh năm 2020 thực hiện đạt so với kế hoạch ĐHCĐ năm 2019 giao, cụ thể như sau:

A. | KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BÁO CÁO HỢP NHẤT (BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT)

Doanh thu thuần đạt 461 tỷ đồng, đạt 120% so kế hoạch năm, đạt 50% so cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế (LNTT) năm 2020 đạt 25 tỷ đồng, vượt 67% kế hoạch năm, đạt 46% so với cùng kỳ.

B. | KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ (BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG)

Doanh thu thuần của Công ty đạt 232 tỷ đồng đạt 127% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 32 tỷ đồng đạt 103% so kế hoạch, đạt 91% so với cùng kỳ.

1.2 | CHỈ SỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng tài sản của công ty đến 31/12/2020 đạt 2.165 tỷ đồng tăng nhẹ so đầu năm, tương đương tăng thêm 23 tỷ đồng. Nguyên nhân tăng tổng tài sản chủ yếu tăng đầu tư các khách sạn, khu vui chơi trong năm 2020. Các chỉ số thanh toán tăng trên 50% so với đầu năm và lớn hơn 1, chỉ số thanh toán này nằm trong vùng an toàn thanh khoản.

ĐVT: Triệu đồng

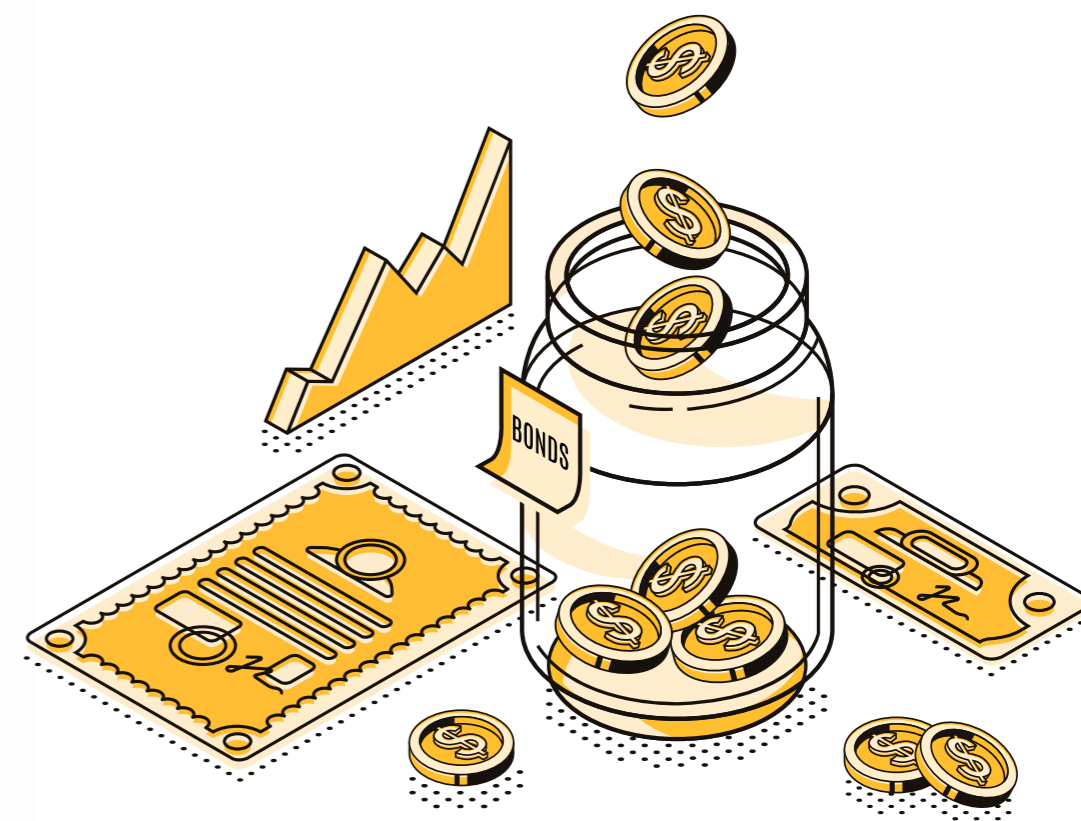
STT	NỘI DUNG	31/12/2020	01/01/2020	THAY ĐỔI	% THAY ĐỔI
1	Tổng tài sản	2,164,803	2,141,916	22,887	1%
2	Vốn chủ sở hữu	1,149,751	1,056,372	93,379	9%
3	Tổng nợ/tổng TS (%)	47%	51%	-4%	-7%
4	Tổng nợ/VCSH (%)	88%	103%	-14%	-14%
5	Thanh toán ngắn hạn (lần)	1.29	0.65	0.64	98%
6	Thanh toán nhanh	1.27	0.63	0.65	103%

1.3 | CHỈ SỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng tài sản của công ty đến 31/12/2020 đạt 1.542 tỷ đồng tăng 10% so với đầu năm, tương đương 139 tỷ đồng. Nguyên nhân tăng tài sản chủ yếu là tăng vốn điều lệ ESOP và đầu tư vào tài sản. Các hệ số thanh toán tăng 39% so với đầu năm và lớn hơn 1 lần, điều này cho thấy dấu hiệu tốt khả năng thanh khoản của Công ty.

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	31/12/2020	01/01/2020	THAY ĐỔI	% THAY ĐỔI
1	Tổng tài sản	1,541,879	1,402,632	139,247	10%
2	Vốn chủ sở hữu	1,180,830	1,096,258	84,572	8%
3	Tổng nợ/tổng TS (%)	23%	22%	0.01	7%
4	Tổng nợ/VCSH (%)	31%	28%	0.03	9%
5	Thanh toán ngắn hạn (lần)	1.27	0.92	0.35	39%
6	Thanh toán nhanh	1.27	0.91	0.36	39%

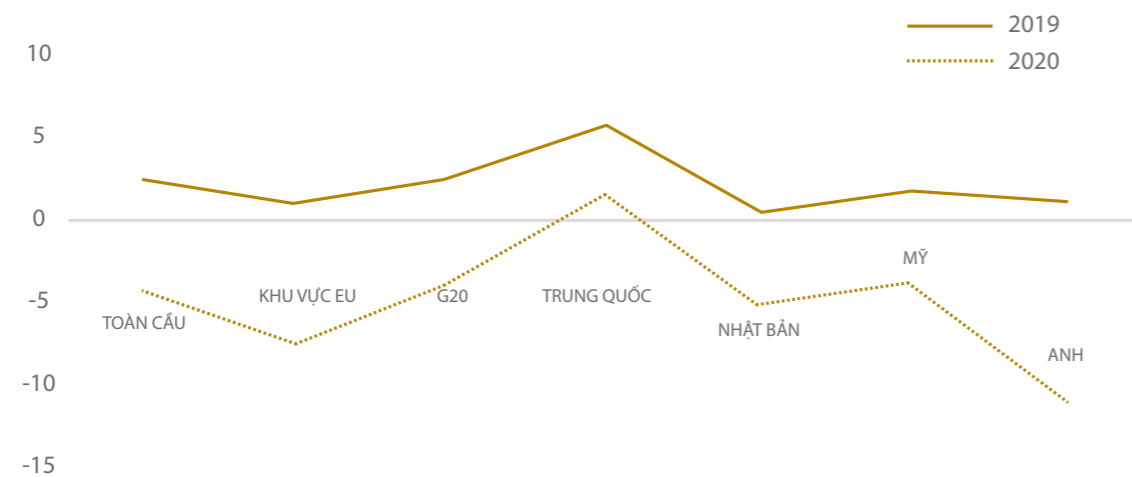


BÁO CÁO KINH DOANH

1 | PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH VÀ ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

KINH TẾ THẾ GIỚI

- Năm 2020, bắt đầu từ đầu năm, chịu sự ảnh hưởng của đại dịch covid 19, đã chứng kiến xu hướng suy giảm mạnh mẽ của hầu hết các nền kinh tế, khu vực kinh tế trên toàn cầu. Phần lớn các nền kinh tế đều tăng trưởng âm, ngoại trừ Trung Quốc, Ai Cập, Việt Nam.
- Cụ thể, trong hai quý đầu năm 2020 phần lớn các nền kinh tế là tăng trưởng âm. Xu hướng lao dốc mạnh nhất xuất hiện vào tháng 3 và tháng 4 khi các nước đồng loạt thực hiện biện pháp đóng cửa lần đầu tiên, dù có sự hồi phục nhẹ trong các tháng 5, 6. Tuy nhiên, xu hướng tích cực này có phần chững lại, diễn biến không đồng đều giữa các khu vực và nền kinh tế khi đợt bùng phát dịch lần thứ hai diễn ra mạnh mẽ tại các nước như Mỹ, khu vực EU, Nhật Bản và một số nước lớn tại khu vực châu Á
- Trong khi đó, các gói hỗ trợ kích thích kinh tế mới chưa được thông qua hoặc chưa được triển khai rộng rãi. Cùng với sự suy giảm cầu, xu hướng tiết kiệm chi tiêu do lo ngại về tình hình bất ổn kinh tế khi mà tình hình kiểm soát dịch bệnh vẫn chưa có dấu hiệu trong thời gian sớm. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2020 theo dự báo của IMF đạt khoảng -4,4%, còn theo dự báo của OECD thì ở mức -4,2%.



KINH TẾ VIỆT NAM

- Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP ước tính đạt 2,91%.
- Với phương châm chống dịch nhưng vẫn duy trì tăng trưởng kinh tế. Do đó, dù mức tăng trưởng GDP năm 2020 đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó cũng là một thành công của Việt nam với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới. Cùng với Trung Quốc và Mi-an-ma, đồng thời quy mô nền kinh tế đạt hơn 343 tỷ USD, vượt Xin-ga-po (337,5 tỷ USD) và Ma-lai-xi-a (336,3 tỷ USD), đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á (sau In-đô-nê-xi-a 1.088,8 tỷ USD; Thái Lan 509,2 tỷ USD và Phi-li-pin 367,4 tỷ USD).



TÌNH HÌNH DU LỊCH THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Báo cáo của UNWTO cho hay, lượng khách du lịch quốc tế trên toàn cầu trong năm 2020 sụt giảm tới 1,1 tỷ lượt. Tổng thu du lịch toàn cầu mất đi 1,1 nghìn tỷ USD; khoảng 100-120 triệu lao động trong ngành bị mất việc.

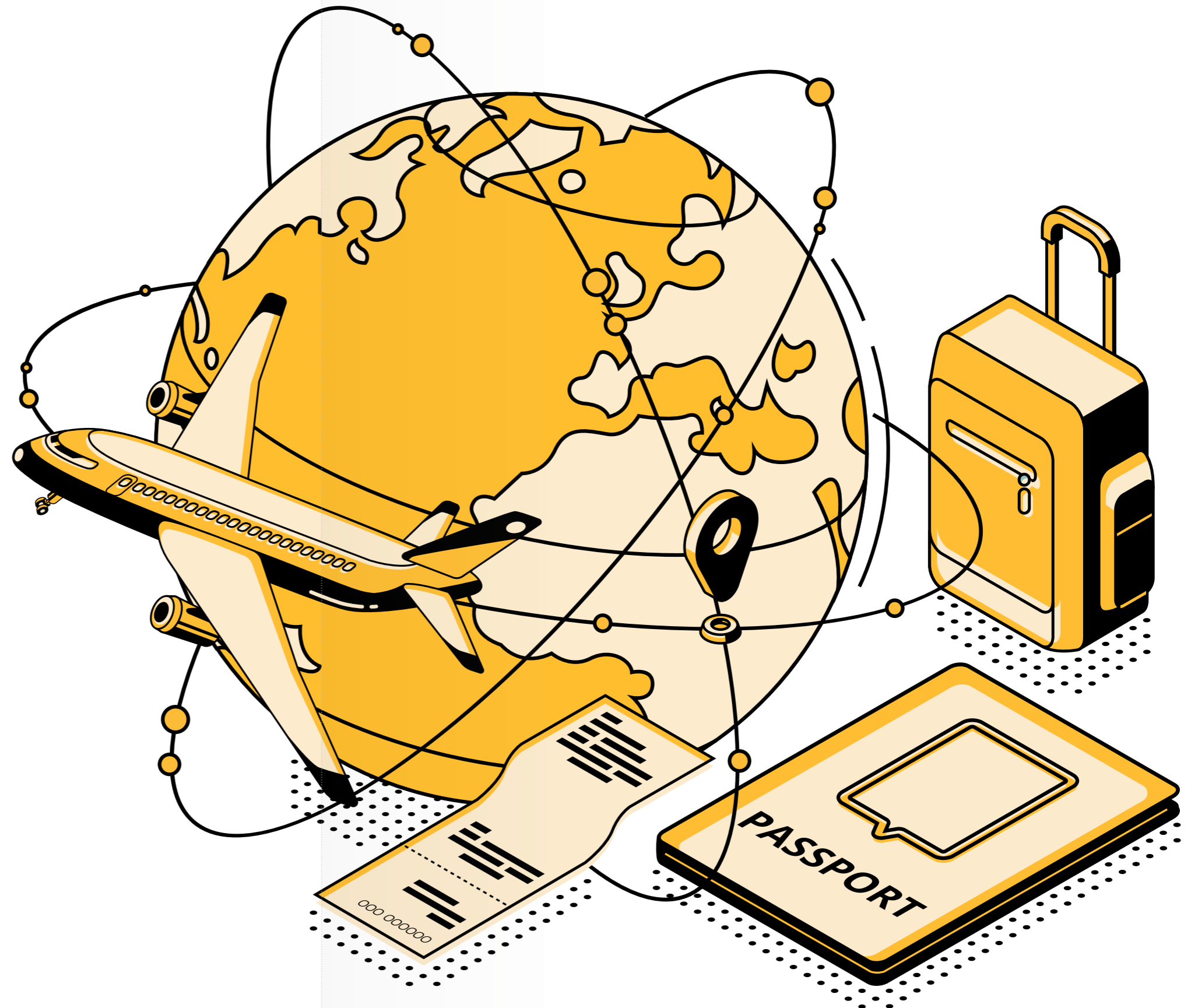
Đối với du lịch Việt Nam, với đà tăng trưởng của năm trước, bước vào năm 2020, du lịch Việt Nam đã đón lượng khách quốc tế kỷ lục trong tháng 1, đạt 2 triệu lượt, tăng 32,8% so với cùng kỳ 2019. Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành du lịch thế giới, Việt Nam cũng không ngoại lệ. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, năm 2020, khách quốc tế đến Việt Nam chỉ đạt khoảng 3,7 triệu lượt, giảm 79,5% so với 2019; khách nội địa đạt 56 triệu lượt, giảm 34,1%; tổng thu du lịch đạt 312 nghìn tỷ đồng, giảm 58,7% - mức giảm tương đương 19 tỷ USD. Khoảng 40-60% lao động bị mất việc làm hoặc cắt giảm ngày công. Khoảng 95% doanh nghiệp lữ hành quốc tế đã ngừng hoạt động. Nhiều khách sạn phải đóng cửa, công suất sử dụng phòng có thời điểm chỉ đạt từ 10-15%.

NHỮNG GIẢI PHÁP TRONG NĂM NHẪM ỨNG PHÓ TÌNH HÌNH

Sự ngưng trệ của hoạt động du lịch do dịch bệnh đã tác động sâu rộng tới các ngành liên quan và đời sống xã hội, cụ thể và dễ thấy như ngành hàng không, lưu trú, ăn uống. Trước tình thế đó, Việt Nam đã có những giải pháp chính nhằm ứng phó vượt qua những khó khăn.

Nhiều chương trình kích cầu “Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam” rơi đúng vào tháng cao điểm du lịch hàng năm, khi học sinh vào kỳ nghỉ hè. Cùng với việc kiểm soát tốt dịch bệnh. Vì vậy, trong các đợt tháng 5, 6, nhiều địa phương đã ghi nhận lượng khách nội địa tăng mạnh trung bình từ 1,5 - 3 lần so với tháng 5-2020.

Ngoài ra, các địa phương cũng đã tăng tốc chuyển đổi số trong quản lý và thông tin du lịch, thông tin các điểm đến, các sản phẩm du lịch của các địa phương, hình thành được hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử liên thông giữa Trung ương và địa phương. Thông qua đó có thể hỗ trợ được các doanh nghiệp khai thác, phục vụ hoạt động kinh doanh du lịch và phục vụ nghiên cứu thị trường khách du lịch.





CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO LUẬT PHÁP

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Ngoài ra, là một công ty đại chúng, hoạt động của Công ty sẽ phải tuân thủ theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế các luật và văn bản dưới luật trên có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch chính sách của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối chủ trương của Đảng và Nhà Nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua một số chỉ tiêu như: tốc độ tăng trưởng GDP, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái. Các yếu tố rủi ro mang tính hệ thống này tác động vào mọi chủ thể tham gia vào nền kinh tế, cụ thể là các nhân tố chính: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, và lãi suất.

Ngoài ra, là một doanh nghiệp hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty đang và sẽ chịu ảnh hưởng bởi tiềm năng tăng trưởng của ngành du lịch nói riêng và của nền kinh tế Việt Nam nói chung.

RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH

Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2006 và trở thành công ty niêm yết từ năm 2009. Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được kiểm soát chặt chẽ bởi các thành viên Tiểu Ban kiểm toán uy tín và chuyên nghiệp do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, trong đó có hai thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Do đó, các hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành du lịch, đội ngũ quản trị của Công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong vấn đề quản trị công ty.

RỦI RO VỀ CHÍNH TRỊ

Bên cạnh những yếu tố về tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân đầu người..., chính trị là một yếu tố vô cùng quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến ngành du lịch của thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng. Sự bất ổn chính trị trong nội bộ quốc gia và trong toàn khu vực không chỉ kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế, làm sụt giảm thu nhập của người dân, mà còn kéo theo tình hình mất an ninh trong khu vực. Những yếu tố đó là nguyên nhân chính có thể dẫn đến doanh thu của ngành du lịch bị sụt giảm mạnh, ảnh hưởng đến ngành du lịch của Việt Nam nói chung và của Công ty nói riêng.

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... là những rủi ro bất khả kháng, khó lường trước. Nếu xảy ra, chúng sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người, và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty luôn duy trì việc mua bảo hiểm theo đúng quy định hiện nay.

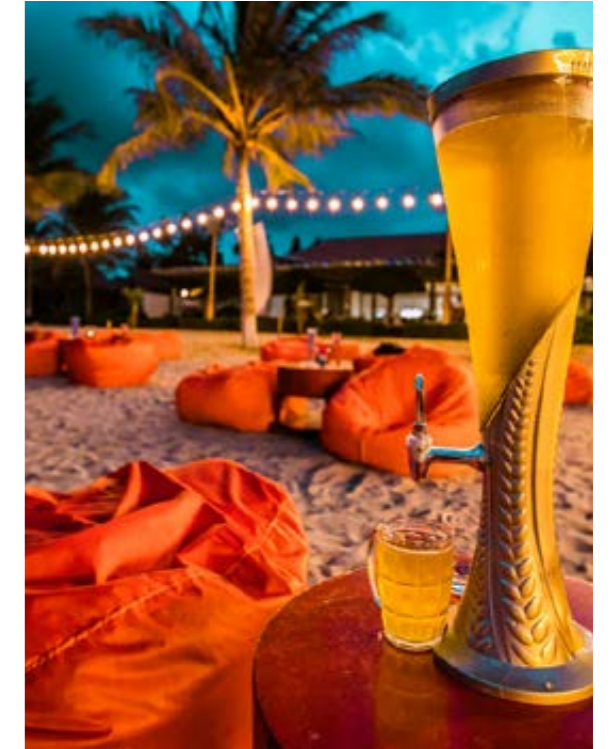
2 | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA 4 NGÀNH KINH DOANH CHÍNH

Năm 2020 là một năm đầy biến động đối với Ngành Du lịch Việt Nam khi chính phủ và người dân vừa phải chiến đấu với sự bùng phát của dịch Covid-19, vừa phòng chống thiên tai lũ lụt xảy ra tại rất nhiều địa phương trên cả nước. Những trở ngại này đã ảnh hưởng không ít tới tình hình kinh tế của cả nước nói chung, và của Ngành Du lịch TTC nói riêng.

Tuy nhiên, không bị khuất phục trước những khó khăn và thách thức, TTC Hospitality đã không ngừng đưa ra các giải pháp để duy trì hoạt động kinh doanh, ổn định công ăn việc làm cho cán bộ nhân viên, và đặc biệt là đảm bảo quyền lợi của các cổ đông. Cụ thể:

NHÓM KHÁCH SẠN/ RESORT

- Đối tượng khách hàng thay đổi từ khách quốc tế sang khách nội địa, do đó bộ phận kinh doanh đã tập trung giới thiệu các gói khuyến mãi trên fanpages, email marketing, các diễn đàn nhằm thu hút nguồn khách FIT, khách lẻ gia đình, nhóm nhỏ... để thu hút khách. Đồng thời, công ty cũng đẩy mạnh nguồn khách Corporate, Khách Mice thông qua việc giới thiệu các gói ưu đãi sử dụng kèm dịch vụ phòng ở, hội nghị, ăn uống. Đối với kênh OTAs, phòng kinh doanh vẫn liên tục tương tác với các Account Manager để theo dõi và điều chỉnh các chính sách giá phù hợp với thị trường.
- Ngoài ra, TTC Hospitality cũng đã hợp tác với các công ty du lịch lữ hành nội địa và inbound để đảm bảo nguồn khách ổn định, cũng như kết hợp chạy các series booking với các đối tác uy tín trên thị trường



NHÓM TRUNG TÂM HỘI NGHỊ/ NHÀ HÀNG

- Để tạo tiện lợi và đảm bảo an toàn cho khách hàng, các trung tâm hội nghị / nhà hàng của TTC Hospitality đã xây dựng nhiều chính sách, chương trình khuyến mãi trong mùa dịch Covid: giao món ăn tận nhà, combo món ăn thức uống tận nhà; Xây dựng nhiều gói sản phẩm cưới trọn gói và nhiều ưu đãi như tặng vàng, tặng thêm bàn, tặng bia, tặng trang trí và tặng voucher;
- Quảng bá được hình ảnh đến các phương tiện truyền thông đại chúng, sử dụng tối đa công nghệ 4.0 để đưa hình ảnh trung tâm đến với khách hàng.
- Giữ được sự liên kết chặt chẽ với các cơ quan ban ngành cũng như các đối tác cũ và thân thiết luôn quan tâm đối tác chiến lược theo nguyên tắc Win-Win nhằm giữ vững được lượng khách hàng truyền thống và tăng thêm khả năng cạnh tranh.



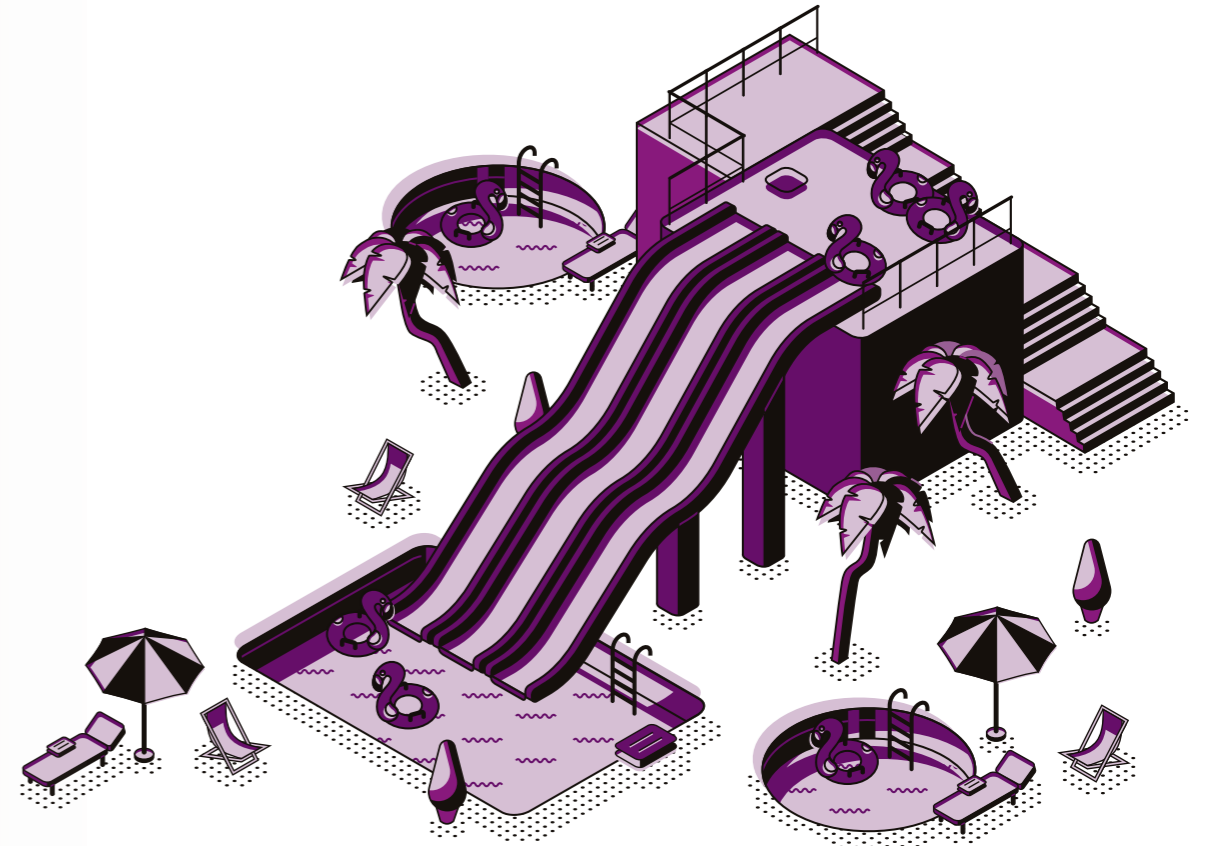
NHÓM LỮ HÀNH

- Tháng 6/2020 là một cột mốc quan trọng của mảng Lữ Hành TTC khi Công ty Lữ hành Quốc Tế được thành lập, trở thành một pháp nhân độc lập nhằm chuyên môn hóa mảng Lữ Hành, kiểm soát chi phí đồng thời dùng kênh Lữ Hành bán sản phẩm dịch vụ nội bộ của Ngành.
- Mảng kinh doanh nội địa là mảng khai thác chủ đạo trong năm 2020, sau hai đợt giãn cách xã hội việc khai thác cũng gặp không ít trở ngại. Tuy nhiên, với những lợi thế sẵn có từ hệ sinh thái TTC, Công ty Lữ hành Quốc tế TTC đã phối hợp các đơn vị khai thác bằng các sản phẩm du lịch an toàn để kích cầu với giá cả hợp lý, chất lượng nâng cao.
- Đối với thị trường lữ hành quốc tế (outbound và inbound), các đường bay quốc tế đã bị tê liệt trong phần lớn năm 2020; lượng khách quốc tế giảm đáng kể, ảnh hưởng nhiều đến các tour inbound. Tuy nhiên, dù thị trường đang trong trạng thái "ngủ đông", TTC Travel vẫn thường xuyên liên lạc các đối tác để duy trì các sản phẩm, thông tin, xây dựng các đường tour mới tại các nước Trung Đông, Đông Âu, hội thảo online để chuẩn bị tâm thế sẵn sàng chiến lược kinh doanh tour quốc tế sau dịch ổn định.
- Việc kinh doanh vé máy bay cũng gặp nhiều thách thức do việc ngừng bay các chặng quốc tế và hạn chế đường bay các chặng nội địa, lượng khách lẻ bị sụt giảm mạnh về doanh thu. Nhưng với sự linh động của các chi nhánh và sự hướng dẫn kịp thời từ Ban Lãnh đạo, phòng vé chuyển hướng kinh doanh khai thác khách đoàn đi du lịch nội địa, đặc biệt là khi các hãng hàng không có giá rất tốt vào các ngày trong tuần và luôn có những giải pháp đảm bảo an toàn bay trong mùa dịch.



NHÓM KHU VUI CHƠI

- Tại TTC World – Thung Lũng Tình Yêu, đơn vị đã đưa ra rất nhiều các chương trình ưu đãi để kích cầu tham quan trọng mùa dịch: Chương trình liên kết 4 điểm Nha Trang-Phan Thiết- Đà Lạt- Ninh Thuận, Quốc tế thiếu nhi, Chiến dịch Sắc màu mùa hè, Chương trình ưu đãi ngày Phụ nữ Việt Nam, Thứ tư vui vẻ, các chương trình ưu đãi dành cho khách sạn, taxi, người dân địa phương, học sinh, sinh viên, giáo viên, quân nhân và người cao tuổi.
- Tại TTC World - Tà Cú, đơn vị đã đa dạng hóa các sản phẩm kinh doanh: chương trình Kích cầu siêu ưu đãi, chương trình Happy Hour giảm giá khung giờ vàng, phát triển các gói sản phẩm, dịch vụ mới linh động dành cho khách hàng như chương trình Top Account cho khách hàng tiềm năng, chương trình giảm giá cáp treo cho khách sử dụng dịch vụ ẩm thực liên tục 2 buổi/ ngày hoặc 2 lượt/ đoàn, chương trình gói Combo buffet.
- Đồng thời, TTC World - Tà Cú ký kết hợp đồng seribooking với nhiều đối tác trên toàn quốc để Tà Cú trở thành điểm dừng chân tham quan không thể thiếu khi Khách tham quan Phan Thiết – Bình Thuận, cũng như thường xuyên tổ chức các chương trình, sự kiện đặc sắc nhằm quảng bá hình ảnh và thu hút sự quan tâm của người dân địa phương.



BÁO CÁO CÁC KHỐI

01 | CÁC HOẠT ĐỘNG MARKETING NỔI BẬT

1.1 | NHỮNG SỰ KIỆN VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC TIÊU BIỂU

• **Sự kiện:**

- Ký kết hợp tác kích cầu tiêu dùng giữa quận Tân Bình và TTC Hospitality (26/8/2020).
- Chương trình Áo trắng yêu thương cùng em đến trường 2020 (TTC Lâm Đồng tặng cho CBNV khó khăn) (30/6/2020).
- Gieo mầm yêu thương - Trồng cây nhớ Bác, gieo mầm yêu thương, vun đắp tương lai (TTC Lâm Đồng trồng 1000 cây xanh) (27/8/2020).
- Gieo mầm yêu thương - Trồng cây nhớ Bác, gieo mầm yêu thương, vun đắp tương lai (TTC Lâm Đồng trồng 3000 cây xanh) (19/5/2020).
- Tổ chức ngày 08/3 cho CBNV: mời HLV yoga đến trao đổi, tư vấn sức khỏe cho chị em văn phòng (08/3/2020).
- Khai trương công viên nước tại TTC Resort - Ninh Thuận (01/01/2020).
- Khai trương TTC Sea Bar tại TTC Resort - Ninh Thuận (26/09/2020).
- Khai trương Nhà hàng Thủy Tạ (Tà Cú) (tháng 11/2020).
- Chương trình TTC Nâng bước thành công (24/11/2020).



TTC Hotel – Michelia là **KHÁCH SẠN 5 SAO ĐẦU TIÊN** của hệ thống khách sạn, khu nghỉ dưỡng thuộc TTC Hospitality. Khách sạn tọa lạc tại trung tâm thành phố Nha Trang, gần bãi biển Trần Phú và các điểm tham quan nổi tiếng thành phố Nha Trang. Khách sạn cung cấp đầy đủ tiện ích như hồ bơi ngoài trời, spa, phòng gym, coffee shop và phục vụ ẩm thực Á, Âu, chương trình hội nghị, tiệc cưới, gala với sức chứa đến 750 khách. Đặc biệt, khách sạn vinh dự nhận được nhiều giải thưởng du lịch uy tín như Top 15 khách sạn 4 sao hàng đầu Việt Nam từ Tổng cục Du lịch Việt Nam, Customer Review Awards từ Agoda, Travellers' Choice từ Tripadvisor...

THAM GIA HỘI CHỢ

26/01 - 03/02

Lễ hội bánh trắng Trảng Bàng



2020

TÀI TRỢ



31/01

Tài trợ hội thi leo núi Tà Cú truyền thống



19-21/06

Dalat Ultra Trail

18-21/11

Hội chợ quốc tế VITM 2020 (18-21/11/2020)



18/10

Tài trợ 400 nón cho chạy việt dã tỉnh Long An



27-28/10

Miễn phí chỗ ở cho dân Hội An tránh bão số 9



28/10 Tài trợ cuộc thi Dalat Guiding Talent



1.2 | CÁC GIẢI THƯỞNG



Bảng Khen Chủ tịch UBND TPHCM

Danh hiệu: Thành tích xuất sắc trong công tác vận động, ủng hộ thực hiện phòng chống dịch bệnh Covid-19 tại TPHCM (30/10/2020)



TTC WORLD – THUNG LŨNG TÌNH YÊU

Danh hiệu: Travelers' Choice Awards từ Tripadvisor dành cho TTC World - Thung lũng Tình yêu (21/09/2020)



TTC HOTEL – HỘI AN

Danh hiệu: Loved By Guests Award Winner 2020 - 9/10 (07/12/2020)



TTC WORLD – THUNG LŨNG TÌNH YÊU TTC HOTEL – ĐÀ LẠT | TTC HOTEL – MICHELIA.

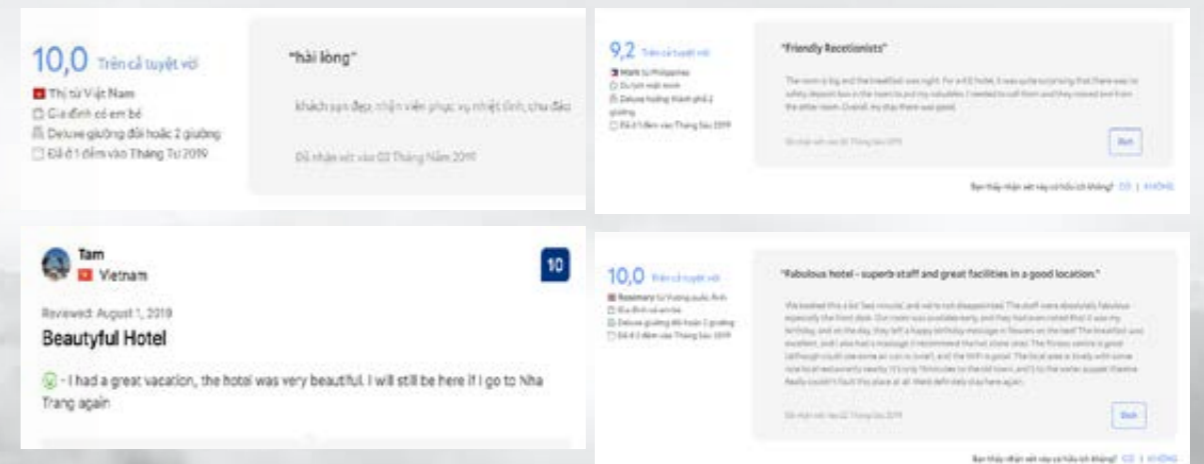
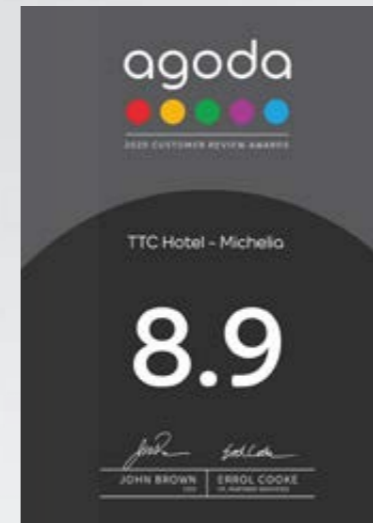
Giải thưởng:

- 2020 Customer Review Awards - 8.4 dành cho TTC Hotel – Ngọc Lan 21/09/2020
- 2020 Customer Review Awards - 8.9 dành cho TTC Hotel – Michelia (17/9/2020)
- 2020 Customer Review Awards - 8.9 dành cho TTC Hotel – Cần Thơ (19/9/2020)



TTC HOTEL – CẦN THƠ

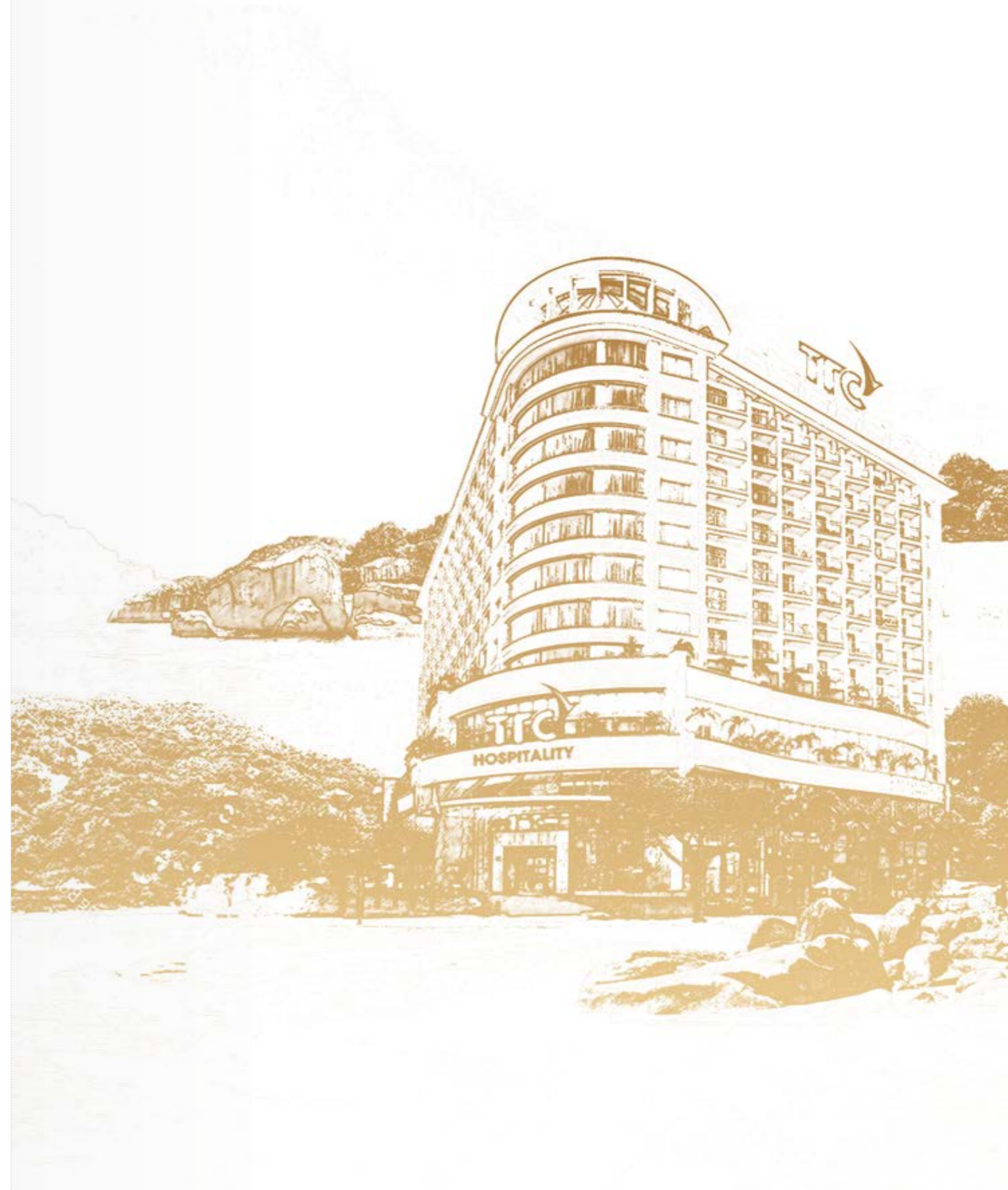
Danh hiệu: Travelers Review Awards 2020 từ Booking.com dành cho TTC Hotel – Cần Thơ (19/02/2020)



1.3 | PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

BÁNH TRUNG THU TTC HOSPITALITY

- Năm 2020, TTC Hospitality giới thiệu đến khách hàng 2 dòng bánh trung thu: dòng bánh cao cấp và dòng bánh truyền thống với thiết kế bắt mắt mang ý nghĩa như một “chiếc hộp chứa đựng những thứ quý giá” để gửi đến nhau nhân dịp Tết Đoàn Viên. Điểm đặc biệt của bánh trung thu TTC Hospitality đến từ 3 yếu tố: nhân bánh gồm những nguyên liệu quý, tốt cho sức khỏe hòa quyện tạo nên hương vị bánh thật tròn vị; tạo hình hoàn toàn bằng thủ công, làm nên những chiếc bánh tinh tế và bắt mắt; thiết kế đảm bảo yếu tố “lễ”, để cao tính thẩm mỹ và trang trọng.
- Với sự đầu tư nghiêm túc và tâm huyết, sản phẩm bánh trung thu của TTC Hospitality đã nhận được sự ủng hộ của đông đảo khách hàng, góp phần mang đến một mùa trung thu đoàn viên và đông đầy hạnh phúc.
- Tạo ra nhiều sản phẩm mới thu hút khách lưu trú: Công viên nước trong Resort Ninh Thuận cũng là một điểm mới hấp dẫn khách, các sản phẩm tùy theo thời điểm như “Yellow Highland Feeling”, “Mua phòng tặng vé tham quan” tại Ngọc Lan, “Hide away trốn dịch” tại Kê Gà, Ninh Thuận, “Happy Family” tại Đà Lạt,... Ngoài ra, còn có gói sản phẩm dành cho đối tượng khách hàng nội bộ Tập Đoàn như “Tri Ân Mùa Thu” đây cũng là một nguồn khách tiềm năng cần khai thác.
- Tăng thêm sự mới mẻ và hấp dẫn của khu du lịch Tà Cú với du khách bằng các hạng mục tiểu cảnh mới như: Vườn Lan, Vườn Thú Mini, Cầu Thang 7 sắc cầu vồng, Vườn hoa hướng dương, Cầu thang vô cực, Con đường hoa chuông vàng, kính viễn vọng tại nhà hàng Thiên Thai để khách ngắm cảnh, Xích đu tiên, Vườn hoa cây ước nguyện, Bình trà khổng lồ.



2 | TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

- Tính đến cuối năm 2020, tổng số định biên nhân sự 392 người, bình quân năm 2020 số nhân sự là 226 người, giảm gần 58%.
- Tổng chi phí tiền lương và nhân sự gần 44.6 tỷ đồng, Giảm 44.2% so kế hoạch.
- Chi phí tiền lương và nhân sự bình quân trên một nhân viên là 16.4 triệu đồng/ người/ tháng so với KH 17 triệu đồng/người/tháng, giảm 3.5% so kế hoạch.

THỐNG KÊ TÌNH HÌNH NHÂN SỰ TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM 2020:

THỐNG KÊ NHÂN SỰ THEO GIỚI TÍNH

STT	GIỚI TÍNH	SỐ NHÂN SỰ	TỶ TRỌNG
1	NAM	99	48%
2	NỮ	106	52%
TỔNG CỘNG		205	100%

THỐNG KÊ CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO ĐỘ TUỔI

STT	ĐỘ TUỔI	SỐ NHÂN SỰ	TỶ TRỌNG
1	18-25	12	6%
2	26-35	87	42%
3	36-45	70	34%
4	> 46	36	18%
TỔNG CỘNG		205	100%

THỐNG KÊ CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO LOẠI LAO ĐỘNG

STT	LOẠI LAO ĐỘNG	SỐ NHÂN SỰ	TỶ TRỌNG
1	FO	136	66%
2	BO	60	29%
3	MO	9	5%
TỔNG CỘNG		205	100%

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÂN SỰ:

- Một trong những nhiệm vụ nhân sự quan trọng nhất của Ngành Du lịch TTC trong năm 2020 chính là việc liên tục rà soát, điều chỉnh định biên phù hợp với hoạt động của Ngành trong giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh Covid. Kiểm soát quỹ lương, cân đối điều chỉnh ngày công, đảm bảo quyền lợi cho cán bộ nhân viên, và vượt qua các thách thức hợp lý, luôn có sự đồng thuận giữa Công ty và người lao động – tất cả đều là những giải pháp đã được Ban Lãnh đạo công ty đưa ra kịp thời để không chỉ giữ vững sự ổn định của toàn Ngành trong mùa dịch, mà còn tạo tiền đề để bứt phá sau khi dịch bệnh đã được kiểm soát. Tuy nhiên, dù định biên có những sự thay đổi, công tác đảm bảo về mặt chất lượng dịch vụ, bảo dưỡng bảo trì cơ sở vật chất, duy trì cảnh quan, và đặc biệt là đảm bảo an toàn cho du khách vẫn luôn được nhấn mạnh.
- Đặc biệt, TTC Hospitality vẫn luôn đề cao việc đào tạo và nâng cao tay nghề cho cán bộ nhân viên. Trong năm 2020, Công ty đã triển khai tổng cộng 107 chương trình đào tạo, chủ yếu là công tác đào tạo nội bộ: 106 chương trình (06 chương trình từ Tập đoàn tổ chức và 100 chương trình từ Ngành) và 01 chương trình đào tạo bên ngoài. Nội dung đào tạo cụ thể gồm:
 - o Đào tạo hội nhập: 02 chương trình (68 học viên)
 - o Đào tạo kỹ năng/ nghiệp vụ: 105 chương trình (2451 lượt học viên)



3 | CÔNG TÁC ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Việc hạn chế đi lại giữa các quốc gia cũng như các quãng thời gian giãn cách xã hội đã ít nhiều ảnh hưởng đến công tác đầu tư dự án của Ngành Du lịch TTC, đặc biệt đối với các dự án cần có sự phối hợp với các chuyên gia nước ngoài như Avani Resort Dốc Lết (dự án đánh dấu sự hợp tác giữa TTC Hospitality và the Minor – một đơn vị vận hành cao cấp quốc tế có trụ sở tại Thái Lan). Tuy vậy, thách thức cũng chính là cơ hội khi công ty có thể dành nhiều thời gian hơn cho việc rà soát lại mô hình, quy mô, và tiến độ của các dự án đã và đang được triển khai để từ đó đưa ra các giải pháp chuẩn hóa và có những điều chỉnh phù hợp với tình hình của thị trường và thực trạng kinh doanh.

- a. Ví dụ như đối với dự án như Avani Resort Dốc Lết, đánh giá đây là một công trình đầy tiềm năng và xứng tầm với đẳng cấp của một đơn vị lưu trú cao cấp không chỉ tại Việt Nam mà còn ở thị trường quốc tế, công ty đã quyết định nâng cấp các tiêu chuẩn về cả mặt thiết kế và vận hành để trong năm 2021, khách sạn sẽ chính thức gia nhập chuỗi sản phẩm 5 sao của TTC Hospitality.
- b. Đối với dự án Mekong Resort, công ty cũng đã định hướng đây sẽ không chỉ là một mô hình lưu trú – nghỉ dưỡng – giáo dục – khu vui chơi mang hơi thở của môi trường sinh thái sông nước miền Tây, mà còn là một điểm đến không thể bỏ qua đối với các du khách trong và ngoài nước

Trong năm 2020, các hoạt động nghiên cứu các cơ hội đầu tư vẫn thường xuyên được Ban Lãnh đạo chú trọng theo chiến lược phát triển của toàn ngành. TTC Hospitality vẫn không ngừng tìm kiếm các địa điểm tiềm năng tại nhiều khu vực trên toàn quốc, đặc biệt ở những nơi chưa có sự hiện diện của thương hiệu TTC.



Hình ảnh khối
khách sạn 5 sao
dự kiến tại Đồi
Thống Nhất



Hình ảnh khối
khách sạn 5 sao
dự kiến tại Đồi
Thống Nhất



Hình ảnh một số hạng
mục tham quan theo
quy hoạch 1/2000 dự
án Đồi Thống Nhất.



TÓM TẮT CÁC DỰ ÁN NỔI BẬT NĂM 2020

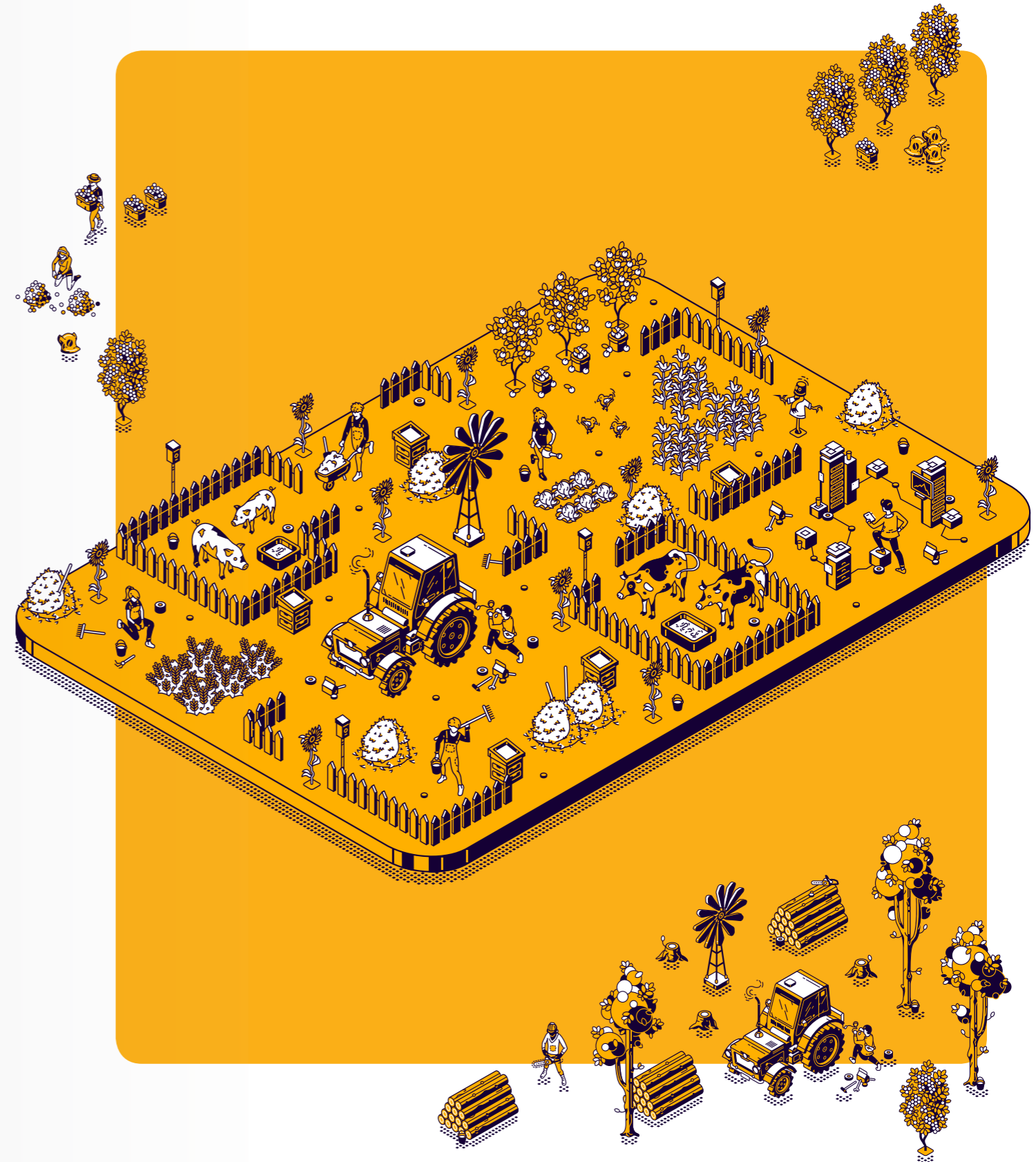


Dự án Avani Dốc Lết Resort: để tạo sự cạnh tranh và nâng cao tiêu chuẩn phục vụ, thương hiệu quốc tế, du lịch TTC đã mời đơn vị quản lý vận hành The Minor tham gia vận hành dự án cho dự án. Hầu như công tác thiết kế nội thất, công năng được thiết kế lại để đạt tiêu chuẩn của đối tác. Việc thay đổi thiết kế, tiêu chuẩn vận hành đã làm dự án kéo dài thời gian triển khai so với kế hoạch, dự án dự kiến sẽ được bàn giao cho đối tác vận hành và đi vào hoạt động từ quý 2 năm 2022.

Dự án khu du lịch Mekong: được triển khai thiết kế lại theo mô hình khu du lịch dân dã sông nước Miền Tây với điểm nhấn tôn vinh giá trị cây dừa. Ngoài ra, để đảm bảo hiệu quả đầu tư, dự án được phân kỳ theo giai đoạn nhằm phù hợp ngân sách và phương án kinh doanh. Dự án dự kiến đưa vào hoạt động cuối năm 2021.



Quy hoạch Đới Thống Nhất, kết nối 3 khu du lịch tại Thành phố Đà Lạt: nhằm mở rộng quy mô, nâng tầm trở thành khu phức hợp lớn nhất khu vực, cung cấp những trải nghiệm mới và chất lượng dịch vụ đối với du khách. Du lịch TTC đã thực hiện quy hoạch lại phân khu chức năng của ba khu du lịch hiện hữu, theo hướng kết nối vận hành ba khu và phát triển theo hướng thuận thiên nhiên. Khu phức hợp sẽ gồm khối khách sạn 5 sao, khu vực nghỉ dưỡng Villa, khu vui chơi, tham quan ngắm cảnh, tổng quy mô quy hoạch dự án lên đến gần 212 ha. Và để tương xứng với quy mô, thương hiệu ở thị trường tại Đà Lạt, công ty cũng dự kiến sẽ mời các đơn vị vận hành quốc tế cho khối khách sạn 5 sao, đây cũng là một phần trong chiến lược nâng cao chất lượng dịch vụ, thương hiệu trong hệ thống.



4 | CÔNG TÁC CÁC KHỐI HỖ TRỢ

4.1 | CÔNG TÁC CHÍNH SÁCH PHÁP CHẾ

Công tác Chính sách: Ban hành Quy chế tổ chức vận hành của Tổng công ty; Ban hành Chính sách Kinh doanh; Ban Quy chế mua sắm; Soát xét, ban hành lại Văn bản lập quy hỗ trợ các đơn vị.

Công tác Pháp chế:

- Hoàn tất các thủ tục niêm yết bổ sung, đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu từ M&A Thăng Lợi, song song đó công ty cũng đã hoàn thiện việc cập nhật biến động tên pháp nhân trên các giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đầu tư. Hoàn tất việc cập nhật thông tin người sở hữu trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu vực Khánh Hòa, khu vực Bình Thuận.
- Trong năm 2020, TTC Hospitality đã hoàn thành việc lập hồ sơ liên quan đến công tác M&A TTC Lâm Đồng, bao gồm việc hoàn tất quá trình tăng vốn, lưu ký và niêm yết bổ sung đối với số cổ phần phát hành để hoán đổi. Tiếp tục trong năm 2021, công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện các thủ tục chuyển đổi loại hình tại TTC Lâm Đồng.
- Năm 2020 cũng là năm mà Phòng Pháp Chế hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao phó: hỗ trợ công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông ngành, đảm bảo việc tổ chức đúng quy định pháp luật, thẩm định cho các công ty ngành du lịch hơn 900 hợp đồng mua sắm, hợp đồng cung cấp dịch vụ, hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng thi công dự án, cũng như soát xét, ban hành lại Văn bản lập quy hỗ trợ các đơn vị.

4.2 | CÔNG TÁC QUẢN LÝ HỆ THỐNG

- Mặc dù việc đầu tư vào các phần mềm hệ thống mới không phải là nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2020, nhưng hiểu được tầm quan trọng của công nghệ thông tin trong công tác quản lý và vận hành, TTC Hospitality vẫn luôn đảm bảo chất lượng và hiệu quả của công tác vận hành các hệ thống ứng dụng như phần mềm quản lý khách sạn – nhà hàng, QR CODE (quản lý bán vé khu vui chơi, quản lý chất lượng dịch vụ), và Hearme (khảo sát khách hàng).
- Ngoài ra, phòng Hệ thống vẫn phối hợp sát sao với khối chức năng của Tập đoàn TTC, không ngừng bảo trì, bảo dưỡng, và nâng cấp các công cụ như E-office, phần mềm quản lý nhân sự, tài sản, và BI.

4.3 | CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Với phương châm “Khẳng định thương hiệu bằng chất lượng dịch vụ”, đây luôn là một nhiệm vụ then chốt trong chiến lược phát triển của công ty. Trong năm 2020, dù dịch bệnh đã mang đến những khó khăn nhất định, nhưng công tác quản lý chất lượng dịch vụ của toàn Ngành vẫn luôn được đặt lên hàng đầu để TTC Hospitality không chỉ đem đến khách hàng những dịch vụ theo tiêu chuẩn cao nhất, mà còn đảm bảo một mùa “du lịch an toàn” dành cho họ.

Cụ thể, trong năm qua công ty đã ghi nhận nhiều hoạt động về bồi dưỡng nhân sự cũng như xây dựng các bộ tiêu chuẩn chất lượng hiệu quả.

- Kiểm tra công tác vận hành Bếp định kỳ: bộ phận chất lượng dịch vụ đã cải tiến quy trình bảo quản nguyên vật liệu, kiểm soát định lượng và hạn chế hao hụt, từ đó hoàn thiện giải pháp kiểm soát chi phí nguyên vật liệu – một trong những chi phí quan trọng trong mảng F&B của Công ty.
- Xây dựng và triển khai đào tạo bộ Cẩm nang Món ngon TTC: qua cuộc thi Món ngon TTC, Công ty đã chọn ra được các món ăn ngon từ các đầu bếp ở 4 khu vực của Công ty và cho ra đời Cẩm nang Món ngon TTC. Từ cẩm nang này, các đầu bếp đã có những buổi đào tạo – chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau để đầu bếp nào cũng có thể thực hiện các Món ngon TTC phục vụ thực khách.
- Rà soát, bổ sung và thống nhất danh mục Công cụ dụng cụ theo CIP toàn ngành: để đảm bảo việc đồng bộ nhận diện thương hiệu toàn ngành, bộ phận chất lượng dịch vụ đã tái ban hành danh mục Công cụ dụng cụ theo CIP toàn ngành.
- Xây dựng tiêu chuẩn Sản phẩm F&B: năm 2020 đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ mảng F&B của Công ty và là nền tảng cho các chiến lược phát triển trong tương lai. Vì vậy, Công ty cũng đã đưa ra các tiêu chuẩn cho các sản phẩm A la carte, cơm đoàn, tiệc cưới... áp dụng toàn hệ thống.
- Đào tạo nghiệp vụ: Công ty đã tổ chức 22 lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên môn cho nhân sự các bộ phận phục vụ trực tiếp gồm Buồng phòng, Nhà hàng, Bếp. Ngoài ra, bộ câu hỏi kiểm tra kiến thức nghiệp vụ cho các bộ phận này cũng được hoàn thiện.

4.4 | CÔNG TÁC HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ

Nổi bật trong công tác Hành chính quản trị 2020 là các công tác kiểm soát chi phí thông qua việc rà soát, chuẩn hóa các hoạt động mua sắm và quản lý tài sản toàn ngành.

- Rà soát tiết giảm chi phí hành chính: phòng Hành chính quản trị đã tăng cường rà soát chi phí cho các hạng mục thuê mặt bằng, quản lý cây xanh, mua sắm văn phòng phẩm và công tác phí.
- Quản lý giá thực phẩm: thường xuyên đánh giá và phân tích biến động giá thực phẩm, đồng thời thương lượng và mở rộng danh mục nhà cung cấp thực phẩm toàn ngành để có thể chủ động nguồn cung thực phẩm.
- Quản lý tài sản – công cụ dụng cụ (TS – CCDC) xây dựng danh mục mua sắm tập trung theo tiêu chuẩn chung của toàn ngành và mở rộng thêm mạng lưới nhà cung cấp. Ngoài ra, bộ phận Hành chính quản trị cũng thường xuyên cập nhật TS – CCDC vào phần mềm quản lý tài sản cũng như triển khai kiểm kê, dán mã TS – CCDC toàn ngành, thanh lý/ điều chuyển tài sản sau kiểm kê.

4.5 | CÔNG TÁC KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH VÀ KẾ HOẠCH

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Năm 2020, bộ phận Kế toán đã hoàn thành các nhiệm vụ quan trọng và luôn đảm bảo tính tuân thủ các quy định đối với các hoạt động kinh doanh của công ty.

- Báo cáo: thực hiện các công bố Báo cáo tài chính cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ chính minh đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.
- Thủ tục hành chính: thực hiện gia hạn các loại thuế GTGT, thuế đất, thuế TNDN theo quy định của cơ quan thuế do ảnh hưởng của dịch Covid-19.
- Hoạt động khác: phối hợp với bộ phận Pháp chế thực hiện các công tác rà soát hồ sơ đại hội cổ đông các Công ty con và Tổng Công ty, đảm bảo các hồ sơ và công tác tổ chức đều đúng quy định của luật.

CÔNG TÁC KẾ HOẠCH

Năm 2020, bộ phận Kế toán đã hoàn thành các nhiệm vụ quan trọng và luôn đảm bảo tính tuân thủ các quy định đối với các hoạt động kinh doanh của công ty.

- Báo cáo: thực hiện các công bố Báo cáo tài chính cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ chính minh đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.
- Thủ tục hành chính: thực hiện gia hạn các loại thuế GTGT, thuế đất, thuế TNDN theo quy định của cơ quan thuế do ảnh hưởng của dịch Covid-19.
- Hoạt động khác: phối hợp với bộ phận Pháp chế thực hiện các công tác rà soát hồ sơ đại hội cổ đông các Công ty con và Tổng Công ty, đảm bảo các hồ sơ và công tác tổ chức đều đúng quy định của luật.



4.6 | HOẠT ĐỘNG SỰ KIỆN NỔI BẬT

4.6.1 | TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Hoạt động trên 4 lĩnh vực chính bao gồm: lưu trú, trung tâm hội nghị/ nhà hàng, khu vui chơi và lễ hành, TTC Hospitality luôn đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và hạn chế tối đa các tác động không mong muốn gây ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, TTC Hospitality tập trung hướng đến việc nâng cao hiểu biết, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu đến từng cán bộ nhân viên (CBNV).



NƯỚC SINH HOẠT, NƯỚC THẢI

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống thoát nước và các trang thiết bị cấp nước để kịp thời khắc phục sự cố xảy ra, hạn chế tối đa việc thất thoát nước.
- Xây dựng để án bảo vệ môi trường, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ (hệ thống khách sạn, nhà hàng...).

Nước uống:

- Dành cho cán bộ nhân viên: lắp đặt hệ thống xử lý nước để lọc và sử dụng trực tiếp từ nguồn nước máy. Nguồn nước được lọc qua hệ thống RO, diệt khuẩn bằng ozone đèn UV phù hợp với QCVN 6-1:2010/BYT.
- Dành cho khách: sử dụng các chai nước có dung tích nhỏ được cung cấp bởi công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hoà, nước uống tinh khiết được xử lý qua hệ thống thẩm thấu ngược khi chung cất đường.



GIẤY, MỰC IN VÀ VĂN PHÒNG PHẨM

TTC Hospitality thực hiện nhiều biện pháp tiết kiệm và góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường thông qua:

- Xây dựng định mức sử dụng văn phòng phẩm cho từng phòng ban.
- Số hoá các tài liệu sao lưu thay vì lưu văn bản cứng; các văn bản, quy trình nội bộ được in 2 mặt.
- Đưa vào vận hành hệ thống trình duyệt EO (Eoffice) nhằm tiết kiệm giấy và thời gian trình ký vì tất cả thực hiện thông qua hệ thống trình duyệt điện tử.

4.6.2 | LIÊN QUAN ĐẾN XÃ HỘI

Các hoạt động đều hướng đến việc đảm bảo các lợi ích cho CBNV và khách hàng, cụ thể:

- Đào tạo kỹ năng CBNV: thông qua các chương trình đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ nhằm nâng cao chuyên môn, ý thức trách nhiệm trong công việc cho CBNV để phục vụ khách hàng tốt hơn.
- Thường xuyên ghi nhận những đóng góp của khách hàng qua các website, fanpage nội bộ, đường dây nóng để có những phản hồi nhanh, thích đáng và khắc phục sai sót (nếu có) nhằm hướng đến nâng cao chất lượng dịch vụ.



NĂNG LƯỢNG

Điện năng được sử dụng cho việc thắp sáng, sử dụng các thiết bị văn phòng, điều hoà nhiệt độ; xăng dầu phục vụ xe đưa đón CBNV, chạy máy phát điện khi mất điện; gas nấu nướng tại các nhà hàng... Đồng thời, TTC Hospitality triển khai nhiều biện pháp tiết kiệm năng lượng:

- Tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên, tập trung chiếu sáng khu vực làm việc, hạn chế chiếu sáng chung cho văn phòng hoặc văn phòng được chiếu sáng ở mức thấp. Ngoài ra, các loại đèn được sử dụng có hiệu suất cao, giảm điện áp, tiết kiệm điện năng. Tất cả hệ thống chiếu sáng được bảo dưỡng định kỳ.
- Ban hành các văn bản hướng dẫn về định mức tiêu thụ nhiên liệu của xe, hướng dẫn vận hành và bảo trì máy phát điện, hướng dẫn an toàn sử dụng gas trong bếp...
- Đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời tại các địa điểm kinh doanh nhằm hạn chế sử dụng năng lượng điện.



VỆ SINH, RÁC THẢI SINH HOẠT

- Các địa điểm kinh doanh đều sử dụng dịch vụ thu gom rác sinh hoạt, phân loại các loại rác thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế...
- Từng bước thay thế các vật dụng, bao bì trong khách sạn từ nhựa sang các chất liệu thân thiện môi trường, ví dụ như: các bao bì xà bông, tăm bông... trong khách sạn làm bằng giấy thay vì nylon; sử dụng ống hút giấy thay thế ống hút nhựa; các mặt hàng mang đi cũng được làm bằng giấy với thiết kế đẹp mắt...
- Mỗi tháng, CBNV đều tham gia dọn dẹp vệ sinh tại đơn vị nhằm giữ gìn vệ sinh chung tại khu vực làm việc và nêu cao tinh thần tập thể, hưởng ứng việc bảo vệ môi trường.



03

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN 2021 - 2025

60

MỤC TIÊU TRỌNG TÂM

64

TẦM NHÌN 2021 - 2025

DỰ ĐOÁN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG DU LỊCH VIỆT NAM (2021-2025):

Với những biến động chưa từng có trong lịch sử, dịch Covid-19 mang đến những thách thức và cơ hội mới cho giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội năm năm tiếp theo (2021-2025). Ngay khi dịch bệnh bùng phát, Việt Nam đã triển khai kịp thời và hiệu quả những giải pháp ngăn chặn sự lây lan, nhờ đó giữ được ổn định kinh tế vĩ mô. Theo dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội quốc gia (NCIF), Bộ Kế hoạch đầu tư, giai đoạn 2021 – 2025 tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam sẽ đạt khoảng 7% năm, kinh tế vĩ mô về cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức 3,5 – 4,5%/năm. Đến năm 2025, GDP bình quân đầu người khoảng 4.700 – 5.000 USD.

Bên cạnh việc ngăn chặn, kiểm soát tốt dịch bệnh, sự phát triển của Cách mạng công nghiệp 4.0, sự phục hồi các thị trường đối tác lớn Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc sẽ hỗ trợ gia tăng xuất khẩu; động lực mở cửa nền kinh tế với hàng loạt FTA đã được ký kết, đặc biệt EVFTA là nhân tố hỗ trợ kinh tế Việt Nam phục hồi; dòng vốn FDI đầu tư vào Việt Nam tăng mạnh trong bối cảnh chuyển dịch các chuỗi cung ứng sản xuất sang quốc gia có chi phí thấp hơn như Việt Nam sẽ là động lực tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới.

Năm 2020 với nhiều biến động khiến cho ngành du lịch Việt Nam phải đánh giá lại thị trường, du khách và cả những tác động đối với xã hội, môi trường. Ngành du lịch được dự báo sẽ nổi lên nhiều xu hướng mới trong sở thích, hành vi du lịch mà yếu tố góp phần định hình những xu hướng mới trong du lịch Việt Nam chính là vaccine, chính sách du lịch của các nước, kinh tế và môi trường.

Để đáp ứng nhu cầu thực tế hiện nay, ngành Du lịch Việt Nam cần chuyển hướng sang khai thác mạnh thị trường nội địa, chú trọng phát huy liên kết giữa các địa phương, doanh nghiệp theo phương châm “Liên kết, hành động và phát triển”. Bên cạnh đó cần tiếp tục đổi mới, phối hợp chính sách hỗ trợ, triển khai có hiệu quả Chính phủ đối với doanh nghiệp truyền thông, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ, tăng cường xúc tiến du lịch thị trường trong nước, duy trì quảng bá ra thị trường du lịch nước ngoài...

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Nếu như trước đây du khách đi du lịch với mục đích chính là tham quan, nghỉ dưỡng thông thường thì hiện nay nhu cầu đó đã được nâng lên một tầm cao hơn đó là nghỉ dưỡng chất lượng cao, tìm hiểu sâu về các giá trị văn hóa và cuộc sống bản địa, khám phá những điều mới mẻ và tận hưởng nó. Du khách hướng đến những giá trị mới được thiết lập trên cơ sở giá trị văn hóa truyền thống, giá trị tự nhiên, giá trị sáng tạo và công nghệ cao.

Bên cạnh đó, xu hướng du lịch của du khách cũng thay đổi sau khi Covid – 19 diễn ra, du khách quan tâm đến giá cả hơn khi tìm kiếm và lên kế hoạch cho chuyến đi. Bên cạnh đó, thời gian ở nhà cùng người thân đã khiến du khách ưu tiên lựa chọn đi cùng gia đình, bạn bè và khao khát được ra ngoài không gian rộng mở và tận hưởng không gian ngoài trời đã khiến các yếu tố tự nhiên trở nên hấp dẫn hơn. Tuy nhiên, du lịch gần nhà và các trải nghiệm quen thuộc sẽ được ưu tiên hơn so với việc khám phá những điểm đến mới lạ.

Chính vì vậy, việc nắm bắt sớm các xu hướng phát triển luôn rất cần thiết, quyết định sự tồn tại, tăng trưởng và phát triển cho các bên liên quan đến hoạt động du lịch.



Về xu hướng sản phẩm, **DU LỊCH SINH THÁI** tiếp tục là xu hướng phát triển mạnh vì những lợi ích kinh tế - xã hội và môi trường của nó. Bằng chứng là sự gia tăng của các tour du lịch xanh, các tour du lịch tìm hiểu và chung tay bảo vệ thế giới tự nhiên, động vật hoang dã, ... Hay đơn giản chỉ là việc sử dụng các phương tiện ít thải carbon ra môi trường thay thế cho các phương tiện thông thường. Các thuật ngữ “du lịch xanh”, “du lịch thân thiện môi trường”, “du lịch không rác thải nhựa”, ... đang ngày càng gia tăng trong sự lựa chọn dịch vụ của du khách.



Nếu như du lịch sinh thái được đề cập nhiều trong khoảng ba mươi năm gần đây thì khái niệm **DU LỊCH ĐỊA CHẤT** còn khá mới mẻ sẽ mang đến cho du khách kiến thức về lịch sử, cơ chế hình thành của các thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên từ các quá trình hình thành tạo địa chất nội sinh và ngoại sinh, từ đó có ý thức bảo vệ thiên nhiên và môi trường. Việt Nam có nhiều khu vực giàu di sản địa chất, có thể xây dựng thành sản phẩm du lịch thu hút khách. Tuy nhiên, hiện tại nguồn tài nguyên này chưa được đánh giá và khai thác phát triển xứng với tiềm năng.



DU LỊCH TÌNH NGUYỆN là hình thức du lịch có kết hợp mục đích nghỉ ngơi, tham quan tìm hiểu văn hóa với các hoạt động từ thiện, tình nguyện như bảo vệ môi trường, phòng chống, khắc phục sự cố thiên tai, biến đổi khí hậu, đóng góp vật chất hoặc công sức trong phát triển các công trình xã hội trường học, ... tại điểm đến. Du lịch tình nguyện giúp du khách tìm hiểu, trải nghiệm những giá trị văn hóa tốt nhất, tích lũy thêm kinh nghiệm sống đồng thời khám phá những tiềm năng của chính bản thân mình.

DU LỊCH THÔNG MINH ngày càng phát triển nhờ sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ. Khác với tour du lịch truyền thống, du lịch thông minh giúp cho sự kết nối và tương tác chặt chẽ giữa khách du lịch và các nhà quản lý, kinh doanh. Du lịch thông minh chú trọng lợi ích của du khách nhưng lại đảm bảo mức chi phí thấp, an toàn, thuận tiện nhất trên cơ sở ứng dụng công nghệ, thiết bị hiện đại, thông tin, dữ liệu toàn cầu. Nhiều dịch vụ du lịch đã được ứng dụng công nghệ để phục vụ du khách từ việc đặt phòng khách sạn, nhà hàng, vé máy bay, thông tin liên quan chuyến đi, ...



DU LỊCH ẨM THỰC hiện đang là một xu hướng lớn trên thế giới. Thường thức ẩm thực là sở thích của hàng triệu người, ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong chuyến du lịch của du khách và đã trở thành một trong những lý do chính khi lựa chọn điểm đến. Việc trải nghiệm các món ăn, đồ uống, lễ hội ẩm thực, lớp học nấu ăn hoặc bữa ăn theo mô hình “tửu trang trại đến bàn ăn”, ... du khách được hòa mình và cảm nhận giá trị truyền thống địa phương một cách chân thực nhất.



Về xu hướng thị trường có thể thấy, trong những năm gần đây hình thức đi du lịch cả gia đình hay cặp vợ chồng rất thịnh hành, xu hướng này tiếp tục lan tỏa trong những năm tới và cùng với nó là xu hướng du lịch một mình nổi lên.

Ngày càng có nhiều du khách lựa chọn đi một mình vì nhiều lý do, mục đích khác nhau. Một số vì không muốn bị phân tâm bởi người đồng hành. Một số thì muốn tham gia hoạt động xã hội hay tìm kiếm đối tác. Những du khách lớn tuổi thích nghỉ dài ngày trải nghiệm các dịch vụ sang trọng.

Mục tiêu đến năm 2025, Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn, phấn đấu thuộc nhóm 3 quốc gia dẫn đầu về phát triển du lịch trong khu vực Đông Nam Á và 50 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới, trong đó tất cả 14 tiêu chí năng lực cạnh tranh du lịch đều tăng, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững.

Việt Nam đặt mục tiêu đón ít nhất 35 triệu lượt khách quốc tế và 120 triệu lượt khách nội địa, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân khách quốc tế 12-14%/ năm, khách nội địa 6-7%/ năm. Từ đó, tổng thu từ khách du lịch đạt 1,7-1,8 triệu tỷ đồng (tương đương 77-80 tỷ USD), tăng trưởng bình quân 13-14%/ năm; đóng góp trực tiếp vào GDP đạt 12-14%. Đồng thời, ngành du lịch sẽ tạo ra khoảng 5,5-6 triệu việc làm, trong đó có 2 triệu việc làm trực tiếp, tăng trưởng bình quân 12-14%/ năm. Biện pháp thực hiện:

- Ưu tiên nguồn lực cho công tác quy hoạch, đào tạo nhân lực, nghiên cứu thị trường, xúc tiến, phát triển sản phẩm du lịch; phát triển du lịch cộng đồng; bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch; tiếp tục hoàn thiện chính sách tạo thuận lợi về nhập cảnh, xuất cảnh và đi lại cho khách du lịch quốc tế; tạo điều kiện cho các hãng hàng không trong nước và quốc tế mở các đường bay mới, trực tiếp kết nối Việt Nam với các thị trường du lịch trọng điểm và tiềm năng.
- Về phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, phát triển nhanh kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ; tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng giao thông tại các cụm du lịch, khu vực động lực phát triển du lịch, khu du lịch quốc gia và khu vực có tiềm năng du lịch; nâng cao khả năng kết nối giao thông tới khu du lịch, điểm du lịch; đầu tư điểm dừng, nghỉ trên các tuyến đường bộ.
- Nâng cấp, mở rộng, đẩy nhanh xây dựng mới các cảng hàng không; xây dựng cảng biển, cảng thủy nội địa chuyên dụng cho khách du lịch; cải thiện nhanh hạ tầng, chất lượng dịch vụ đường sắt để phát triển du lịch; đổi mới, hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy nhanh thực hiện quá trình chuyển đổi số trong ngành du lịch; số hóa các thông tin, tài liệu về điểm đến, xây dựng các kho nội dung số, hướng tới hình thành và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh.
- Thu hút nguồn lực xã hội, nhà đầu tư có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch, đặc biệt là cơ sở lưu trú, cơ sở vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng phức hợp cao cấp, phù hợp với nhu cầu và xu hướng du lịch mới.
- Việt Nam, thị trường du lịch trực tuyến được dự báo sẽ tăng từ 2,2 tỷ USD (năm 2015) lên 9 tỷ USD (năm 2025). Đó là nguyên nhân chính giúp doanh thu từ mảng kinh doanh trực tuyến bùng nổ xu hướng đi du lịch tự túc đang ngày càng tăng. Các con số thống kê chỉ ra rằng, có đến 80% du khách thế giới chọn đi du lịch tự túc và tỷ lệ du khách Việt chọn hình thức này khi đi du lịch trong nước cũng tương tự.
- Theo Hội Lữ hành Ẩm thực thế giới, hiện có khoảng 25% du khách quan tâm đến ẩm thực du lịch. Còn báo cáo toàn cầu lần thứ hai về du lịch ẩm thực lại cho rằng, có 87% số tổ chức được điều tra xác định, du lịch ẩm thực là yếu tố chiến lược đối với điểm đến; 82% cho rằng, du lịch ẩm thực là động lực quan trọng cho phát triển du lịch, du lịch ẩm thực là chất xúc tác cho kinh tế địa phương và nhìn chung ẩm thực là nguyên nhân thứ 3, chỉ sau yếu tố văn hoá, điều kiện tự nhiên, ảnh hưởng quyết định đến điểm đến của du khách.
- **Lữ hành:** Việc ngày càng nhiều doanh nghiệp lữ hành “kết duyên” với công nghệ đã tạo làn sóng chuyển dịch giữa loại hình du lịch truyền thống và du lịch trực tuyến. Nếu như năm 2015, có đến 82% khách du lịch chọn đặt tour truyền thống, thì đến năm 2019, con số này chỉ còn gần 40%. Theo nghiên cứu của Hiệp hội Du lịch Việt Nam, 5 năm gần đây, du khách Việt tìm kiếm thông tin trên mạng tăng hơn 32 lần. Hiện, khoảng 90% du khách nội địa thực hiện việc tra cứu thông tin qua mạng. Trung bình mỗi tháng có hơn 5 triệu lượt tìm kiếm bằng tiếng Việt về các sản phẩm du lịch.
- **Nhà hàng – khách sạn:** Thu nhập trung bình của người dân sẽ tăng cao và Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng tầng lớp trung lưu nhanh nhất thế giới, điều này sẽ đẩy những loại hình nghỉ dưỡng cao cấp phát triển, định vị lại toàn bộ sản phẩm du lịch biển đảo, du lịch nghỉ dưỡng, thưởng ngoạn sinh thái biển, vui chơi giải trí biển.
- **Khu vui chơi:** Hình thành những tổ hợp giải trí cao cấp như nghỉ dưỡng kết hợp giải trí, vui chơi nhiều tiện nghi, chất lượng với quy mô và vốn đầu tư lớn.
- Chú trọng du lịch cộng đồng, du lịch thân thiện với môi trường, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc vùng miền.

Xây dựng những chương trình biểu diễn văn hóa quy mô lớn.

F&B: cần đưa ẩm thực trở thành một loại hình du lịch. Khai thác và phát triển du lịch ẩm thực không chỉ bó hẹp trong vấn đề món ăn, thức uống, nhà hàng, hội chợ mà cần lưu ý cả nguồn gốc ẩm thực, việc sản xuất ẩm thực; các khía cạnh về lịch sử, nghi lễ, ứng xử liên quan đến ẩm thực. Đẩy mạnh việc tổ chức, tham gia các sự kiện quảng bá ẩm thực trong và ngoài nước, các cuộc thi chế biến món ăn; xây dựng các tiêu chí định hướng, bình chọn thương hiệu ẩm thực; có những giải pháp quy hoạch cụ thể, đồng bộ và chặt chẽ trong việc quản lý; nâng cao số lượng và chất lượng các tour du lịch, lớp học nấu ăn dành cho du khách; chuyên nghiệp hóa nguồn nhân lực ẩm thực, ngoài ra, nên tiến hành quy hoạch những khu ẩm thực đường phố chuyên phục vụ du khách.



MỤC TIÊU TRỌNG TÂM

KINH TẾ THẾ GIỚI

Đối với kinh tế toàn cầu năm 2021, IMF hạ dự báo tăng trưởng từ mức 5,4% xuống còn 5,2%. Các chuyên gia IMF nhận định triển vọng kinh tế toàn cầu không chắc chắn, có thể tốt hơn hoặc xấu đi phụ thuộc vào diễn biến dịch bệnh Covid-19, trong đó có việc sản xuất vaccine và điều trị bệnh.

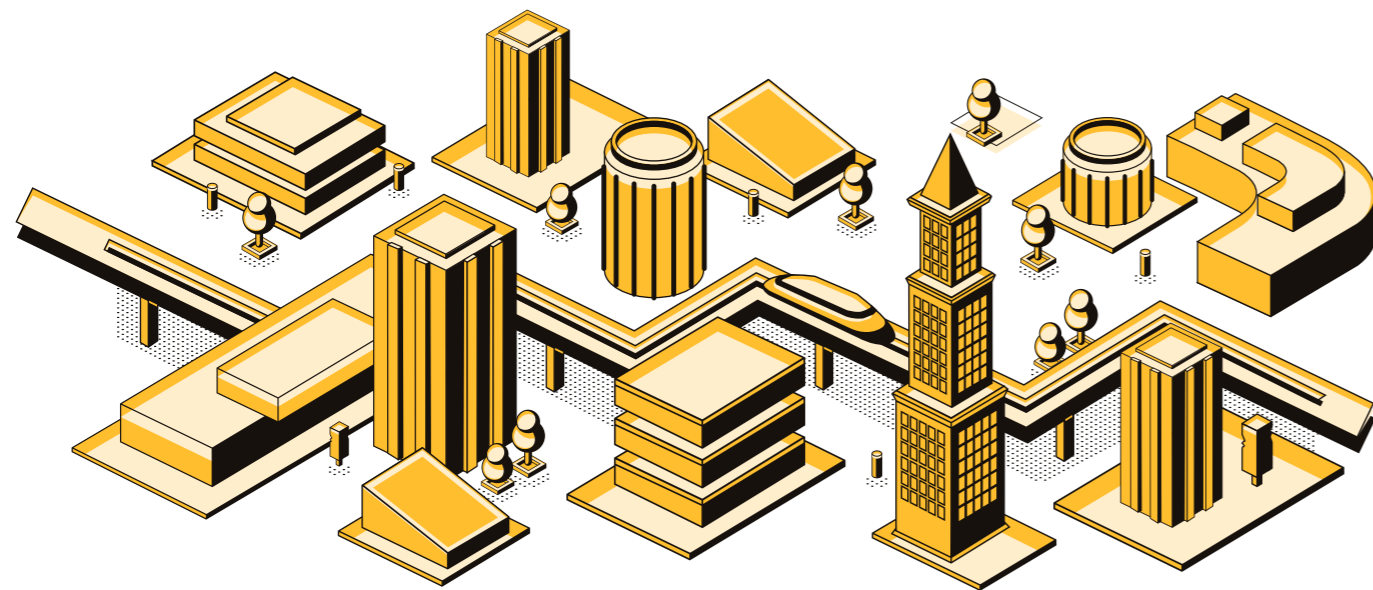
KINH TẾ VIỆT NAM

Về tốc độ phục hồi sau đại dịch, IMF dự báo GDP năm 2021 của Việt Nam đạt 6,7%, tiếp tục nằm trong nhóm có tăng trưởng kinh tế cao nhất Đông Nam Á. Philippines được dự báo sẽ phục hồi mạnh mẽ nhất, đạt mức 7,4% vào năm 2021, dù suy giảm tới -8,3% trong năm nay. Thái Lan, Indonesia, Singapore có mức tăng trưởng lần lượt là 4%, 6,1% và 5% trong năm 2021.

NGÀNH DU LỊCH

Theo UNWTO, nhu cầu đi du lịch phần lớn vẫn giảm. Lượng khách quốc tế có thể giảm gần 70% trong năm nay. Rào cản chính cản trở sự phục hồi của mảng này là các hạn chế đi lại, kèm theo đó là việc kiểm soát virus tiến hành chậm, niềm tin của người tiêu dùng thấp, nền kinh tế xấu đi...

Hội đồng chuyên gia của UNWTO dự báo du lịch quốc tế sẽ phục hồi vào năm 2021, chủ yếu là vào quý 3 năm 2021.



MỤC TIÊU TRỌNG TÂM

Trong năm 2021 Công ty hoạt động trong tình hình dịch bệnh và thiên tai, Ban điều hành sẽ luôn chủ động trong mọi tình huống, dự phòng trước các kịch bản có thể xảy ra để kiểm soát tốt hoạt động của Công ty, kiểm soát tốt chi phí, tối ưu hóa lợi nhuận nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu mà Hội đồng quản trị và cổ đông đã đề ra. Xem đây là một cơ hội để định vị lại thương hiệu và sản phẩm để đón đầu sự phục hồi của ngành du lịch trong trạng thái "bình thường mới".

1 | CÁC NHÓM GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM HOÀN THÀNH MỤC TIÊU NĂM 2021

1.1 | CÔNG TÁC KINH DOANH – TIẾP THỊ

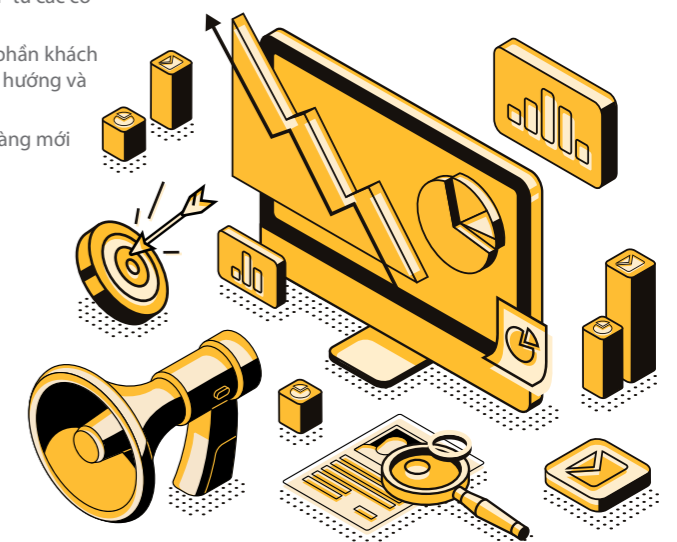
- Dịch Covid-19 đã gây ra những biến động không nhỏ trên thị trường, thay đổi thói quen và nhu cầu du lịch của khách hàng ở không chỉ Việt Nam, mà trên toàn thế giới. Để nhanh chóng thích nghi với những xu hướng hiện tại và đón đầu những thay đổi trong tương lai, năm 2021 sẽ là năm mà Ngành Du lịch TTC tập trung xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, định vị lại vị trí thương hiệu trên thị trường, đồng thời tập trung nhằm vào phân khúc có mức thu nhập trung bình khá (hiện đang là nhóm có tỷ trọng chiếm đại đa số). Đặc biệt, Ngành sẽ ưu tiên hàng đầu công tác tiêu chuẩn hóa từng phân khúc sản phẩm để từ đó có thể xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với từng phân khúc.
- Nhận thấy thị trường TA đã chịu những tác động không nhỏ trong năm 2020, TTC Hospitality cũng đã đưa ra những giải pháp chuyển đổi cơ cấu khách hàng. Những giải pháp này sẽ được đẩy mạnh hơn trong năm 2021, khi các đối tượng khách Corporate, OTA, khách lẻ... sẽ là những thị phần tiềm năng cần được mở rộng và khai thác triệt để.
- Ngoài ra, việc đa dạng hóa ngành nghề và mô hình kinh doanh cũng là một điều kiện cần thiết để giữ vững sự ổn định trong mùa dịch. Để làm được điều đó, công ty sẽ phát triển một hệ thống chuyên trách công tác đưa ra các sản phẩm mới, phù hợp với từng thời điểm trong năm (ví dụ như việc tung ra gói sản phẩm TTC Hospitality - All Inclusive dưới hình thức bán sỉ cho khách lẻ, nhằm huy động nguồn vốn cho ngành. Với gói ưu đãi đặc biệt này, khách hàng có thể dễ dàng trải nghiệm tất cả sản phẩm từ khách sạn đến nhà hàng và khu vui chơi thuộc hệ thống TTC).
- Đối với từng nhóm loại hình hoạt động có những giải pháp cụ thể như sau:

NHÓM KHÁCH SẠN/ RESORT

- Tập trung khai thác các gói sản phẩm Combo lưu trú kết hợp ăn uống, nâng tỷ trọng khách qua kênh OTA, đẩy mạnh và phát triển các kênh OTA với những đối tác mới như Oh My Hotel, Lux Stay, VN Booking, VN Trip..., song song với việc duy trì và phát huy các kênh OTA hiện hữu: Agoda, Booking.com, Tripadvisor... Tập trung chiến lược tăng Ranking bằng phương pháp tăng số lượng review của khách hàng sau khi sử dụng dịch vụ nhằm đẩy thứ hạng các đơn vị kinh doanh lên trang đầu để gia tăng lượng booking trên các kênh online này. Mở rộng kênh bán hàng cho các dịch vụ của khu du lịch, nhà hàng, các khu ẩm thực trên hệ thống OTA.
- Tập trung phát triển thị trường khách Corporate (khách công ty, lãnh sự,...) để khai thác tối đa nguồn khách MICE và team building.
- Xây dựng các chính sách hoa hồng dành cho các Booker nhằm tăng doanh số của thị phần Corporate.
- Tập trung nâng cấp cải thiện website bằng hình thức các gói khuyến mãi để khuyến khích khách hàng lẻ đặt phòng trực tiếp.
- Phát triển gói sản phẩm với mức giá ưu đãi đặc biệt dành riêng cho phân khúc khách hàng là cán bộ nhân viên của Tập Đoàn, với mục tiêu quảng bá sản phẩm đến từng gia đình và người thân của nhân viên đang làm cho Tập Đoàn.

NHÓM TRUNG TÂM HỘI NGHỊ/ NHÀ HÀNG

- Tăng cường áp dụng công nghệ vào kinh doanh bằng hình thức tư vấn khách thông qua hình ảnh trên ipad.
- Phát triển thị phần onsite catering, cung cấp dịch vụ tiệc theo địa điểm bên ngoài dựa trên yêu cầu khách hàng.
- Tập trung mở rộng thị trường của tiệc nhỏ, tiệc VIP từ các cơ quan ban ngành và công ty.
- Khai thác tối đa nhà hàng Alacarte cho nhóm thị phần khách lẻ, phát triển và thay đổi menu theo mùa, theo xu hướng và theo định kỳ.
- Nghiên cứu phát triển các ý tưởng mô hình nhà hàng mới để bắt kịp xu hướng thị trường.





Trò chơi Đi bộ
trên không
tại TTC World
- Thung Lũng
Tinh Yêu



Tổ chức các buổi trà thiền
tại TTC World - Tà Cú
(hình ảnh minh họa)

NHÓM KHU VUI CHƠI

- Trong năm 2021, hệ thống các khu vui chơi của TTC Hospitality sẽ tiếp tục là nguồn doanh thu ổn định của toàn ngành. Chính vì vậy, công ty sẽ cải thiện hơn nữa các công tác quy hoạch tổng thể, giới thiệu sản phẩm mới, và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm khai thác triệt để tiềm năng của các địa điểm này.
- Một trong những công tác trọng tâm của TTC World - Thung Lũng Tinh Yêu nằm ở việc quy hoạch, phân khu, và bố trí lại luồng giao thông một chiều trong khu du lịch. Với một lộ trình cụ thể rõ ràng, khách tham quan sẽ vừa cảm thấy thoải mái trong suốt khoảng thời gian trải nghiệm khu vui chơi, vừa không bỏ sót các điểm chụp hình và các hoạt động hiện hữu. Song song đó, đơn vị cũng sẽ triển khai các vị trí chốt sale tại mỗi điểm tham quan bằng các mô hình F&B, gian hàng Souvenir và dịch vụ chụp ảnh photo booth có thu phí nhằm tạo thêm các giá trị và gia tăng nguồn thu.
- TTC World - Thung Lũng Tinh Yêu sẽ không chỉ tạo điểm nhấn thu hút khách qua các vị trí check-in độc đáo, hợp xu hướng của giới trẻ, mà còn ra mắt các hạng mục mang tính chất vận động, mạo hiểm dành cho những khách hàng ưa thích các trải nghiệm mới như: camping, picnic, Đi bộ trên không, zipline, chèo thuyền kayak, xe đạp đôi, xe đạp địa hình, trekking...
- Đồng thời trong năm 2021, TTC World - Thung Lũng Tinh Yêu cũng đặt mục tiêu phát triển các hoạt động vui chơi buổi tối, đầu tư các hạng mục mới lạ như vườn ánh sáng, biểu diễn nhạc nước nhằm kéo dài thời gian vui chơi tại khu du lịch và tối ưu hóa nguồn doanh thu từ khách hàng.
- Đối với TTC World - Tà Cú: nghiên cứu phát triển khu du lịch thuần Tâm linh, bao gồm các điểm tham quan thư giãn như: vườn thiền, khu nuôi thả thú, tổ chức các hoạt động Thanh lọc Thân Tâm, mời các vị cao tăng tổ chức các buổi trọng lễ cho các Phật tử tham gia nhằm tạo tiếng vang. Song song đó, Tà Cú cũng sẽ bắt đầu tổ chức kinh doanh các món chay vào các ngày Đại Lễ để từng bước chuyển dịch kinh doanh sang hướng tâm linh thuần chay.

NHÓM LỮ HÀNH

- Tiến hành phối hợp với các đơn vị của ngành tạo các sản phẩm kích cầu du lịch nội địa với giá ưu đãi, chất lượng vượt trội để đưa đến khách hàng các tour hấp dẫn hơn. Tập trung khai thác các gói sản phẩm phục vụ tối đa cho lượng khách nội bộ như: ngành năng lượng, ngành nông nghiệp, ngành bất động sản.
- Giải pháp TTC Travel sống chung với dịch được đặc biệt chú trọng: Tập trung khai thác tối đa nguồn khách nội địa đi du lịch trong nước, và kết hợp với Tà Cú phát triển các gói du lịch tâm linh. Đẩy mạnh các gói team building và MICE cho các đối tượng công ty, nhà máy, xí nghiệp.
- Nhằm góp phần nâng cao doanh thu, TTC Travel tập trung khai thác khách lẻ khởi hành hàng tuần, hàng tháng tại các outlet của TTC như tour Phan Thiết, Kê Gà, Ninh Thuận, Nha Trang, Đà Lạt, các sản phẩm đặc thù như khám phá rừng phượng đỏ, tour khám sức khỏe, Thiền Yoga detox.
- Đẩy mạnh các kênh bán hàng online, website, facebook để phát huy tối đa sức mạnh công nghệ.
- Chuẩn bị lịch khởi hành tour quốc tế, các đường bay cũng như các đối tác landtour, dịch vụ Visa để khai thác các tuyến điểm quốc tế năm 2021 khi các đường bay được khai thác trở lại.

1.2 | CÔNG TÁC MARKETING

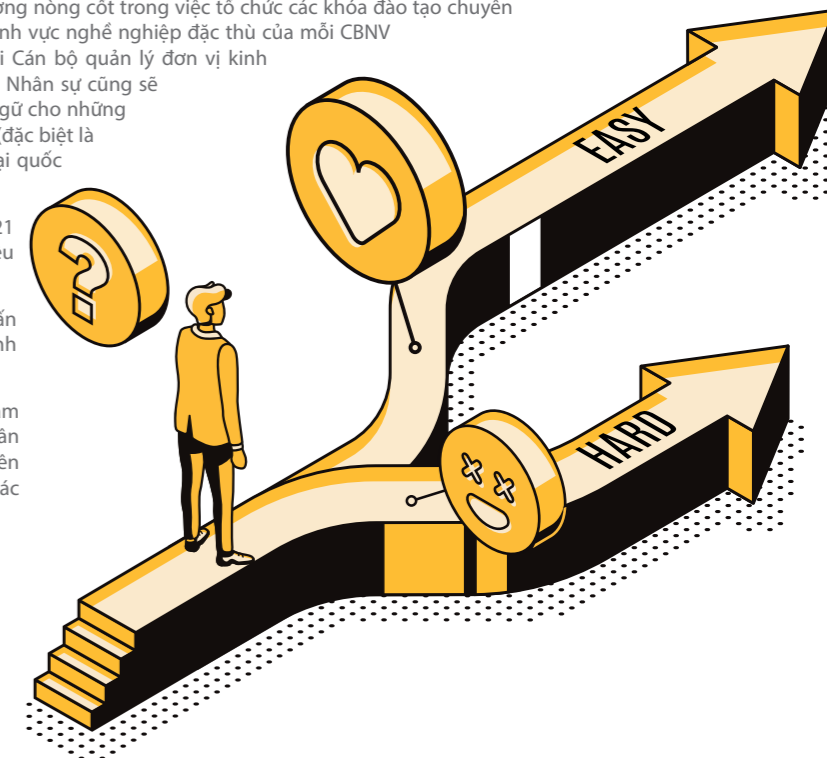
PHÁT TRIỂN CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU: đánh giá tính hiệu quả của các kênh truyền thông (bao gồm kênh hiệu quả nhất là facebook và kênh kém hiệu quả nhưng chi phí cao là truyền thông trên báo chí) để xây dựng một chiến lược truyền thông hiệu quả nhất vừa tiết kiệm ngân sách toàn ngành nhưng vẫn đảm bảo được độ phủ trên thị trường. Ví dụ có thể kể đến việc tài trợ cho các KOLs lưu trú hoặc triển khai các không gian check in trẻ trung, hợp với xu hướng của thị trường, nhưng cũng dễ dàng thay đổi tại các khu vui chơi như TTC World - Thung Lũng Tinh Yêu và TTC World - Tà Cú.

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI: Nghiên cứu các sản phẩm mới để bắt kịp xu hướng thị trường, linh hoạt ứng biến trong công tác kinh doanh. Ngoài ra, công ty cũng sẽ tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược để không chỉ mở rộng thị trường và database khách hàng, mà còn tận dụng lợi thế thương hiệu của cả hai bên nhằm đảm bảo hình ảnh TTC Hospitality luôn xuất hiện trong cuộc sống của người tiêu dùng (Ví dụ: Kết hợp với các ngân hàng để xây dựng chương trình giảm giá cho các chủ thẻ tín dụng, Triển khai nghiên cứu sản phẩm để hợp tác với hãng hàng không Vietravel).

CÔNG TÁC THIẾT KẾ: chuyên nghiệp hóa và chuyên môn hóa bộ máy thiết kế của toàn ngành, bao gồm việc ban hành các tiêu chuẩn cao hơn về mặt CIP từ màu sắc đến hình ảnh, cũng như cải thiện chất lượng của các sản phẩm thiết kế được ban hành ra ngoài và tới tay khách hàng. Công tác thiết lập lại toàn bộ tiêu chuẩn thương hiệu CIP là một phần trong công tác tiêu chuẩn hóa sản phẩm, định vị thương hiệu của toàn Ngành.

1.3 | CÔNG TÁC NHÂN SỰ

- Trong năm 2021, bộ phận Nhân sự TTC Hospitality sẽ tập trung triển khai xây dựng Bộ tiêu chuẩn chức danh đối với đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị kinh doanh làm cơ sở cho việc tuyển dụng đúng người, đúng việc.
- Hiểu được rằng đầu tư vào con người là sự đầu tư hiệu quả nhất, công ty sẽ không ngừng tìm kiếm, nâng cấp đội ngũ giảng viên nội bộ tiềm năng, góp phần hoàn thiện kế hoạch xây dựng lộ trình thăng tiến cho CBNV (career path).
 - Đội ngũ giảng viên này chính là lực lượng nòng cốt trong việc tổ chức các khóa đào tạo chuyên môn và cải thiện kỹ năng theo đúng lĩnh vực nghề nghiệp đặc thù của mỗi CBNV của toàn hệ thống, đặc biệt là đối với Cán bộ quản lý đơn vị kinh doanh trực tiếp. Song song đó, phòng Nhân sự cũng sẽ đẩy mạnh công tác bồi dưỡng ngoại ngữ cho những nhân sự phục vụ trực tiếp khách hàng (đặc biệt là ở các thị trường có nguồn khách ngoại quốc cao như Khánh Hòa - Ninh Thuận).
- Ngoài ra, công tác nhân sự trong năm 2021 của TTC Hospitality cũng sẽ đặt mục tiêu hoàn thành các nhiệm vụ sau:
 - Triển khai xây dựng bộ câu hỏi phỏng vấn chuyên môn các chức danh trực tiếp kinh doanh toàn ngành.
 - Kiểm tra, giám sát thường xuyên nhằm đảm bảo các đơn vị trực thuộc luôn tuân thủ công tác cập nhật dữ liệu nhân sự lên phần mềm quản lý một cách đầy đủ, xác thực và kịp thời.



1.4 | CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM VÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Triển khai dự án Mekong Ecolodge theo tiến độ dựa trên nhu cầu thị trường.

Triển khai cuộc thi thiết kế tượng Nữ thần Tình yêu cho Tình Yêu Mộng Mơ mang tầm vóc quốc tế tạo tiếng vang trong khu vực, là tiền đề cho Tổng dự án khu vui chơi và nghỉ dưỡng Tình Yêu Mộng Mơ và Đồi Thống Nhất.

Xác định khu vui chơi Tình Yêu Mộng Mơ và Đồi Thống Nhất là điểm du lịch mang tầm vóc khu vực, định hướng lên quy hoạch tổng thể tương xứng với quy mô dự án.

Tiếp tục triển khai dự án Avani Resort Dốc Lết, dự kiến khai trương vào năm 2022.

Tiếp tục đánh giá tiềm năng các khu vực mới có tiềm năng phát triển du lịch trong nước.



Dự án Vườn Ánh Sáng
tại TTC World - Thung Lũng Tình Yêu



Phối cảnh dự án Tượng Nữ Thần Tình Yêu
tại TTC World - Thung Lũng Tình Yêu

1.5 | CÔNG TÁC CHÍNH SÁCH PHÁP CHẾ

CÔNG TÁC PHÁP CHẾ:

- Thường xuyên rà soát và lập thủ tục thay đổi các Giấy phép (GCN ĐKDN, GCN đầu tư, Báo cáo đánh giá tác động môi trường, PCCC, GPXD...) đảm bảo các hoạt động kinh doanh đúng với quy định Pháp luật.
- Tham gia hỗ trợ trực tiếp các dự án ngay từ giai đoạn đầu để hạn chế những rủi ro liên quan trong quá trình thực hiện.

CÔNG TÁC CHÍNH SÁCH

- Thường xuyên cập nhật rà soát tình hình triển khai văn bản lập quy tại đơn vị để ban hành, soát xét kịp thời và đảm bảo hiệu quả của từng đơn vị.
- Lấy ý kiến của các Đơn vị trong Công ty về hệ thống văn bản lập quy hiện hành nhằm điều chỉnh cho phù hợp.

LOYALTY PROGRAM



1.6 | CÔNG TÁC QUẢN LÝ HỆ THỐNG

- Công nghệ số đang ảnh hưởng trực tiếp và chi phối hành vi tiêu dùng của khách du lịch, vì vậy, trong năm 2021, công tác Quản lý hệ thống sẽ tập trung các dự án, phần mềm tổng hợp review của khách hàng trên toàn bộ các kênh online, góp phần hỗ trợ bộ máy vận hành trong nhiệm vụ quản lý chất lượng dịch vụ, sản phẩm và tiếp nhận thông tin, đánh giá của người tiêu dùng. Ngoài ra, việc tích hợp phần mềm quản lý khách sạn – nhà hàng với Siteminder cũng sẽ được thực hiện nhằm tạo nền tảng quản lý và đẩy mạnh số lượng booking trên các kênh OTAs.
- Đặc biệt, công ty sẽ triển khai nghiên cứu phần mềm quản lý khách hàng thân thiết (Loyalty Program) – tiền thân cho dự án kết nối sản phẩm với các ngành của Tập Đoàn TTC. Với việc triển khai và chia sẻ các dữ liệu Big Data về thói quen và hành vi tiêu dùng của khách hàng của không chỉ TTC Hospitality và mà còn của toàn hệ thống TTC Group, công ty sẽ có thể xây dựng một hệ sinh thái TTC khép kín, nơi khách hàng có thể sử dụng bất kì một sản phẩm nào từ nông nghiệp cho đến bất động sản cho đến du lịch một cách tiện lợi và dễ dàng.

1.7 | CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Trong năm 2021, Công tác quản lý Chất Lượng Dịch Vụ sẽ là nhiệm vụ trọng tâm của toàn ngành. Trong đó, trong những tháng đầu năm Tổng công ty sẽ tập trung hoàn thiện những bộ tiêu chuẩn về

- Sản phẩm
- Chất lượng
- An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm
- an ninh PCCC,
- Bộ quản lý rủi ro cho từng phân khúc tiêu chuẩn khách sạn, trung tâm hội nghị, nhà hàng và khu vui chơi.

Ngoài ra, toàn ngành cũng sẽ chuẩn hóa lại tiêu chuẩn set up phòng theo các hạng mục: hàng vải và khăn sẽ không sử dụng logo để giảm chi phí, hàng amenities, hàng in ấn, hàng mini bar theo xu hướng bảo vệ môi trường và thuần Việt.

Không dừng lại ở đó, năm 2021 cũng là năm mà phòng chất lượng dịch vụ sẽ triển khai rất nhiều các giải pháp nhằm đảm bảo cơ sở vật chất tài sản luôn ở trong điều kiện tốt nhất và công tác kiểm soát chi phí được thực hiện một cách triệt để. Cụ thể:

- Xuyên suốt trong năm, phòng chất lượng dịch vụ sẽ tổ chức đào tạo bộ tiêu chuẩn mới và áp dụng cho toàn bộ các đơn vị kinh doanh.
- Triển khai đánh giá định kì, chấm điểm KPI theo từng quý, năm, theo lịch bất thường dưới nhiều hình thức, bao gồm hình thức Mystery Guest.
- Thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất toàn hệ thống để lên danh sách bảo trì bảo dưỡng hoặc tái đầu tư để đảm bảo duy trì chất lượng theo đúng tiêu chuẩn.
- Rà soát và áp dụng phương pháp phân bổ chi phí nguyên vật liệu chi tiết hơn, vd: tách chi phí nguyên vật liệu nhà hàng ra khỏi chi phí bếp; thay đổi nước chuyển bán từ lon sang keg (chiết từ thùng lớn)
- Thực hiện đồng bộ hóa và tiêu chuẩn hóa hóa chất cho toàn ngành để tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả vệ sinh và giặt ủi.

1.8 | CÔNG TÁC HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ

Bên cạnh công tác rà soát, chuẩn hóa các hoạt động mua sắm thì việc đánh giá, kiểm soát chi phí cũng được đặc biệt chú trọng trong công tác hành chính quản trị thời gian tới thông qua các hoạt động:

- Thiết kế đồng phục mới cho cán bộ nhân viên tại các đơn vị kinh doanh, nhấn mạnh vào tiêu chí năng động, tiện lợi và tiết giảm chi phí trong mùa dịch.
- Chuẩn hóa quy định lưu trữ và triển khai lưu trữ hồ sơ tập trung tại các đơn vị.
- Thường xuyên đánh giá, so sánh và mở rộng danh mục nhà cung cấp toàn ngành nhằm tiết giảm chi phí và chủ động trong công tác thu mua.
- Triển khai công tác mua sắm Tài sản – công cụ dụng cụ toàn ngành theo đúng tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ ban hành.
- Triển khai mua sắm tập trung đối với các mặt hàng có nhu cầu mua sắm lớn trong năm, điều này đảm bảo tính đồng bộ toàn ngành và hạn chế các chi phí phát sinh không đáng có.
- Đảm bảo công tác cập nhật, dán mã Tài sản – công cụ dụng cụ toàn ngành luôn đầy đủ, chính xác, kịp thời nhằm thuận tiện trong công tác quản lý và kiểm kê.
- Thường xuyên triển khai đánh giá và điều chuyển nội bộ các Tài sản – công cụ dụng cụ không còn nhu cầu sử dụng sau kiểm kê nhằm hạn chế phát sinh chi phí mới.

GAM MÀU
PANTONE COLOR



Giày nữ nam và, đế cao su.
Giày nữ đế cao cấp tạo sự sang trọng, cứng cáp giúp êm ái khi mang, đế nhả bọt biển chắc tạo khe chống trơn trượt.

Giày lưới nam



1.9 | CÔNG TÁC KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH VÀ KẾ HOẠCH

Công tác Kế toán, Tài chính và Kế hoạch trong năm 2021 sẽ đưa ra nhiều giải pháp nhằm đảm bảo quản lý tốt / tạo thêm nguồn vốn, dự phòng các kịch bản khó đoán từ thiên tai dịch bệnh cũng như đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của công ty luôn tuân thủ đúng pháp luật.

CÔNG TÁC KẾ TOÁN

- Bộ phận kế toán vẫn không ngừng chủ động đề xuất các giải pháp kiểm soát và quản lý chi phí trên cơ sở “cost center” (trung tâm chi phí) trong IFRS (chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế). Báo cáo đầy đủ, kịp thời và đúng quy định công bố Báo cáo tài chính cho Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và quy định kế toán Việt Nam.
- Phối hợp với bộ phận kinh doanh thu hồi công nợ, quản lý tốt công nợ phải thu, cân đối hợp lý công nợ phải trả, hạn chế thấp nhất công nợ phải thu quá hạn, khó đòi.

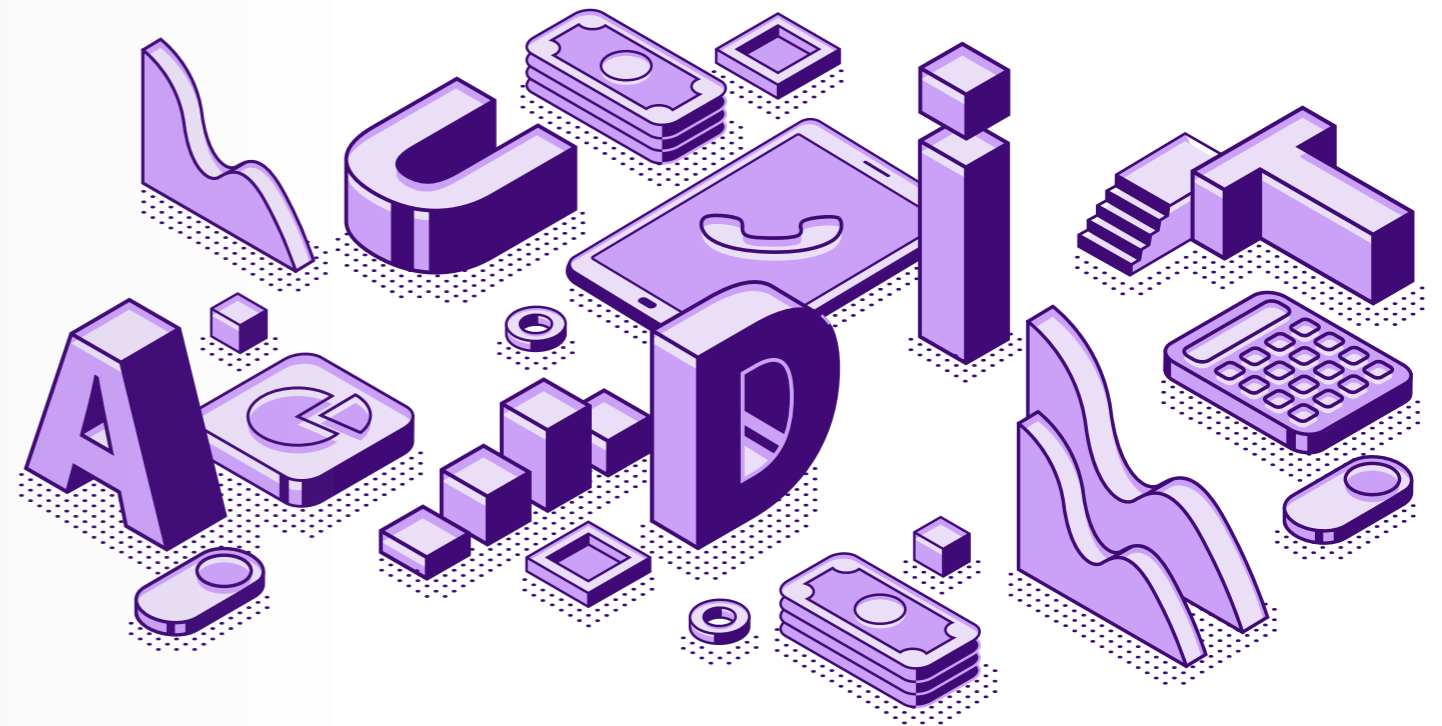
CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

Ngoài các công tác hiện hữu như mở rộng mạng lưới ngân hàng, tổ chức tín dụng nhằm ổn định dòng tiền, công tác Tài chính cũng đưa ra các mục tiêu:

- Tăng cường huy động nguồn vốn cổ đông thông qua phát hành cổ phiếu và các nguồn vốn tín dụng khác.
- Tiếp tục làm việc với các tổ chức, quỹ đầu tư để tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi. Đồng thời, mở rộng hạn mức tín dụng với các Ngân hàng để sử dụng hiệu quả nguồn tài sản của ngành và đảm bảo tính thanh khoản cho dòng tiền hoạt động.
- Lên kế hoạch dòng tiền tuần, tháng, năm, đồng thời kiểm tra và theo dõi dòng tiền hàng ngày để đảm bảo tính thanh khoản cho toàn ngành.

CÔNG TÁC KẾ HOẠCH

Trước diễn biến phức tạp của tình hình dịch Covid-19 và việc mở cửa “cấm chùng” của các quốc gia, tốc độ phục hồi của Ngành Du lịch trên toàn thế giới được dự đoán sẽ còn khá chậm và đặc biệt tại riêng Việt Nam sẽ phụ thuộc rất nhiều vào việc dịch bệnh có bùng phát trong cộng đồng hay không. Tuy nhiên, để đảm bảo sự ổn định trong công tác vận hành và duy trì hiệu quả trong kinh doanh, rất nhiều phương án và kịch bản đã được công ty đưa ra; không dừng lại ở đó, Ban Lãnh đạo và các cấp quản lý vẫn liên tục rà soát, điều chỉnh những kế hoạch ngân sách 2021 để phù hợp với tình hình của mỗi đơn vị, góp phần hoàn thành mục tiêu đảm bảo tính chủ động trong một thị trường đầy biến động.



04

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	74
MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021	78
MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025	79
BÁO CÁO CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN	82
BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO DOANH NGHIỆP	84
THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG	92

BÁO CÁO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020 ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CHO NĂM 2021

Kính thưa quý vị cổ đông Công ty,

Căn cứ nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ hoạt động Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công, tôi xin thay mặt Hội đồng quản trị Công ty báo cáo đến quý vị cổ đông về những nội dung công việc đã thực hiện trong năm 2020 và mục tiêu, kế hoạch trong năm 2021 như sau:

1 | HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1 | CƠ CẤU NHÂN SỰ CỦA HĐQT TRONG NĂM 2020

Ông NGUYỄN THẾ VINH	Chủ tịch HĐQT
Bà NGUYỄN THÁI HÀ	Thành viên HĐQT miễn nhiệm ngày 23/11/2020
Bà PHAN THỊ HỒNG VÂN	Thành viên HĐQT bổ nhiệm ngày 04/12/2020
Ông ĐẶNG HUỲNH ANH TUẤN	Thành viên HĐQT
Ông HOÀNG MẠNH TIẾN	Thành viên HĐQT
Ông VŨ VIẾT BẢN	Thành viên HĐQT
Ông ĐỖ HUY HIỆP	Thành viên HĐQT

1.2 | HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.2.1 | THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2020, HĐQT đã nhận được mức thù lao mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã thông qua như sau:

STT	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG	THÙ LAO ĐỒNG/NGƯỜI/THÁNG	TỔNG CỘNG
01	Chủ tịch HĐQT	01	303.000.000	3.636.000.000
02	Thành viên HĐQT	05	16.000.000	960.000.000
CỘNG				4.596.000.000

1.2.2 | THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

Dvt: tỷ đồng

CHI TIÊU	KH 2020	TH 2020	SO TH /KH
BÁO CÁO RIÊNG			
Doanh thu thuần	182	232	127%
Lợi nhuận trước thuế	31	32	103%
BÁO CÁO HỢP NHẤT			
Doanh thu thuần	384	461	120%
Lợi nhuận trước thuế	15	25	167%

1.2.3 | KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019, XIN Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN:

- Việc Ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020: Đã thực hiện lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán BCTC 2020 của Công ty;
- Chủ trương bổ sung, sửa đổi ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty: Công ty đã tiến hành đăng ký bổ sung ngành nghề và sửa đổi Điều lệ Công ty. Bản điều lệ sửa đổi được công bố thông tin vào ngày 06/7/2020;
- Chủ trương sử dụng thặng dư vốn cổ phần để xử lý lỗ lũy kế: tháng 5/2020, Đại hội đồng cổ đông đã thuận chủ trương cho công ty sử dụng hơn 121 tỷ đồng thặng dư vốn cổ phần xử lý lỗ lũy kế. Thuận duyệt chủ trương của ĐHĐCĐ, HĐQT cũng đã dùng 23 tỷ đồng để chuyển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với bà Nguyễn Thái Hà: sau khi xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, Ngày 23/11/2020, HĐQT đã CBTT về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với bà Nguyễn Thái Hà.
- Bầu bổ sung bà Phan Thị Hồng Vân làm thành viên HĐQT: sau khi xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, Ngày 04/12/2020, HĐQT đã CBTT về việc bầu bà Phan Thị Hồng Vân làm thành viên HĐQT của Công ty.

1.2.4 | TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP HĐQT VÀ CÁC QUYẾT ĐỊNH HĐQT

Để thông qua nhiều chủ trương và có những quyết sách kịp thời đối với hoạt động và định hướng phát triển của Công ty cũng như các cam kết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ, trong năm 2020 HĐQT đã thực hiện tổng cộng 71 cuộc họp linh động bằng nhiều phương tiện khác nhau như họp trực tiếp định kỳ hàng Quý, họp đột xuất qua các phương tiện trực tuyến, email... và ban hành 73 Nghị quyết chủ yếu tập trung vào các vấn đề cốt lõi, cụ thể như sau:

- Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 vào ngày 30/06/2020;
- Kiện toàn, cơ cấu, sắp xếp bộ máy tổ chức và hoạt động, bổ nhiệm các lãnh đạo và quản lý của Công ty: bổ nhiệm Bà Trần Võ Hiếu Thuận giữ chức vụ Quyền Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 02/11/2020; miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Phan Minh Trí từ ngày 31/12/2020.
- Huy động khoản vay, thế chấp/cầm cố tài sản để cân đối nguồn vốn theo các tiến độ đầu tư dự án cũng như các khoản vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty, duy trì cơ cấu vốn hiệu quả, các khoản vay được tái cơ cấu theo hướng điều chỉnh chi phí lãi vay xuống mức thấp;
- Phân quyền, ủy quyền cho Đại diện quản lý vốn góp trong các công ty có vốn đầu tư.

1.3 | ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Trong năm 2020, việc tập trung tối đa phát huy thế mạnh của mô hình quản trị bổ sung TV HĐQT độc lập bao gồm: sửa đổi nguyên tắc hoạt động và tăng cường chức năng Kiểm toán nội bộ và đẩy mạnh hoạt động các Tiểu ban chức năng giúp việc cho HĐQT, nhờ đó việc tham vấn của HĐQT có cái nhìn đa chiều về nhiều mặt kể cả tài chính lẫn chuyên môn, tăng cường sự quan tâm và sát sao với hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Điều hành; chất lượng Quản trị được nâng cao theo hướng dẫn chuẩn mực hóa quốc tế.
- Ngoài ra, HĐQT đã đảm bảo tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng cũng như hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



ÔNG **NGUYỄN THẾ VINH**

CHỦ TỊCH HĐQT

- Trong năm 2020 đã chủ trì triệu tập 71/71 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề về Định hướng chiến lược; Tái cấu trúc Công ty; Định hướng và phát triển loại hình kinh doanh;
- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng chương trình hành động năm; đồng thời giám sát Ban điều hành việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, kế hoạch kinh doanh của Công ty trong năm 2020;
- Ban hành văn bản lập quy thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhằm tạo ra hành lang pháp lý phù hợp điều chỉnh mọi hoạt động của Công ty.



BÀ **NGUYỄN THÁI HÀ**

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT (miễn nhiệm ngày 23/11/2020)

- Trong năm 2020 đã tham gia 57/71 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan Tư vấn cải thiện cơ cấu Quản trị theo chuẩn mực quốc tế, Tư vấn lộ trình chiến lược phát triển các loại hình kinh doanh của Công ty;
- Chỉ đạo, giám sát Ban điều hành công việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2020.
- Đề xuất, kiến nghị và thực hiện các phản biện đối với kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2021.



BÀ **PHAN THỊ HỒNG VÂN**

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC HĐQT (bổ nhiệm ngày 04/12/2020)

- Trong năm 2020 đã tham gia 11/71 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan Tư vấn cải thiện cơ cấu Quản trị theo chuẩn mực quốc tế, Tư vấn lộ trình chiến lược phát triển các loại hình kinh doanh của Công ty;
- Chỉ đạo, giám sát Ban điều hành công việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2020.
- Đề xuất, kiến nghị và thực hiện các phản biện đối với kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2021.
- Đề xuất, kiến nghị và thực hiện các phản biện đối với kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2021.



ÔNG **ĐẶNG HUỖNH ANH TUẤN**

THÀNH VIÊN HĐQT

- Trong năm 2020 đã tham gia 71/71 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan Tham mưu chiến lược phát triển, Hiện thực hóa mục tiêu sản xuất - kinh doanh;
- Đề xuất, kiến nghị và thực hiện các phản biện đối với kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2021.



ÔNG **HOÀNG MẠNH TIẾN**

THÀNH VIÊN HĐQT

- Trong năm 2020 đã tham gia 71/71 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan Tư vấn cải thiện cơ cấu Quản trị Công ty, đầu tư dự án;
- Thực hiện giám sát độc lập, Phụ trách hệ thống kiểm toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán độc lập;
- Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm tăng cường việc kiểm soát rủi ro đối với các hoạt động điều hành, kinh doanh của Công ty.



ÔNG **VŨ VIẾT BẢN**

THÀNH VIÊN HĐQT

- Trong năm 2020 đã tham gia 71/71 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến Tham mưu quy hoạch quản lý, giám sát Quản trị và Điều hành theo hướng độc lập.
- Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm tăng cường việc kiểm soát rủi ro đối với các hoạt động điều hành, kinh doanh của Công ty.



ÔNG **ĐỖ HUY HIỆP**

THÀNH VIÊN HĐQT

- Trong năm 2020 đã tham gia 71/71 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư, tài chính Công ty.
- Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm tăng cường việc kiểm soát rủi ro đối với các hoạt động điều hành, kinh doanh của Công ty.

1.5 | KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY:

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ Công ty và Pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát và đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động Sản xuất – Kinh doanh của Công ty, triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT trong năm 2020 như sau:

• Công tác giám sát:

- HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành thông qua các báo cáo tại các cuộc họp HĐQT định kỳ, các cuộc họp bổ sung và thông qua thư điện tử, điện thoại về tình hình triển khai thực hiện chiến lược, mục tiêu, nội dung, kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ cũng như việc triển khai các nghị quyết của HĐQT.
- Ngoài ra, Tiểu ban Kiểm toán (“TKBT”) thông qua Kiểm toán Nội bộ (“KTNB”) đã thực hiện việc giám sát các khía cạnh tài chính, quản lý rủi ro, việc tuân thủ các quy định – quy trình thông qua các đợt kiểm tra định kỳ theo kế hoạch năm tại các Khối, Phòng, Đơn vị của Công ty.
- HĐQT đã thảo luận và thông qua các vấn đề bằng các nghị quyết sau mỗi kỳ họp về các thay đổi, dự báo và kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề có liên quan để Tổng Giám đốc và Ban điều hành có cơ sở triển khai.

• Công tác đánh giá:

Năm 2020, HĐQT đánh giá Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh và thực hiện khá tốt nhiệm vụ được giao trong năm 2020 trên các khía cạnh sau:

- Về chỉ tiêu sản xuất – kinh doanh: từng lĩnh vực kinh doanh đã có những cải thiện mạnh mẽ trong phương án triển khai, song song với việc gia tăng các biện pháp kiểm soát rủi ro, làm tiền đề cho sự phát triển, mở rộng của Công ty.
- Về công tác tổ chức vận hành nội bộ: Bên cạnh việc phân công nhiệm vụ phụ trách theo từng Khối chức năng, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành chú trọng đào tạo năng lực và kỹ năng cho các Cán bộ quản lý từ cấp trung đến cấp cao cũng như đội ngũ kế thừa ngày càng trưởng thành để có thể đảm nhiệm những công việc ngày càng lớn về mặt quy mô và phức tạp về mặt chuyên môn, đưa công ty dần dần ổn định về mô hình tổ chức và hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, trong năm 2020, hoạt động Văn phòng Công ty được tối ưu hóa chức năng nhiệm vụ với việc bổ nhiệm vị trí Chánh văn phòng, đảm bảo cho việc hỗ trợ tương tác giữa HĐQT và Ban Điều hành Công ty đạt hiệu quả ngày càng tối ưu.
- Về nguồn vốn đầu tư dự án: trước tình hình thị trường có nhiều biến động về mọi mặt, Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã đề ra các chương trình, giải pháp và quyết định phù hợp tình hình thực tế, cân đối được nguồn vốn đầu tư vào dự án đang triển khai với hoạt động tài chính chung của toàn Công ty.

1.6 | HOẠT ĐỘNG XIN Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN TRONG NĂM 2020

Trong 6 tháng đầu năm 2020, HĐQT Công ty có trình xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua việc sử dụng thặng dư vốn cổ phần để giảm lỗ lũy kế, theo kết quả kiểm phiếu thì có hơn 79 triệu cổ phiếu của cổ đông tán thành chiếm tỷ lệ 81,21% trên tổng số vốn điều lệ. Theo đó, ĐHCĐ đã quyết định chủ trương sử dụng thặng dư vốn cổ phần để giảm lỗ lũy kế và ủy quyền cho HĐQT lập phương án và triển khai thực hiện. Tại kỳ họp ĐHCĐ thường niên này, HĐQT xin báo cáo với cổ đông:

- Đến thời điểm hiện tại, HĐQT đã dùng 23 tỷ đồng để chuyển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trong 6 tháng cuối năm 2020, HĐQT Công ty có trình xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với bà Nguyễn Thái Hà và bầu bổ sung bà Phan Thị Hồng Vân làm thành viên HĐQT. Theo kết quả kiểm phiếu với hơn 79 triệu cổ phiếu của cổ đông tán thành chiếm tỷ lệ 81,21% trên tổng số vốn điều lệ, theo đó:

- Ngày 23/11/2020, HĐQT đã CBTT về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với bà Nguyễn Thái Hà.
- Ngày 04/12/2020, HĐQT đã CBTT về việc bầu bà Phan Thị Hồng Vân làm thành viên HĐQT của Công ty.

2 | MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

Năm 2020, HĐQT đã chuẩn hóa lại Quy chế tổ chức hoạt động Công ty với nguyên tắc “Quản trị Tập trung – chuẩn mực, Kiểm soát độc lập – trách nhiệm, Điều hành phân cấp – chuyên nghiệp”, theo đó năm 2021 sẽ là năm cách mạng quản trị trên mọi mặt với các định hướng sau:

- Chỉ đạo và kiểm soát việc thực hiện kế hoạch hành động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh được ĐHCĐ thông qua;
- Tiếp tục tập trung phát triển hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty dựa trên phương châm “Chất lượng dịch vụ khẳng định thương hiệu” hướng tới mục tiêu hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch theo ngành nghề kinh doanh Lưu trú - Lữ hành - Chăm sóc sức khỏe - Vận chuyển hành khách, nhằm gia tăng sự cạnh tranh và giữ vững vị trí của các sản phẩm dịch vụ đã và đang lớn mạnh trên thị trường.
- Tăng cường hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị nhằm thúc đẩy, hỗ trợ kịp thời cho hoạt động của Ban Điều hành;
- Rà soát lại các tài sản hiện hữu và thanh toán nếu giá trị chuyển nhượng hợp lý để tập trung nguồn lực cho việc nâng cao thương hiệu TTC Hospitality;
- Giám sát việc sử dụng vốn trong đầu tư, nâng cao giá trị lợi ích cho cổ đông bên cạnh hoạt động việc xây dựng, mở rộng kinh doanh;

- Nghiên cứu và xây dựng hệ thống Quản trị rủi ro tại Công ty, đảm bảo sự bền vững theo định hướng, chiến lược dài hạn của Công ty;
- Hoàn thiện các quy trình, quy định, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn của các bộ phận để tạo sự chuyên nghiệp và chuẩn hóa trong các tác nghiệp hàng ngày của CBNV theo tiêu chuẩn hệ thống khách sạn, trung tâm hội nghị, khu vui chơi, lữ hành. Tiếp tục tăng cường bồi dưỡng, đào tạo, huấn luyện về nghiệp vụ, kỹ năng phục vụ, đạo đức nghề nghiệp cho toàn thể CBNV;
- Xây dựng môi trường làm việc sáng tạo, đặt yếu tố con người làm nòng cốt trong công tác quản trị nguồn nhân lực với tiêu chí xây dựng đội ngũ nhân sự “tinh gọn – hiệu quả”; tích cực triển khai nhiều chương trình đào tạo từ cấp lãnh đạo đến thế hệ nhân viên kế thừa để đảm đương các nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.
- Phát triển mạng lưới du lịch TTC đến các tỉnh, thành phố có du lịch phát triển như: Hà Nội, Đà Nẵng, Bà Rịa Vũng Tàu...

Với định hướng quản trị Công ty theo chiến lược phát triển toàn diện và bền vững, trong năm 2021,

Doanh thu thuần: Lợi nhuận trước thuế:

450 **12**
TỶ ĐỒNG TỶ ĐỒNG

BÁO CÁO HỢP NHẤT

Doanh thu thuần: Lợi nhuận trước thuế:

235 **10**
TỶ ĐỒNG TỶ ĐỒNG

BÁO CÁO RIÊNG

3 | MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

3.1 | MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐỀ RA

3.1.1 | KINH DOANH LƯU TRÚ:

- Với lĩnh vực lưu trú, TTC Hospitality sẽ tiếp tục công tác đầu tư vào các khách sạn 4-5 sao và hợp tác với các thương hiệu quản lý khách sạn quốc tế, góp phần đưa thương hiệu TTC Hospitality tiệm cận với đẳng cấp và các tiêu chuẩn thế giới.
- Phát triển và hình thành các khu vui chơi mang tầm vóc khu vực, đáp ứng cho mọi đối tượng trong và ngoài nước.
- Thị trường khách du lịch:** đẩy mạnh phát triển đồng thời cả du lịch nội địa và du lịch quốc tế. Tập trung phân đoạn thị trường khách có mục đích du lịch thuần túy, nghỉ dưỡng, lưu trú dài ngày và chi tiêu cao.

3.1.2 | ĐẦU TƯ DỰ ÁN:

- Khu vui chơi:** đầu tư khu trò chơi tại Đối Thống Nhất, khu vui chơi biển và các trò chơi nước tại Dốc Lết, Phú Quốc và khu vui chơi nghỉ dưỡng sông nước Mekong.
- Mở rộng mạng lưới hệ thống Khách sạn TTC Hospitality tại các tỉnh thành như: Hà Nội, Đà Nẵng, Bà Rịa Vũng Tàu, ... và các địa điểm nằm trong chiến lược dài hạn của Công ty.

3.1.3 | QUẢN LÝ MÔ HÌNH TỔ CHỨC – VẬN HÀNH

- Về Quản trị - Điều hành:** Nhằm cộng hưởng được sức mạnh nội bộ ngành du lịch, tập trung thống nhất về điều hành, gia tăng sự kiểm soát, tăng cường sức mạnh cạnh tranh, TTC Hospitality xác định cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị, điều hành theo định hướng Tổng Công ty và các khu vực với kim chỉ nam là “Quản trị tập trung – điều hành phân cấp” trong giai đoạn 2021-2025.
- Về Chuẩn hóa hệ thống:** Chuẩn hóa hoạt động kinh doanh, hệ thống công cụ dụng cụ, các bộ chỉ số hoạt động theo từng loại hình quản lý, từng phân khúc hoạt động để gia tăng năng lực cạnh tranh nhưng vẫn đảm bảo đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với thông lệ tại Việt Nam.

3.2 | CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH BÁO CÁO HỢP NHẤT

Mục tiêu tài chính đến năm 2025 đạt các chỉ tiêu như sau:

- Vốn điều lệ:** Vốn điều lệ đến năm 2025 đạt 1.175 tỷ đồng,
- Vốn chủ sở hữu:** Vốn chủ sở hữu đến năm 2025 đạt 2.145 tỷ đồng,
- Tổng tài sản:** Tổng tài sản đến năm 2025 đạt 4.520 tỷ đồng.
- Mục tiêu doanh thu thuần giai đoạn 2021- 2025 đạt 5.602 tỷ đồng tăng trưởng hàng năm bình quân đạt 20-30%, lợi nhuận trước thuế đạt 991 tỷ đồng.

Trên đây là một số nét chính về kết quả hoạt động năm 2020; mục tiêu và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021 xin báo cáo đến Quý Cổ đông.

CÁC NGHỊ
QUYẾT
CỦA HỘI
ĐỒNG
QUẢN TRỊ
ĐÃ BAN
HÀNH
TRONG
NĂM
2020

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1.	01/2020/NQ-HĐQT	02/01/2020	V/v Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP) năm 2019 và phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết	100%
2.	02/2020/NQ-HĐQT	14/01/2020	V/v Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	100%
3.	2A/2020/NQ-HĐQT	15/01/2020	V/v Chuyển lợi nhuận của công ty con về Công ty	100%
4.	2B/2020/NQ-HĐQT	15/01/2020	V/v Chuyển lợi nhuận của công ty con về Công ty	100%
5.	03/2020/NQ-HĐQT	16/01/2020	V/v Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty	100%
6.	04/2020/NQ-HĐQT	17/01/2020	V/v Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Công ty	100%
7.	05/2020/NQ-HĐQT	18/02/2020	V/v Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Tài chính Công ty	100%
8.	06/2020/NQ-HĐQT	28/02/2020	V/v Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) – CN 1	100%
9.	07/2020/NQ-HĐQT	28/02/2020	V/v Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019	100%
10.	08/2020/NQ-HĐQT	10/03/2020	V/v Chấp thuận chủ trương tăng vốn điều lệ tại Công ty con	100%
11.	09/2020/NQ-HĐQT	17/03/2020	V/v Thành lập Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	100%
12.	10/2020/NQ-HĐQT	19/03/2020	V/v Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019	100%
13.	11/2020/NQ-HĐQT	24/03/2020	V/v Hủy ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019	100%
14.	11A/2020/NQ-HĐQT	25/03/2020	V/v Công ty con thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Du lịch Núi Tà Cú	100%
15.	12/2020/NQ-HĐQT	27/03/2020	V/v Thống nhất phương án xử lý cổ phiếu ESOP khi CBNV nghỉ việc vì lý do ảnh hưởng bởi dịch COVID-19	100%
16.	13/2020/NQ-HĐQT	30/03/2020	V/v Chấp thuận chủ trương tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Du lịch TTC	100%
17.	14/2020/NQ-HĐQT	02/04/2020	V/v Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động Công ty	100%
18.	15/2020/NQ-HĐQT	13/04/2020	V/v Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án tại số 15 Nguyễn Du, phường Đức Thắng, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	100%
19.	16/2020/NQ-HĐQT	13/04/2020	V/v Công ty TNHH Du lịch TTC chuyển nhượng Bất động sản	100%
20.	17/2020/NQ-HĐQT	13/04/2020	V/v Công ty TNHH Du lịch TTC chuyển nhượng Bất động sản	100%
21.	18/2020/NQ-HĐQT	14/04/2020	V/v Chốt danh sách cổ đông nhằm lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc sử dụng thặng dư vốn cổ phần để giảm lỗ lũy kế	100%
22.	19/2020/NQ-HĐQT	17/04/2020	V/v Công ty TNHH Du lịch TTC vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Bình Thuận	100%
23.	21/2020/NQ-HĐQT	21/04/2020	V/v Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông	100%
24.	22/2020/NQ-HĐQT	24/04/2020	V/v Miễn nhiệm và Bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh của Công ty	100%
25.	23/2020/NQ-HĐQT	04/05/2020	V/v Điều chỉnh tên, mục tiêu, quy mô dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 1818752208	100%
26.	24/2020/NQ-HĐQT	05/05/2020	V/v Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty	100%
27.	25/2020/NQ-HĐQT	05/05/2020	V/v Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019	100%
28.	26/2020/NQ-HĐQT	05/05/2020	V/v Công ty TNHH Du lịch TTC cho cá nhân vay vốn	100%
29.	27/2020/NQ-HĐQT	05/05/2020	V/v Công ty cho cá nhân vay vốn	100%
30.	28/2020/NQ-HĐQT	01/06/2020	V/v Ban hành hệ thống phân quyền	100%
31.	28A/2020/NQ-HĐQT	12/06/2020	V/v Công ty TNHH Du lịch TTC vay vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Nguyễn Văn Trỗi	100%
32.	28B/2020/NQ-HĐQT	25/06/2020	V/v Công ty TNHH Du lịch TTC giảm tỷ lệ sở hữu vốn tại CTCP Du lịch Đồng Thuận	100%
33.	29/2020/NQ-HĐQT	26/06/2020	V/v Ủy quyền mua cổ phần CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam	100%
34.	29A/2020/NQ-HĐQT	26/06/2020	V/v Công ty TNHH Du lịch TTC nhận chuyển nhượng cổ phần từ Công ty CP Toàn Hải Vân	100%
35.	30/2020/NQ-HĐQT	30/06/2020	V/v Giảm tỷ lệ sở hữu vốn tại Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	100%
36.	30A/2020/NQ-HĐQT	01/07/2020	V/v Chuyển lợi nhuận của công ty con về Công ty	100%
37.	30B/2020/NQ-HĐQT	06/07/2020	V/v Chấp thuận cho CTCP Du lịch Đồng Thuận vay vốn	100%

38.	31/2020/NQ-HĐQT	08/07/2020	V/v Ban hành Quy chế quản lý công ty con, công ty F2, công ty liên kết	100%
39.	32/2020/NQ-HĐQT	20/07/2020	V/v Chuyển lợi nhuận của công ty con về Công ty	100%
40.	33/2020/NQ-HĐQT	23/07/2020	V/v Xóa bỏ hạn chế giao dịch cổ phiếu	100%
41.	33A/2020/NQ-HĐQT	07/08/2020	V/v Chuyển nhượng cổ phần đang sở hữu tại CTCP Toàn Hải Vân	100%
42.	34/2020/NQ-HĐQT	18/08/2020	V/v Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông	100%
43.	35/2020/NQ-HĐQT	19/08/2020	V/v Chấp thuận cho Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận vay vốn	100%
44.	36/2020/NQ-HĐQT	24/08/2020	V/v Chấp thuận cho CTCP Du lịch Đồng Thuận vay vốn	100%
45.	38/2020/NQ-HĐQT	14/09/2020	V/v vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) – Chi nhánh 1	100%
46.	39/2020/NQ-HĐQT	18/09/2020	V/v Điều chỉnh tổng mức đầu tư và tiến độ thực hiện dự án, điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư	100%
47.	40/2020/NQ-HĐQT	21/09/2020	V/v Công ty TNHH Du lịch TTC rút tài sản đang thế chấp tại BIDV Bình Thuận	100%
48.	41/2020/NQ-HĐQT	25/09/2020	V/v Thông qua chủ trương gia hạn thuế Khách sạn TTC Đà Lạt	100%
49.	42/2020/NQ-HĐQT	29/09/2020	V/v Tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty	100%
50.	43/2020/NQ-HĐQT	30/09/2020	V/v Thông qua chủ trương mua cổ phần của TTC Energy	100%
51.	44/2020/NQ-HĐQT	19/10/2020	V/c chốt danh sách cổ đông nhằm lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021	100%
52.	45/2020/NQ-HĐQT	21/10/2020	V/v Cầm cố/ thế chấp tài sản cho khoản vay	100%
53.	46/2020/NQ-HĐQT	22/10/2020	V/v Thay đổi Người phụ trách quản trị công ty	100%
54.	47/2020/NQ-HĐQT	27/10/2020	V/v Thông qua hạn mức vay vốn của Công ty TNHH Du lịch TTC tại Ngân hàng TMCP Phương Đông	100%
55.	47A/2020/NQ-HĐQT	30/10/2020	V/v Thông qua việc CTCP Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng vay vốn của CTCP Du lịch Bến Tre	100%
56.	48/2020/NQ-HĐQT	02/11/2020	V/v Miễn nhiệm Tổng Giám đốc Công ty	100%
57.	49/2020/NQ-HĐQT	02/11/2020	V/v Bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc Công ty	100%
58.	50/2020/NQ-HĐQT	02/11/2020	V/v Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông	100%
59.	51/2020/NQ-HĐQT	02/11/2020	V/v vay vốn và sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại ngân hàng BIDV – Chi nhánh Gia Định	100%
60.	51A/2020/NQ-HĐQT	23/11/2020	V/v Thông qua việc vay vốn của CTCP Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	100%
61.	52/2020/NQ-HĐQT	24/11/2020	V/v Trình ĐHĐCĐ thông qua Danh sách ứng viên, Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT và các nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
62.	52A/2020/NQ-HĐQT	30/11/2020	V/v Chấp thuận việc Công ty TNHH TTC thế chấp tài sản để vay vốn tại BIDV – CN Bình Thuận	100%
63.	53/2020/NQ-HĐQT	07/12/2020	V/v Bầu Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT nhiệm kỳ 2016 – 2021	100%
64.	54/2020/NQ-HĐQT	16/12/2020	V/v Thông qua chủ trương chuyển nhượng cổ phần tại TTC Energy	100%
65.	54A/2020/NQ-HĐQT	17/12/2020	V/v Thông qua việc vay vốn của CTCP Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	100%
66.	54B/2020/NQ-HĐQT	17/12/2020	V/v Thông qua việc tăng hạn mức cho CTCP Du lịch Đồng Thuận vay	100%
67.	54C/2020/NQ-HĐQT	17/12/2020	V/v Thông qua việc vay vốn của CTCP Du lịch Bến Tre	100%
68.	54D/2020/NQ-HĐQT	17/12/2020	V/v Thông qua việc Công ty TNHH Du lịch TTC vay vốn của CTCP Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	100%
69.	55/2020/NQ-HĐQT	18/12/2020	V/v Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông	100%
70.	55A/2020/NQ-HĐQT	25/12/2020	V/v Công ty TNHH Du lịch TTC nhận chuyển nhượng cổ phần từ CTCP Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	100%
71.	56/2020/NQ-HĐQT	31/12/2020	V/v Xóa bỏ hạn chế chuyển nhượng cổ phần trong đợt ESOP 2019	100%
72.	57/2020/NQ-HĐQT	31/12/2020	V/v Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty	100%
73.	58/2020/NQ-HĐQT	31/12/2020	V/v Thay đổi đại diện ủy quyền, đại diện theo pháp luật, chủ tịch Công ty TNHH Du lịch TTC	100%

4 | BÁO CÁO CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Từ niên độ 2018, thực hiện kế hoạch cải thiện Quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất, Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") đã thành lập các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị ("HĐQT") nhằm:

(1) Gia tăng hiệu quả hoạt động của HĐQT khi cho phép các chuyên gia, tức là các Thành viên HĐQT tập trung vào các lĩnh vực cụ thể hơn để từ đó đưa ra các khuyến nghị chuyên sâu hơn cho HĐQT;

(2) Phát triển chuyên môn cụ thể về hoạt động của Công ty;

(3) Cải thiện sự khách quan và độc lập trong đánh giá của HĐQT.

HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH HĐQT	CHỨC DANH TIỂU BAN KIỂM TOÁN	NGÀY BỐ NHIỆM	NGÀY BỐ NHIỆM
Ông HOÀNG MẠNH TIẾN	Thành viên độc lập HĐQT	Trưởng Tiểu ban Kiểm toán	27/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> Lập chương trình hành động của TBKT. Chỉ đạo các Thành viên TBKT thực hiện các quyền và nhiệm vụ của TBKT. Chỉ đạo Phòng KTNB triển khai thực hiện theo chức năng và nhiệm vụ.
Ông ĐỖ HUY HIỆP	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên	27/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện nhiệm vụ do Trưởng TBKT phân công.
Ông VŨ VIỆT BẢN	Thành viên HĐQT không điều hành	Thành viên	27/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> Chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHCĐ, HĐQT về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty

- Đáp ứng hầu như các chuẩn mực theo thông lệ tốt nhất được khuyến nghị trong Bộ quy tắc Quản trị công ty; cơ cấu Tiểu ban Kiểm toán ("TBKT") của Công ty gồm 3 Thành viên, trong đó có 2 Thành viên là Thành viên độc lập HĐQT và Trưởng TBKT là Thành viên độc lập HĐQT, hoàn toàn đảm bảo tính độc lập trong hoạt động kiểm tra, giám sát của TBKT.
- Ngoài ra, kiến thức và kinh nghiệm trong lĩnh vực Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát, Kế toán, Tài chính đặc biệt là am hiểu các chuẩn mực, thông lệ đã hỗ trợ các Thành viên trong công tác tư vấn, tham mưu những vấn đề trọng yếu đạt hiệu quả cao, hướng đến tối thiểu hóa rủi ro, tối đa hóa giá trị cho Công ty và các Bên liên quan.
- Hoạt động trọng tâm của TBKT trong niên độ 2020:
- Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được HĐQT Công ty giao, thông qua hoạt động giám sát và kiểm tra, TBKT đã kịp thời đưa ra những tham vấn cho HĐQT, những kiến nghị và/hoặc đề xuất thiết thực cho Ban Tổng Giám đốc ("Ban TGD") trong việc triển khai và điều chỉnh hoạt động kinh doanh của các Đơn vị nhằm hoàn thiện, nâng cao tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ, công tác quản trị rủi ro; và thông qua Đơn vị Kiểm toán nội bộ ("KTNB") để triển khai hoạt động đảm bảo, tư vấn hữu hiệu về hoạt động đối với các Trưởng đơn vị trong công tác quản lý lĩnh vực được phân công, phụ trách nhằm đảm bảo hoạt động của các Đơn vị, bộ phận vận hành hiệu quả, xuyên suốt và để cao tính tuân thủ.
- Mặc dù hoạt động kinh doanh của Công ty bị thu hẹp đáng

kể trong niên độ vừa qua do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19; tự soát xét và đánh giá, TBKT chúng tôi nhận thấy hiệu quả giám sát trong năm 2020 đã hoàn thành nhiệm vụ mà HĐQT đã tin tưởng giao trách nhiệm.

- Để hỗ trợ HĐQT thực hiện các chức năng quản trị một cách hiệu quả, tránh mọi xung đột về lợi ích, TBKT đã hoạt động rất tích cực trong năm 2020. TBKT có đầy đủ nguồn lực và thẩm quyền đảm bảo các kiểm soát nội bộ phù hợp được duy trì để Công ty tuân thủ các quy định của luật pháp và quy định liên quan, đặc biệt chú trọng đến đạo đức kinh doanh và các quy chế hoạt động nội bộ.
- Với sự tham gia giám sát độc lập của TBKT, hoạt động của Công ty minh bạch hơn, giảm thiểu rủi ro gian lận, giảm thiểu thiệt hại trong kinh doanh do rủi ro dịch bệnh; thể hiện tính trung thực trong chính sách bảo vệ quyền lợi các Bên liên quan, trong đó có Cổ đông và Nhà đầu tư.
- Xét về chuẩn mực trách nhiệm của TBKT theo thông lệ tốt nhất, có 8 nhiệm vụ chủ yếu mà TBKT cần phải thực hiện thường xuyên để đảm bảo hoạt động kiểm soát xuyên suốt và hiệu quả. Tuy nhiên do ảnh hưởng dịch bệnh dẫn đến hoạt động của TBKT trong niên độ 2020 cũng phải điều chỉnh cho phù hợp thực tế và TBKT đã tập trung thực hiện các công việc trọng điểm liên quan đến Giám sát hoạt động Công ty, HĐQT và Ban TGD; Thẩm định BCTC và giám sát CBTT; Giám sát, duy trì và hoàn thiện hệ thống Kiểm soát nội bộ, Quản trị rủi ro; Giám sát hoạt động Kiểm toán độc lập; và Giám sát giao dịch các Bên liên quan. Chi tiết theo bảng sau:

CÔNG VIỆC	THỰC HIỆN	KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC
Giám sát hoạt động Công ty, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.	<ul style="list-style-type: none"> Giám sát các hoạt động của HĐQT theo Nghị quyết ĐHCĐ; hoạt động của Ban TGD triển khai kế hoạch, hành động theo Nghị quyết HĐQT. Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Giám sát tính tuân thủ hoạt động Công ty theo đúng Điều lệ, Pháp luật hiện hành, quy định nội bộ Tham mưu, tư vấn, giám sát cải thiện hoạt động Quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất được khuyến nghị trong Bộ Nguyên tắc Quản trị công ty. Văn bản hóa tất cả các dịch vụ sử dụng giữa Công ty, Công ty thành viên minh bạch trong quan hệ với Nhà đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> Nắm bắt thông tin kịp thời cũng như có ý kiến, trao đổi đối các vấn đề thời sự, rủi ro tại Công ty. Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT được triển khai đúng và đầy đủ. Hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định nội bộ. Tăng cường cam kết về Quản trị công ty thông qua cam kết, ứng xử của HĐQT trong quản trị. Gia tăng hiệu quả hoạt động HĐQT thông qua việc gia tăng số lượng Thành viên độc lập, minh định và đẩy mạnh trách nhiệm của từng Thành viên theo phân công. Tăng cường vai trò của HĐQT trong việc bảo đảm trách nhiệm giải trình của Ban Điều hành.

Thẩm định Báo cáo tài chính ("BCTC") và giám sát Công bố thông tin ("CBTT").	Thẩm định BCTC bán niên (soát xét) và toàn niên độ (bao gồm soát xét BCTC quý). Công tác CBTT đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành (bao gồm tuân thủ Quy chế CBTT tại SGDCK TP HCM)	BCTC trung trực, hợp lý trên cơ sở tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành; chính sách kế toán áp dụng nhất quán, thuyết minh đầy đủ các thông tin trọng yếu trên BCTC. Thông tin, số liệu minh bạch trước khi CBTT đến các Cổ đông, Nhà đầu tư, Khách hàng và Đối tác; Không
Giám sát, duy trì và hoàn thiện hệ thống Kiểm soát nội bộ, Quản trị rủi ro.	Rà soát Văn bản lập quy hiện hành của Công ty. Giám sát hoạt động KTNB. Hiệu chỉnh chương trình kiểm toán nội bộ trong điều kiện hoạt động kinh doanh của Công ty bị thu hẹp do ảnh hưởng của rủi ro dịch bệnh, theo đó chú trọng đến việc bảo quản – duy tu – bảo dưỡng tài sản, rủi ro thất thoát tài sản – gian lận. Đánh giá tính tuân thủ, hiệu quả trong công tác thực thi hệ thống Kiểm soát nội bộ.	Mặc dù hoạt động kinh doanh bị thu hẹp, tính tuân thủ trong các tác nghiệp được đánh giá cao, theo đó các Cán bộ nhân viên tham gia tác nghiệp hàng ngày hiểu được trách nhiệm quản trị rủi ro, tăng cường các kiểm soát để nhận diện và phòng tránh rủi ro, đặc biệt là rủi ro gian lận. Đảm bảo hiệu quả và hiệu lực của hệ thống Kiểm soát nội bộ và qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị công ty.
Giám sát hoạt động Kiểm toán độc lập	Tham mưu, tư vấn lựa chọn Công ty kiểm toán với các tiêu chuẩn về trình độ, năng lực, tính độc lập, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Giám sát chất lượng kiểm toán độc lập, trao đổi với Công ty kiểm toán độc lập về kết quả thực hiện kiểm toán, soát xét BCTC.	Kiểm toán BCTC luôn đạt tính độc lập, khách quan. Nâng cao sự tin nhiệm của Cổ đông và Nhà đầu tư về uy tín và hình ảnh Công ty. Minh bạch và gia tăng độ tin cậy cho người sử dụng thông tin.
Giám sát giao dịch các Bên liên quan.	Thường xuyên rà soát giao dịch các Bên liên quan. Đánh giá, rà soát trình bày và đảm bảo CBTT đầy đủ các hoạt động liên quan đến giao dịch các Bên liên quan.	Các giao dịch luôn được thực hiện minh bạch trên cơ sở giá thị trường, tuân thủ theo quy định Pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quy định về giao dịch Bên liên quan. Đảm bảo tính công bằng trong các giao dịch, không có bất kỳ sự xung đột lợi ích và/hoặc sự thiên vị cho

Kế hoạch trọng điểm cho hoạt động của TBKT trong niên độ 2021

1. Kiểm toán nội bộ

- TBKT thay mặt HĐQT giám sát các hoạt động KTNB, đảm bảo hoạt động KTNB khách quan và tư vấn độc lập nhằm gia tăng giá trị và cải tiến hoạt động của Công ty.
- Đánh giá kết quả hoạt động của KTNB, đảm bảo hoạt động KTNB mang lại hiệu quả và nhấn mạnh đến yếu tố độc lập bằng cách xem xét các kết quả của bất kỳ cuộc kiểm toán chất lượng nào cũng như những phản hồi từ Ban Điều hành và Kiểm toán bên ngoài.
- Tăng cường đào tạo đội ngũ nhân sự, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng xử lý công việc.
- Nâng cao tính linh hoạt trong việc lập kế hoạch kiểm toán nội bộ, theo đó cần (i) chủ động điều chỉnh các chương trình kiểm toán nội bộ cho phù hợp với từng thời điểm trong tình hình rủi ro dịch bệnh Covid 19 vẫn còn diễn biến phức tạp ngày từ tháng 01/2021; (ii) chủ động cập nhật lại danh mục rủi ro.

2. Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro

- Xem xét, giám sát tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống KSNB; giám sát công tác ban hành, triển khai các Văn bản lập quy; đánh giá tính tuân thủ và tính hiệu quả của các chốt kiểm soát được cài đặt trong các quy trình, quy định nội bộ thông qua thực thi tác nghiệp.

- Xem xét, đánh giá hiệu quả của công tác Quản trị rủi ro bao gồm rủi ro Môi trường và Xã hội, An ninh mạng, Chiến lược, Chính sách kiểm soát gian lận, Kiểm soát rủi ro dịch bệnh.
- Tham mưu, tư vấn với HĐQT về hệ thống KSNB, tăng cường tính hiệu quả, giảm thiểu rủi ro, tối đa hóa lợi ích Công ty.

3. Báo cáo tài chính và Công bố thông tin

- Giám sát việc lập và trình bày BCTC phải tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.
- Thực hiện thẩm định các BCTC trước khi phát hành và CBTT.
- Giám sát, đánh giá chế độ kế toán áp dụng tại Công ty và các CTTV sau khi hoàn tất công tác M&A.
- Giám sát CBTT theo đúng quy định của pháp luật.
- Duy trì kênh thông tin hiệu quả với Kiểm toán độc lập thường xuyên, giám sát chất lượng, cập nhật kịp thời các kết quả kiểm toán BCTC để có ý kiến tham vấn kịp thời (nếu có).

4. Quản trị doanh nghiệp

- Hỗ trợ HĐQT trong việc đảm bảo hoạt động quản trị doanh nghiệp thực hiện phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Nỗ lực đáp ứng nguyên tắc Quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất.

5. Giám sát giao dịch các Bên liên quan

- Giám sát, rà soát thường xuyên giao dịch các Bên liên quan, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và giao dịch Bên liên quan.
- Đánh giá giao dịch với các Bên liên quan để xem xét liệu các giao dịch có xung đột lợi ích và/hoặc có được thực hiện trên cơ sở giá trị thị trường và khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc Cổ đông.
- Thúc đẩy hiệu chỉnh các quy định về giao dịch các Bên liên quan phù hợp với các quy định pháp luật mới ban hành trong năm 2020.

6. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc

- Duy trì mối quan hệ tích cực với Ban Tổng Giám đốc thông qua các cuộc họp, trao đổi thường xuyên.
- Đảm bảo Ban Tổng Giám đốc được cung cấp đầy đủ các thông tin từ TBKT đối với các quyết định quan trọng.
- Tăng cường đào tạo/tái đào tạo cho Cán bộ quản lý cấp trung nâng cao về nhận thức và trách nhiệm quản trị rủi ro với tư cách là những sở hữu rủi ro (mô hình 3 tuyến phòng vệ).
- Thúc đẩy xây dựng, hiệu chỉnh Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp/đạo đức kinh doanh./.

5 | BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO DOANH NGHIỆP

Tại Việt Nam, Bộ quy tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất cho các công ty đại chúng ban hành ngày 13/8/2019 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (State Securities Commission of Vietnam – SSC), khuyến nghị áp dụng quản trị rủi ro doanh nghiệp đối với các công ty đại chúng.

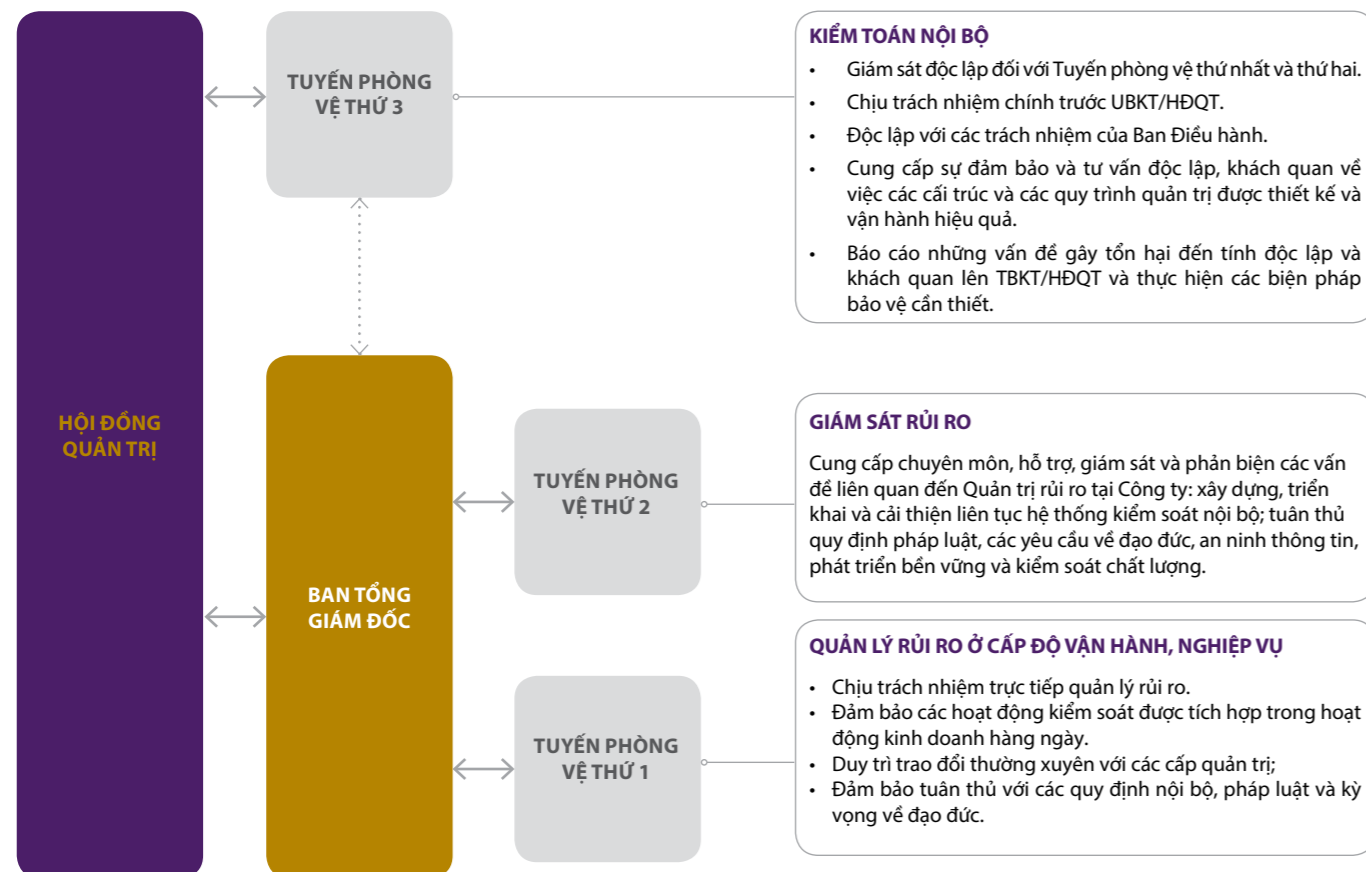
Quản trị công ty (QTCT) luôn dành được nhiều quan tâm trong suốt quá trình phát triển của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (DL TTC tourist). DL TTC đã có nhiều nỗ lực nhằm phát triển các nguyên tắc quản trị công ty lành mạnh và hiệu quả theo Bộ quy tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất, Thẻ điểm QTCT Khu vực ASEAN – ASEAN SCORECARD, Quy tắc QTCT của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD. QTCT tốt không thể thiếu một cơ chế quản trị rủi ro hiệu quả vì quản trị rủi ro là phần cơ bản trong quản trị doanh nghiệp.

Ước lượng tổng quan về mức độ trưởng thành trong quản lý rủi ro tại DL TTC, hướng tới nhận diện, đánh giá một cách có hệ thống các tác động và khả năng xảy ra rủi ro có thể ảnh hưởng đến doanh nghiệp, nhằm đảm bảo trong việc đạt được mục tiêu mà Công ty đề ra, tích hợp dẫn quản lý rủi ro doanh nghiệp theo hướng hiện đại ERM (song song với quản lý rủi ro truyền thống trước đây) với hoạt động kiểm soát nội bộ nhằm hướng tới việc doanh nghiệp giảm thiểu nguy cơ và rủi ro một cách hiệu quả hơn, đồng thời tối đa hóa cơ hội cho doanh nghiệp và hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ ngày càng hiệu quả và hữu hiệu, “quản trị rủi ro cũng đồng nghĩa với nắm bắt cơ hội!”

Hiện tại, Mô hình hoạt động Quản trị rủi ro của DL TTC vẫn đang trong quá trình định hình và nâng cấp dần về cơ cấu vận hành cũng như năng lực, nhận thức của các cấp lãnh đạo đối với công tác Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp. Mặc dù, trên thực tế tại DL TTC vẫn chưa triển khai thiết lập hệ thống Quản trị rủi ro một cách bài bản nhất như các quy chuẩn và thông lệ quốc tế, rõ nét nhất là chưa thiết lập một bộ phận chuyên trách về vận hành hệ thống Quản trị rủi ro. Nhưng, Ban lãnh đạo DL TTC luôn đề cao tầm quan trọng của công tác Quản trị rủi ro, và luôn ý thức rõ đây là một trong những công cụ đặc lực hỗ trợ khắc phục các yếu kém có thể dẫn đến các rủi ro trong Quản trị doanh nghiệp.

Từ những nhận định vừa nêu trên, Ban Lãnh đạo đã nỗ lực triển khai xây dựng, vận hành và cập nhật liên tục mô hình Quản trị rủi ro tiệm cận với thông lệ quốc tế theo mô hình 3 tuyến phòng vệ (theo sơ đồ vận hành bên dưới). Theo đó, Mỗi tuyến phòng vệ sẽ có các vai trò, chức năng, nhiệm vụ riêng biệt, nhưng sau cùng tất cả đều cùng hỗ trợ lẫn nhau để hướng đến việc đạt được mục tiêu của doanh nghiệp trên cơ sở phối hợp, hợp tác, giao tiếp một cách thường xuyên, chặt chẽ và hiệu quả.

SƠ ĐỒ VẬN HÀNH 3 TUYẾN PHÒNG VỆ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG



5.1 | HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2020

Trong niên độ 2020, liên quan đến hoạt động Quản trị rủi ro; Ban Lãnh đạo DL TTC đã triển khai các chương trình và chính sách quan trọng sau:

5.1.1 | NHẬN THỨC QUẢN TRỊ RỦI RO:

Hội đồng quản trị và Quản lý cấp cao ủng hộ và hiểu biết về mục tiêu của hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp.

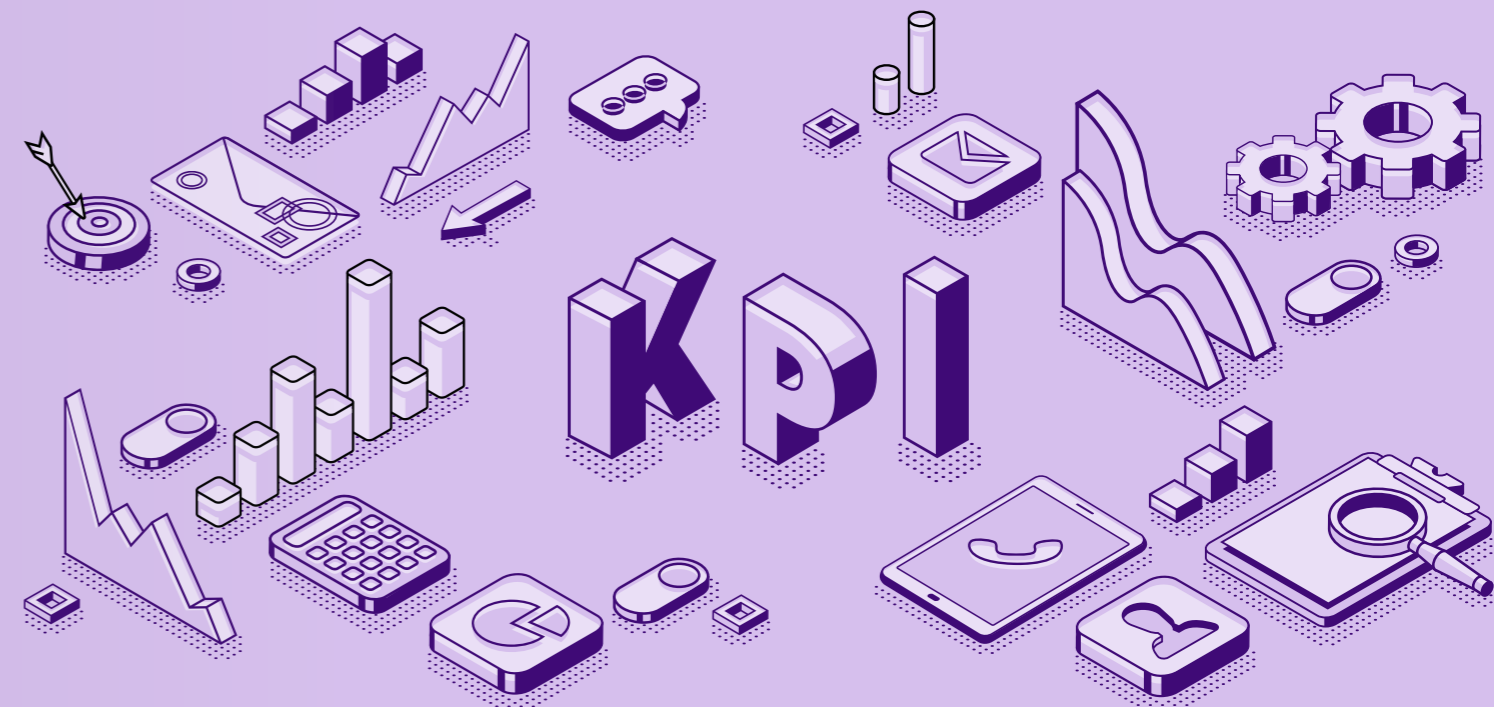
5.1.2 | KHẢO SÁT, XÂY DỰNG, CẬP NHẬT CÁC RỦI RO MỚI CÓ THỂ PHÁT SINH LÀM TỔN HẠI ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế ngày càng sâu rộng, các doanh nghiệp không chỉ cạnh tranh ở thị trường trong nước mà còn cạnh tranh trên phạm vi toàn cầu, đồng thời phải đối mặt với các khó khăn chung như: rủi ro luật lệ, tuân thủ luật lệ, lạm phát/suy thoái, rủi ro thay đổi khí hậu, rủi ro đối thủ cạnh tranh mới, rủi ro thay đổi công nghệ, rủi ro danh tiếng do áp lực cạnh tranh..., quản trị rủi ro cũng như mối quan hệ giữa quản trị rủi ro với hệ thống kiểm soát nội bộ và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp ngày càng được chú trọng. Quản trị rủi ro tốt đồng nghĩa với việc doanh nghiệp kiểm soát tốt các tác động và khả năng xảy ra của các rủi ro, ít bị ảnh hưởng bởi các tác động không lường trước và có khả năng triển khai các giải pháp ứng phó kịp thời, hạn chế thấp nhất thiệt hại do rủi ro gây ra, đồng thời cũng biến các thách thức thành cơ hội để đưa doanh nghiệp tiến về phía trước.

Năm 2020, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng chịu sự tác động tiêu cực từ đại dịch COVID-19, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong ngành Dịch vụ, Du lịch. DL TTC đã phải cắt giảm hoạt động, tạm đóng cửa kinh doanh một số khách sạn, địa điểm kinh doanh, điều chỉnh định hướng kinh doanh, đồng thời nghiên cứu bổ sung thêm 1 số mảng kinh doanh mới để duy trì hoạt động trong giai đoạn khó khăn,...

Do vậy, Ban Lãnh đạo đã chủ động, kịp thời xác định các yếu tố rủi ro mới để đề ra những giải pháp, chốt kiểm soát phù hợp, các rủi ro mới được cập nhật theo dõi có thể kể đến như:

- Rủi ro bùng phát dịch bệnh tại các địa điểm kinh doanh, văn phòng công ty;
- Rủi ro thiếu hụt nhân sự khi các Đơn vị kinh doanh vận hành trở lại;
- Rủi ro về việc thất thoát tài sản, công nợ của nhân viên nghỉ việc do công tác quản lý thôi việc, bàn giao không chặt chẽ;
- Rủi ro về tranh chấp, khiếu nại của cán bộ nhân viên bị cắt giảm định biên do dịch;
- Rủi ro tài sản, vệ sinh cảnh quan xuống cấp, không được duy trì, bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ;
- Rủi ro về công tác an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy trong giai đoạn thấp điểm, tạm đóng cửa;
- Rủi ro phát sinh các khoản công nợ phải thu khó đòi, không đòi được;
- Rủi ro về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm không đảm bảo đối với các mảng kinh doanh mới;
- Rủi ro về cạnh tranh không lành mạnh, phá giá dịch vụ làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Rủi ro về gian lận, chiếm dụng tiến công nợ thu hồi, ứng trước của khách hàng, chiếm dụng quỹ tiền mặt của công ty;



5.2 | KHOANH VÙNG CÁC NHÓM RỦI RO ĐÃ ĐƯỢC LIỆT KÊ ĐỂ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG PHÁT SINH TỪ ĐÓ ƯU TIÊN TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ NGĂN NGỪA

NHÓM RỦI RO	YẾU TỐ RỦI RO	MÔ TẢ ẢNH HƯỞNG CÓ THỂ XẢY RA	BIỆN PHÁP NGĂN NGỪA, GIẢM THIỂU
RỦI RO VỀ HOẠT ĐỘNG	Bùng phát dịch bệnh tại các địa điểm kinh doanh, văn phòng công ty	Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, việc phát sinh các ca lây nhiễm, tiếp xúc gần với bệnh nhân Covid sẽ dẫn đến việc cách ly tập thể, đóng cửa địa điểm kinh doanh gây thiệt hại lớn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.	<ul style="list-style-type: none"> Yêu cầu nhân viên hạn chế di chuyển, đi lại giữa các tỉnh; di chuyển từ vùng dịch, nước ngoài về phải thực hiện các biện pháp hạn chế, cách ly như quy định của nhà nước; Tổ chức phát khẩu trang cho nhân viên, mua cồn sát khuẩn bố trí tại các địa điểm kinh doanh; đeo khẩu trang tại khu vực làm việc, khi tiếp xúc với khách hàng, đồng nghiệp, Khai báo y tế đầy đủ,...
	Đóng cửa dài hạn nhiều Đơn vị kinh doanh, cắt giảm số lượng lớn cán bộ nhân viên	Tình hình kinh tế ảm đạm, nhu cầu đi Du lịch của khách hàng được xem là nhu cầu không thiết yếu, nên tình hình hoạt động của các Đơn vị kinh doanh dịch vụ khách sạn, lữ hành có thể sẽ gặp khó khăn trong nhiều năm tiếp theo kể từ khi thế giới có Vaccine và thuốc điều trị. Nếu kịch bản này xảy ra sẽ dẫn đến việc khó khăn trong duy trì hoạt động các địa điểm kinh doanh, thu nhập của người lao động, việc cắt giảm lao động sẽ làm ảnh hưởng tâm lý của những lao động còn lại.	<ul style="list-style-type: none"> Phát triển thêm các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh mới tập trung khai thác nguồn khách hàng tiềm năng trong nước để tạo thêm việc làm cho người lao động, tạo thêm dòng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh; Chủ động tạm ngưng kinh doanh, đóng cửa như TTC Angkor, TTC Hội An,.. cho thuê các địa điểm kinh doanh không hiệu quả như TTC Tân Bình.
	Thiếu hụt nhân sự khi các Đơn vị kinh doanh vận hành trở lại	Việc cắt giảm số lượng lớn nhân sự do sụt giảm công suất, doanh thu cộng với đó là khối lượng công việc gia tăng cho các nhân sự còn lại sẽ làm ảnh hưởng đến tính ổn định của nhân sự hiện hữu. Rủi ro phát sinh khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát, hoạt động kinh doanh được tái khởi động thì sẽ khó khăn trong khâu tuyển dụng, sắp xếp, đào tạo số lượng lớn nhân sự trong một thời gian ngắn do không có nguồn nhân sự kinh nghiệm để dự phòng.	<ul style="list-style-type: none"> Ưu tiên giữ lại những nhân sự đã gắn bó nhiều năm, có kinh nghiệm và hiểu rõ văn hóa TTC hoặc những nhân sự là các cấp quản lý để có nguồn lực giúp đào tạo, ổn định các nhân sự tuyển mới sau này; Động viên kịp thời những nhân sự được giữ lại để hiểu và đồng hành cùng với Công ty trong giai đoạn khó khăn; thực hiện các biện pháp thỏa thuận với người lao động nghỉ không lương, cắt giảm ngày công lao động để hạn chế tối đa số nhân sự bị cắt giảm. Lưu thông tin liên hệ của nhân sự nghỉ việc để ưu tiên tuyển dụng trở lại khi các Đơn vị hoạt động trở lại.
	Phát sinh các khoản công nợ phải thu khó đòi, không đòi được	Tiền được xem như là dòng máu lưu thông của doanh nghiệp, với tình hình kinh tế khó khăn, tất cả các doanh nghiệp du lịch, lữ hành đều bị ảnh hưởng nặng nề, nguy cơ tạm ngưng kinh doanh, phá sản là hiện hữu do đó việc kiểm soát dòng tiền, kiểm soát các khoản công nợ phải thu trong giai đoạn này là yếu tố sống còn của mỗi doanh nghiệp, để giúp công ty gia tăng dòng tiền lưu thông, giảm nguy cơ nợ xấu làm tăng chi phí xử lý công nợ,...	<ul style="list-style-type: none"> Rà soát, điều chỉnh lại chính sách bán hàng trả chậm như: giảm hạn mức được nợ, giảm thời gian nợ, cân nhắc lịch sử thanh toán để cho phép các đối tượng khách hàng được nợ, ưu tiên việc bán hàng thu tiền ngay; Không tiếp tục cho nợ đối với khách hàng chưa thanh toán công nợ cũ; Liên tục đôn đốc nhân viên kinh doanh thu hồi công nợ hàng ngày, tạm giữ các khoản phụ cấp trách nhiệm hàng tháng nếu chưa thu hồi được công nợ; thực hiện các thủ tục tính lãi trả chậm, thua kiện đối với khách hàng chây ì không thanh toán công nợ quá hạn;...
	Gian lận, chiếm dụng tiền công nợ thu hồi, ứng trước của khách hàng, chiếm dụng quỹ tiền mặt của công ty	Kinh tế khó khăn và sự lơ là trong việc quản lý trong thời điểm này là cơ hội tốt để những nhân sự tha hóa, biến chất lợi dụng để chiếm đoạt, chiếm dụng tiền của khách hàng và Công ty gây tổn thất tài sản và tổn hại đến uy tín của Công ty.	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường kiểm tra, thiết lập các chốt kiểm soát trong việc thu tiền cọc, tạm ứng của khách hàng và nộp về lại phòng Kế toán. Tổ chức kiểm tra tồn quỹ đột xuất, đối chiếu công nợ phải thu định kỳ với khách hàng. Các trường hợp vi phạm phải xử lý kỷ luật nghiêm và công khai để làm gương cho các nhân sự khác.
	Thiếu hụt dòng tiền phục vụ cho hoạt động kinh doanh	Nguồn thu giảm sút, trong khi các khoản chi định kỳ như chi lương, mua nguyên vật liệu, chi trả lãi vay, nợ vay đến hạn,... vẫn phải được thực hiện đầy đủ và đúng kỳ sẽ khiến cho gánh nặng dòng tiền của doanh nghiệp thêm tăng và dẫn đến rủi ro mất thanh khoản.	<ul style="list-style-type: none"> Ban điều hành tổ chức đánh giá, trình hồ sơ thanh toán các tài sản, bắt động sản không phục vụ cho chiến lược kinh doanh của Công ty để tăng thêm nguồn thu trong giai đoạn này; Tổ chức rà soát tổng thể, rà soát báo cáo quản trị hàng tháng để cắt giảm, siết chặt các khoản chi chưa cần thiết, các khoản chi gây lãng phí của các Đơn vị để tiết giảm chi phí vận hành; Phát triển các sản phẩm kinh doanh mới như: Bánh mì, xôi, bánh trung thu, bánh chưng, bánh kem,... để đa dạng hóa nguồn thu, tạo việc làm và tăng tính thanh khoản, lan tỏa thương hiệu trong mùa dịch.

5.2 | KHOANH VÙNG CÁC NHÓM RỦI RO ĐÃ ĐƯỢC LIỆT KÊ ĐỂ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG PHÁT SINH TỪ ĐÓ ƯU TIÊN TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ NGĂN NGỪA (TIẾP THEO)

NHÓM RỦI RO	YẾU TỐ RỦI RO	MÔ TẢ ẢNH HƯỞNG CÓ THỂ XẢY RA	BIỆN PHÁP NGĂN NGỪA, GIẢM THIỂU
RỦI RO VỀ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)	Hàng hóa, nguyên vật liệu tồn kho số lượng lớn, hết date, hư hỏng	Dịch bệnh bất ngờ khiến lượng hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ kinh doanh của các Đơn vị tồn kho số lượng lớn dẫn đến nguy cơ hàng hóa hết date, hư hỏng do không có khách hàng.	<ul style="list-style-type: none"> • Thống kê lại lượng hàng tồn kho, ước tính nhu cầu trong thời gian thấp điểm để tạm ngưng nhập thêm hàng hoặc nhập thêm với số lượng đủ dùng, không để/hạn chế tồn kho, đặc biệt là các mặt hàng có giá trị lớn, khó tiêu thụ. • Thiết lập kênh liên lạc, thông tin giữa các Đơn vị trong cùng Khu vực và giữa các Khu vực và Tổng công ty để điều tiết, luân chuyển, thanh lý kịp thời hàng hóa giữa các Đơn vị còn tồn kho và các Đơn vị có nhu cầu. • Tổ chức trình thanh lý cho CBNV có nhu cầu hoặc thanh lý ra bên ngoài những mặt hàng cận date; tiêu hủy các mặt hàng hết date, hư hỏng, không được lưu kho.
RỦI RO THỊ TRƯỜNG	Cạnh tranh không lành mạnh, phá giá dịch vụ làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty	Tình hình kinh doanh khó khăn, thị trường nhà hàng, khách sạn ở trong tình trạng cung vượt cầu, sẽ dẫn đến rủi ro các đối thủ kinh doanh trong địa bàn sẽ bán phá giá để cạnh tranh, làm hỗn loạn thị trường gây thiệt hại nhiều mặt cho Công ty.	<ul style="list-style-type: none"> • Yếu tố tiên quyết trong việc cạnh tranh là phải giữ ổn định chất lượng dịch vụ, chất lượng cơ sở vật chất. từ đó tạo ra một phân khúc khách hàng riêng, khách hàng trung thành với Đơn vị. • Giảm giá bán sản phẩm dịch vụ nhưng phải đảm bảo cân đối được lợi nhuận, tính tới hao mòn tài sản, tránh việc chạy theo cuộc đua giảm giá làm ảnh hưởng đến tài sản, thương hiệu, hiệu quả kinh doanh của Công ty. • Chạy các chương trình khuyến mãi kết hợp với các Đơn vị khác của TTC trong khu vực và trong toàn ngành như: tặng voucher BBQ, Massage, tặng vé tham quan các KDL,...
RỦI RO VỀ THƯƠNG HIỆU	Tranh chấp, khiếu nại của cán bộ nhân viên bị cắt giảm định biên do dịch bệnh Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm không đảm bảo đối với các mảng kinh doanh mới	Việc cắt giảm cùng lúc số lượng lớn nhân sự có thể gây quá tải cho nhân viên phục vụ công tác nhân sự, dẫn đến các thiếu sót trong quá trình thực hiện các thủ tục thôi việc dẫn đến các tranh chấp, khiếu nại không đáng có gây ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu của Công ty. Việc triển khai nhanh các sản phẩm kinh doanh mới thuộc lĩnh vực F&B trong giai đoạn này có thể tồn tại các rủi ro về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm chưa được chuẩn hóa, đồng nhất sẽ vô tình làm phản tác dụng vừa làm giảm hiệu quả kinh doanh vừa làm xấu đi hình ảnh, uy tín của công ty trong thời gian khó khăn này.	<ul style="list-style-type: none"> • Chỉ đạo sát sao việc thực hiện các thủ tục thanh lý, thanh toán đầy đủ các khoản phúc lợi, ngày phép còn tồn, phụ cấp, trợ cấp mất việc cho người lao động. • Các khoản chi được chi phải được cấp thẩm quyền phê duyệt, chi đúng đối tượng thụ hưởng, các trường hợp nhận thay phải có ủy quyền và phải được ký xác nhận, ghi rõ họ tên người nhận. • Nguyên vật liệu đầu vào phải được nhập từ NCC đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có nguồn gốc rõ ràng; • Công tác bảo quản nguyên vật liệu sơ chế, thành phẩm phải đảm bảo đúng điều kiện về thời gian, nhiệt độ. • Thành phẩm phải được sản xuất thử nhiều lần, phải có tiêu chuẩn rõ ràng về ngoại hình, mùi vị, chất lượng, chỉ bán các thành phẩm đáp ứng đủ tiêu chuẩn đã xây dựng. Sản phẩm hư hỏng, không đáp ứng tiêu chuẩn phải được lập biên bản tiêu hủy.
RỦI RO TUÂN THỦ	Thất thoát tài sản, công nợ của nhân viên nghỉ việc do công tác quản lý thôi việc, bàn giao không chặt chẽ Tài sản xuống cấp, vệ sinh cảnh quan, công tác an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy không được duy trì, bảo dưỡng thường xuyên/ định kỳ trong giai đoạn thấp điểm, tạm đóng cửa	Việc cắt giảm cùng lúc số lượng lớn nhân sự có thể gây quá tải cho nhân viên phục vụ công tác nhân sự, dẫn đến các thiếu sót trong quá trình thực hiện các thủ tục thôi việc dẫn đến rủi ro công tác bàn giao tài sản, thanh toán công nợ chưa được thực hiện đầy đủ, gây thất thoát cho Công ty. Việc cắt giảm nhân sự hoặc tạm thời đóng cửa các địa điểm kinh doanh sẽ tạo nên tâm lý chủ quan, lơ là cho các cấp quản lý của các Đơn vị trong việc duy trì liên tục công tác duy tu-bảo dưỡng, chăm sóc cảnh quan, khiến cho cơ sở vật chất sẽ xuống cấp nhanh sau thời gian dịch bệnh và tồn kém chi phí đầu tư cho việc đưa vào vận hành trở lại.	<ul style="list-style-type: none"> • Chỉ đạo bộ phận phụ trách nhân sự phải chủ động phối hợp, tương tác với các phòng ban liên quan như: quản lý tài sản, kế toán công nợ, hành chính,... để giữ lại các khoản thu nhập, phúc lợi còn phải trả của người lao động để hoàn tất đầy đủ các nghĩa vụ của người lao động trước khi thanh lý hợp đồng lao động. • Chỉ đạo, đôn đốc, giám sát, kiểm tra thường xuyên công tác bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị: hệ thống máy lạnh, máy phát điện, hệ thống báo cháy, xe điện...; chăm sóc cảnh quan, cây xanh. • Kiểm tra, vệ sinh, hút mùi thường xuyên các sảnh tiệc, phòng khách sạn để tránh ẩm mốc, côn trùng, chuột phá hoại,... • Tổ chức kiểm tra thường xuyên công tác phòng cháy chữa cháy, phân công các chốt bảo vệ, phân công tuần tra 24/24 đảm bảo an ninh trật tự.

5.3 | RÀ SOÁT, CẬP NHẬT HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ: BAN LÃNH ĐẠO DL TTC LUÔN CẦU THỊ VÀ CHỦ ĐỘNG TƯƠNG TÁC, TIẾP NHẬN CÁC THÔNG TIN GÓP Ý, ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ CỦA CÔNG TY TỪ CÁC KÊNH THÔNG TIN:

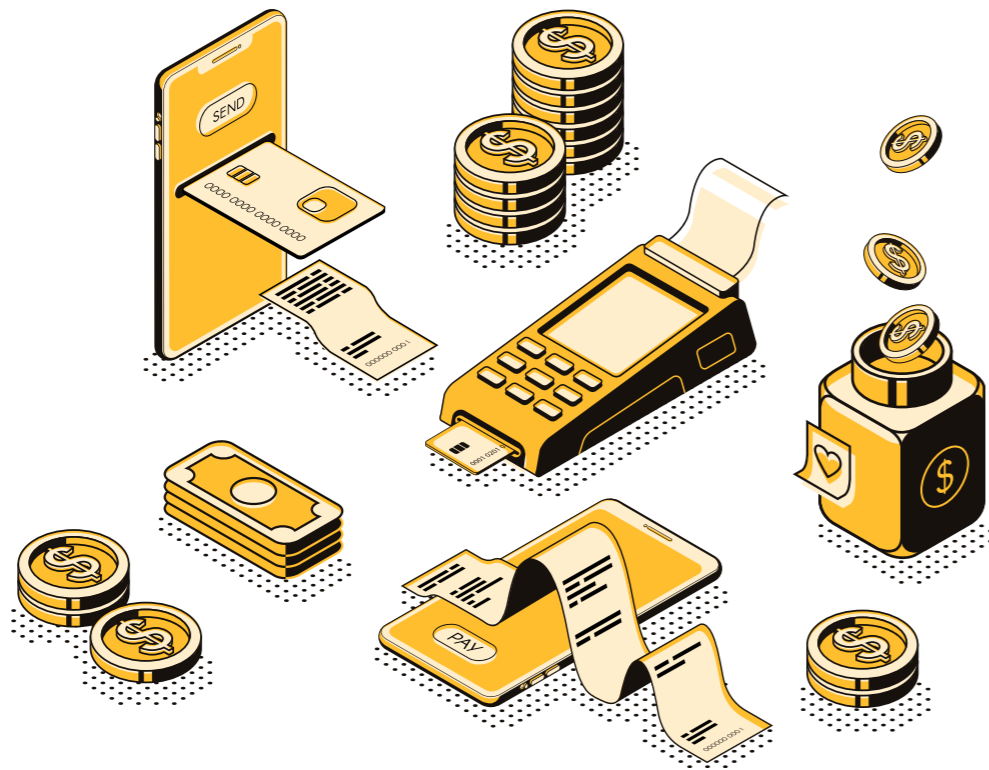
- Tiểu Ban kiểm toán/Phòng Kiểm toán nội bộ thông qua kết quả ghi nhận của các đợt kiểm tra;
- Các Đơn vị trực tiếp xây dựng, vận hành hệ thống văn bản lập quy: thông qua thực tế vận hành và các đợt rà soát định kỳ;
- Các đợt cập nhật chính sách pháp luật mới của Phòng Pháp chế.

Trên cơ sở đó, kịp thời xem xét, chỉ đạo các Phòng/Ban/Bộ phận liên quan rà soát để điều chỉnh, cập nhật, hoàn thiện các chốt kiểm soát của hệ thống các chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Công ty.

5.4 | GIÁM SÁT RỦI RO:

Hiện tại, mỗi Phòng/Ban/Bộ phận chuyên môn của DL TTC được xem là một kênh giám sát rủi ro hoạt động của lĩnh vực, chuyên môn được giao phụ trách, các Đơn vị này có trách nhiệm quản lý, theo dõi, báo cáo việc thực thi các chính sách/quy định của nhân viên, bộ phận của Công ty và các Đơn vị trực thuộc:

- Khung Quản trị rủi ro của từng lĩnh vực hoạt động được cập nhật và kiểm soát thường xuyên, đảm bảo giảm thiểu được các rủi ro phát sinh trong quá trình vận hành;
- Nghiên cứu xây dựng thước đo rủi ro để tham mưu cho Hội đồng quản trị;
- **Hệ thống văn bản lập quy:** được rà soát và cập nhật liên tục nhằm đảm bảo luôn phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan; phù hợp với thực tế vận hành; đảm bảo tính hiệu lực và tính chặt chẽ của văn bản;
- **Đảm bảo tính tuân thủ:** các quy trình, quy định được nhân viên/các Đơn vị được thực thi một cách đầy đủ và nghiêm túc;
- Báo cáo kịp thời thời cho Ban Lãnh đạo các rủi ro ghi nhận, các chốt kiểm soát chưa chặt chẽ để hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty.



5.5 | HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ:

Kiểm toán nội bộ là tuyến phòng vệ thứ ba; hoạt động kiểm toán nội bộ được vận hành độc lập dưới sự chỉ đạo, giám sát trực tiếp của Tiểu ban Kiểm toán thông qua phòng Kiểm toán nội bộ của Công ty. Hoạt động Kiểm toán nội bộ cung cấp một sự đảm bảo độc lập và khách quan đối với sự phù hợp và hiệu quả của các tuyến phòng vệ thứ nhất và thứ hai, thông qua cách tiếp cận và quy trình chuyên nghiệp có hệ thống và nguyên tắc, có đủ năng lực chuyên môn và sự thấu hiểu tổ chức.

Trong năm 2020, công tác Kiểm toán nội bộ đã được triển khai một cách linh động, thực hiện theo định hướng rủi ro, tập trung vào các nhóm vấn đề trọng tâm, mang tính trọng yếu của ngành Du lịch, đặc biệt là các vấn đề phát sinh liên quan xu hướng kiểm soát dịch bệnh trong nước và trên thế giới. Cùng với đó là công tác đánh giá, giám sát tính tuân thủ của các Đơn vị cũng như tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.

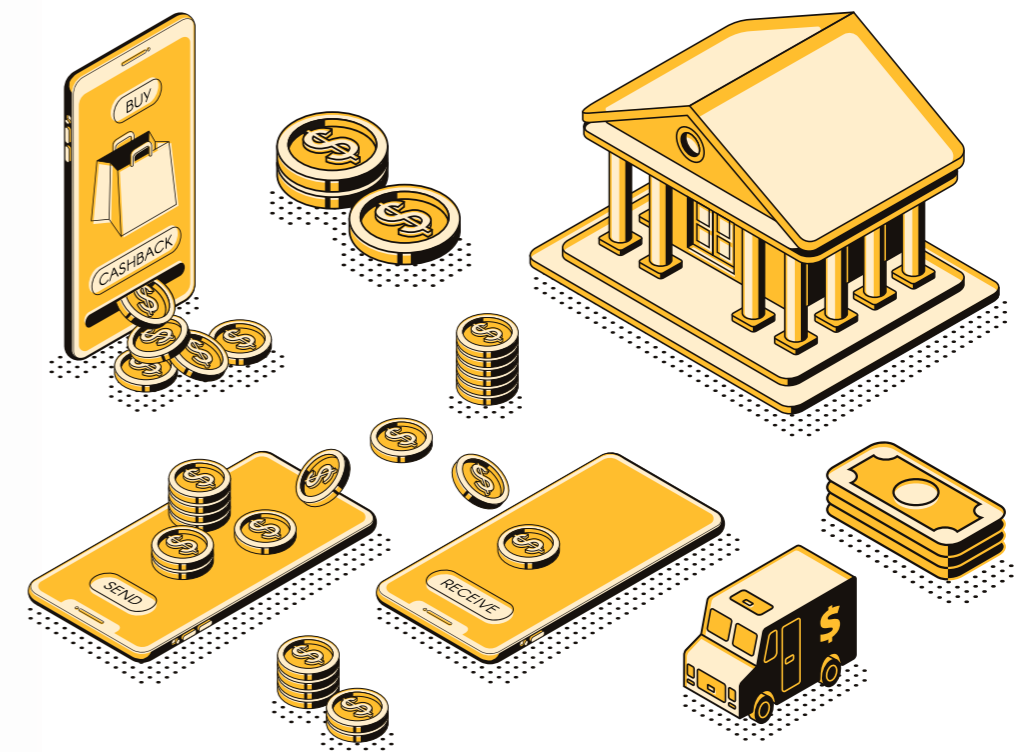
5.6 | ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2021

Hoạt động Quản trị rủi ro của Công ty được thiết lập và vận hành để luôn hướng đến các mục tiêu giúp Ban Lãnh đạo nhận dạng, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những tổn thất, mất mát, những ảnh hưởng bất lợi của rủi ro đến chiến lược, kế hoạch, hiệu quả hoạt động của Công ty, đồng thời tìm các giải pháp để hoá chuyển những rủi ro này thành những cơ hội thành công.

Để hoàn thiện hơn công tác Quản trị rủi ro trong năm 2021 và hướng đến Chiến lược 2021 – 2025 của Công ty; trên cơ sở khung Quản trị rủi ro đã thiết lập và cập nhật của năm 2020, Công ty tiếp tục triển khai các chiến lược hoạt động khác như:

- Nâng cao và hoàn thiện hệ thống Quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế, thiết lập bộ phận chuyên trách về công tác Quản trị rủi ro với mục tiêu là trở thành một phần quan trọng trong việc xây dựng kế hoạch, củng cố các chính sách và quy trình Quản trị rủi ro, Quản trị doanh nghiệp.
- Thường xuyên theo dõi sát sao tình hình, diễn biến dịch bệnh trong nước và trên thế giới để kịp thời định hướng, khoanh vùng các yếu tố rủi ro tiềm ẩn, chủ động trong công tác phòng ngừa, hạn chế, giảm thiểu thiệt hại do các yếu tố rủi ro mang tính bất ngờ gây ra.
- Trên cơ sở khung Quản trị rủi ro hiện hữu, tổ chức rà soát và cập nhật liên tục các yếu tố rủi ro trong hoạt động của ngành cũng như đưa ra các phương án kiểm soát phù hợp theo khẩu vị rủi ro của HĐQT, Ban điều hành.

Và để đạt được hiệu quả tối đa trong việc vận hành hệ thống Quản trị rủi ro thì ngoài sự ủng hộ và hỗ trợ từ Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo Công ty luôn yêu cầu và đề cao: sự hợp tác, phối hợp chặt chẽ, xuyên suốt giữa các Phòng/Ban/Đơn vị; thông tin truyền tải một cách minh bạch, nhất quán; tính tuân thủ được thực thi nghiêm túc; đề cao tính trung thực, khách quan của Ban Lãnh đạo, Cán bộ nhân viên toàn Công ty; phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể để tránh chồng lấn nhiệm vụ hay đùn đẩy trách nhiệm./.



6 | THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

6.1 | TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công được niêm yết trên thị trường chứng khoán của Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Việt Nam với Mã chứng khoán "VNG".

Theo Danh sách Cổ đông tại ngày 31/3/2020

- Vốn Điều lệ Công ty: 972.766.080.000 đồng
- Số lượng cổ phần niêm yết: 97.276.608 cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 97.276.608 cổ phần
- Loại cổ phần: phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
- Cơ cấu cổ đông:

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (SL CỔ ĐÔNG)	
					TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
1	Cổ đông Nhà nước	0	0%	0	0	0
2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	37.542.835	38,59%	2	2	0
	Trong nước	37.542.835	38,59%	2	2	0
	Nước ngoài	0	0%	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	0	0%	0	0	0
4	Cổ đông khác	59.733.733	61,41%	1.011	18	993
	Trong nước	59.579.090	61,25%	972	9	963
	Nước ngoài	154.683	0,16%	39	9	30
TỔNG CỘNG		97.276.608	100%	1013	20	993
	Trong nước	97.121.925	99,84%	974	11	963
	Nước ngoài	154.683	0,16%	39	9	30

6.2 | THÔNG TIN CỔ ĐÔNG LỚN

CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
CÔNG TY CỔ PHẦN KCN THÀNH THÀNH CÔNG	8.010.410	8,23%
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THÀNH THÀNH CÔNG	29.532.425	30,36%

6.3 | CƠ CẤU CỔ PHẦN THEO ĐIỀU KIỆN CHUYỂN NHƯỢNG:

6.3.1 | SỐ LIỆU TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2020:

STT	LOẠI CỔ PHẦN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ TRÊN VDL (%)	THỜI GIAN HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG
1	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng, trong đó:	4.610.000	4,74%	
	Cổ phần trong đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2019	4.610.000	4,74%	03/01/2020 – 04/01/2021
2	Cổ phần tự do chuyển nhượng	92.666.608	95,26%	

6.3.2 | SỐ LIỆU TÍNH ĐẾN NGÀY 31/01/2021:

STT	LOẠI CỔ PHẦN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ TRÊN VDL (%)	THỜI GIAN HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG
1	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0	0%	
2	Cổ phần tự do chuyển nhượng	97.276.608	100%	

05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	98
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	99

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	146
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	147



THÔNG TIN CHUNG CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNĐKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc của HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các Công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động; dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; tổ chức sự kiện; đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch, kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông NGUYỄN THẾ VINH	Chủ tịch	
Bà PHAN THỊ HỒNG VÂN	Phó Chủ tịch thường trực	bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2020
Bà NGUYỄN THÁI HÀ	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2020
Ông ĐẶNG HUỲNH ANH TUẤN	Thành viên	
Ông HOÀNG MẠNH TIẾN	Thành viên	
Ông VŨ VIẾT BÀN	Thành viên	
Ông ĐỖ HUY HIỆP	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà TRẦN VÕ HIẾU THUẬN	Quyền Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 11 năm 2020
Bà PHAN THỊ HỒNG VÂN	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 2 tháng 11 năm 2020
Ông NGUYỄN VŨ HOÀNG AN	Phó Tổng Giám đốc	
Ông PHAN MINH TRÍ	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2021
Bà LÊ THỤY NHÃ UYÊN	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2020
Bà NGUYỄN THỊ HUỆ TRINH	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 18 tháng 2 năm 2020

TIỂU BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiểu ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông HOÀNG MẠNH TIẾN	Trưởng ban
Ông VŨ VIẾT BÀN	Thành viên
Ông ĐỖ HUY HIỆP	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thế Vinh.

Bà Trần Võ Hiếu Thuận được Ông Nguyễn Thế Vinh ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định số 19/2020/QĐ-HĐQT ngày 21 tháng 11 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính của Nhóm Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Ngày 31 tháng 12
năm 2021

Thay mặt Ban Tổng
Giám đốc:

TRẦN VÕ HIẾU THUẬN
Quyển Tổng Giám đốc

Số tham chiếu: 61454124/22004698/FN-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 61, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Thành phố Hồ Chí
Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3
năm 2021

LÊ VŨ TRƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

ĐẶNG MINH TÀI
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2815-2019-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
100	A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	587.287.319.698	354.752.701.070
110	I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	105.143.522.099	68.890.553.650
111	1.	Tiền	105.143.522.099	38.637.947.650
112	2.	Các khoản tương đương tiền	-	30.252.606.000
120	II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	293.515	454.871.316
121	1.	Chứng khoán kinh doanh	293.515	293.515
123	2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	454.577.801
130	III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	453.594.999.393	248.423.178.580
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	54.598.848.539	51.329.904.876
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	92.395.825.797	53.553.812.666
135	3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	97.688.400.000	74.600.000.000
136	4.	Phải thu ngắn hạn khác	212.821.398.772	72.742.377.931
137	5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.929.556.423)	(3.821.676.386)
139	6.	Tài sản thiếu chờ xử lý	20.082.708	18.759.493
140	IV.	Hàng tồn kho	8.298.144.689	12.667.821.280
141	1.	Hàng tồn kho	8.543.231.067	12.667.821.280
149	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(245.086.378)	-
150	V.	Tài sản ngắn hạn khác	20.250.360.002	24.316.276.244
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	2.116.116.219	6.288.536.530
152	2.	Thuế GTGT được khấu trừ	15.502.709.407	15.365.166.877
153	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	2.631.534.376	2.662.572.837
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.577.515.987.593	1.787.163.400.691
210	I.	Các khoản phải thu dài hạn	54.736.996.755	44.074.864.288
215	1.	Phải thu về cho vay dài hạn	49.200.000.000	37.595.000.000
216	2.	Phải thu dài hạn khác	5.536.996.755	6.479.864.288
220	II.	Tài sản cố định	993.722.373.786	1.221.784.749.190
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	764.936.607.892	984.740.986.769
222		Nguyên giá	1.186.769.710.533	1.513.152.125.305
223		Giá trị khấu hao lũy kế	(421.833.102.641)	(528.411.138.536)
224	2.	Tài sản cố định thuê tài chính	4.405.500.008	4.895.000.000
225		Nguyên giá	4.895.000.000	4.895.000.000
226		Giá trị hao mòn lũy kế	(489.499.992)	-
227	3.	Tài sản cố định vô hình	224.380.265.886	232.148.762.421
228		Nguyên giá	250.978.174.940	253.152.114.063
229		Giá trị hao mòn lũy kế	(26.597.909.054)	(21.003.351.642)
230	III.	Bất động sản đầu tư	40.290.842.042	19.739.740.156
231	1.	Nguyên giá	76.239.127.101	33.864.953.550
232	2.	Giá trị khấu hao lũy kế	(35.948.285.059)	(14.125.213.394)
240	IV.	Tài sản dở dang dài hạn	260.936.305.542	268.111.345.576
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	260.936.305.542	268.111.345.576
250	V.	Đầu tư tài chính dài hạn	155.963.276.863	85.730.203.402
252	1.	Đầu tư vào công ty liên kết	89.379.737.772	19.123.754.311
253	2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	66.583.539.091	66.606.449.091

260	VI.	Tài sản dài hạn khác		71.866.192.605	147.722.498.079
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	11	49.328.046.325	86.173.927.749
262	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	3.008.218.507	2.694.919.795
269	3.	Lợi thế thương mại	19	19.529.927.773	58.853.650.535
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.164.803.307.291	2.141.916.101.761
300	C.	NỢ PHẢI TRẢ		1.015.052.044.658	1.085.543.985.790
310	I.	Nợ ngắn hạn		454.647.359.361	544.633.538.114
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	20	41.219.398.470	80.380.609.041
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	20.015.270.070	24.268.713.996
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	7.063.932.923	12.569.706.171
314	4.	Phải trả người lao động		7.398.275.774	5.227.074.210
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	23	22.889.090.185	4.140.030.703
318	6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	24	1.254.025.085	3.343.595.238
319	7.	Phải trả ngắn hạn khác	25	24.091.416.026	86.134.963.491
320	8.	Vay ngắn hạn và nợ thuê tài chính ngắn hạn	26	328.521.134.403	316.816.998.516
322	9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.194.816.425	11.751.846.748
330	II.	Nợ dài hạn		560.404.685.297	540.910.447.676
336	1.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	24	13.117.756.416	14.003.192.850
337	2.	Phải trả dài hạn khác	25	7.532.200.000	3.432.770.000
338	3.	Vay dài hạn và nợ thuê tài chính dài hạn	26	509.922.292.019	491.711.574.707
341	4.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	29.832.436.862	31.762.910.119
400	D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.149.751.262.633	1.056.372.115.971
410	I.	Vốn chủ sở hữu		1.149.751.262.633	1.056.372.115.971
411	1.	Vốn cổ phần	27.1	972.766.080.000	926.666.080.000
411a		• Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		972.766.080.000	926.666.080.000
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần	27.1	106.459.866.414	91.224.060.536
414	3.	Vốn khác của chủ sở hữu	27.1	27.567.770.000	58.076.575.878
417	4.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.1	48.820.178	59.717.448
418	5.	Quỹ đầu tư phát triển	27.1	6.749.515.451	6.749.515.451
420	6.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	27.1	1.367.003.263	1.367.003.263
421	7.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	27.1	2.807.090.284	(45.213.824.289)
421a		• Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(16.971.961.623)	(29.291.903.710)
421b		• Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay (lỗ năm nay)		19.779.051.907	(15.921.920.579)
429	8.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27.5	31.985.117.043	17.442.987.684
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.164.803.307.291	2.141.916.101.761

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG
Người lập biểu

BÙI TẤN KHẢI
Kế toán trưởng

TRẦN VÕ HIẾU THUẬN
Quyền Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		460.529.205.117	914.823.245.612
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		(8.587.143)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	460.520.617.974	914.823.245.612
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(351.557.562.982)	(662.029.098.368)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		108.963.054.992	252.794.147.244
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	106.173.679.389	36.320.801.024
22	7. Chi phí tài chính	30	(64.785.756.096)	(47.500.937.005)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(63.280.058.774)</i>	<i>(54.358.649.479)</i>
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	18.1	(3.775.761.210)	(1.975.259.794)
25	9. Chi phí bán hàng	31	(19.920.296.073)	(45.840.204.599)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(105.385.390.952)	(147.460.843.755)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.269.530.050	46.337.703.115
31	12. Thu nhập khác	32	8.990.694.081	11.973.031.933
32	13. Chi phí khác	32	(5.178.066.583)	(4.621.876.175)
40	14. Lợi nhuận khác	32	3.812.627.498	7.351.155.758
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.082.157.548	53.688.858.873
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(4.955.962.936)	(14.696.375.791)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	34.3	583.825.480	(1.668.700.538)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		20.710.020.092	37.323.782.544
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		19.779.051.907	21.251.029.312
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		930.968.185	16.072.753.232
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.4	203	189
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27.4	203	189

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG
Người lập biểu

BÙI TẤN KHẢI
Kế toán trưởng



TRẦN VÕ HIẾU THUẬN
Quyền Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		25.082.157.548	53.688.858.873
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phần bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14, 15, 19	56.560.381.772	99.494.377.138
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		352.966.415	(14.736.221.565)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.524.517)	(250.647.094)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(102.172.129.017)	(37.408.404.142)
06	Chi phí lãi vay		63.280.058.774	54.358.649.479
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		43.098.910.975	155.146.612.689
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		3.580.969.256	(24.581.521.232)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		2.200.984.483	(650.125.265)
11	Tăng các khoản phải trả		22.154.781.130	1.916.629.007
12	Giảm chi phí trả trước		1.591.467.397	6.514.842.199
14	Tiền lãi vay đã trả		(53.321.334.735)	(56.919.012.129)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.249.265.685)	(15.351.396.075)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.056.512.821	66.076.029.194

VND

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(239.425.635.708)	(292.578.419.551)
21	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		-	23.879.746.161
22	Các khoản cho vay đơn vị khác		(34.380.400.000)	-
23	Tiền thu hồi cho vay		2.798.939.178	232.391.255.755
24	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(82.900.000.000)	(203.175.854.010)
25	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		225.573.705.295	19.061.402.804
26	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.350.945.851	17.388.102.846
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(115.982.445.384)	(203.033.765.995)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	Tiền thu từ đi vay	26	532.879.721.274	802.396.486.263
34	Tiền trả nợ gốc vay	26	(393.473.597.629)	(656.211.988.458)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	27.2	(910.000)	(3.910.147.425)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(230.837.150)	(10.791.705.396)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		139.174.376.495	131.482.644.984
50	Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		36.248.443.932	(5.475.091.817)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		68.890.553.650	74.114.998.373
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.524.517	250.647.094
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	105.143.522.099	68.890.553.650

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG
Người lập biểu

BÙI TẤN KHẢI
Kế toán trưởng



TRẦN VÕ HIẾU THUẬN
Quyền Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

01 | THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (“Công ty”) là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“CNDKKD”) số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNDKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc của HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động; dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; tổ chức sự kiện; đại lý thu đổi ngoại tệ; đại lý du lịch, kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 887 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.392).

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 10 công ty con và 4 công ty liên kết như sau:

STT	TÊN CÔNG TY	TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG	LĨNH VỰC KINH DOANH	TỶ LỆ LỢI ÍCH (%)	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT (%)
CÔNG TY CON					
1	Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	100,00	100,00
2	Công ty TNHH Du lịch TTC	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	100,00	100,00
3	Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Đang hoạt động	Dịch vụ giải trí và lưu trú	100,00	100,00
4	Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	74,80	74,80
5	Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng	Đang hoạt động	Bất động sản	99,88	99,88
6	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Ngọc Lan	Đang hoạt động	Thương mại, dịch vụ	100,00	100,00
7	Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	94,96	94,96
8	Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Đang hoạt động	Dịch vụ nhà hàng	91,41	91,41
9	Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan	Đang hoạt động	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	100,00	100,00
10	Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Đang hoạt động	Dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế	100,00	100,00
CÔNG TY LIÊN KẾT					
1	Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	49,00	49,00
2	Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Đang hoạt động	Dịch vụ giải trí và nhà hàng	40,12	40,12
3	Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Đang hoạt động	Dịch vụ nhà hàng	20,75	20,75
4	Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	20,06	20,06

02 | CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 | CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 | HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 | KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 | ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 | CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Nhóm Công ty sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

03 | TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 | HÀNG TỐN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	<ul style="list-style-type: none"> Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	<ul style="list-style-type: none"> Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 | CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản)

được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 | THUÊ TÀI SẢN

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 | KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

	Năm nay	Năm trước
Quyền sử dụng đất	12 - 39 năm	12 - 50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm	8 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm	3 - 12 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm	6 - 12 năm
Tài sản khác	10 - 25 năm	3 - 15 năm

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình, để phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng của các tài sản trên. Ảnh hưởng do sự thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình được trình bày tại TM số 12 và 14.

3.8 | BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

	Năm nay	Năm trước
Quyền sử dụng đất	8 - 50 năm	10 - 50 năm

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư, để phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng của các tài sản trên. Ảnh hưởng do sự thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư được trình bày tại TM số 15.

Nhà cửa và vật kiến trúc

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 | CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.10 | CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 | CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất :

110

- Tiền thuê trả trước;
- Chi phí bảo hiểm;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định;
- Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ công ty mẹ-công ty con (ngoại trừ lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh liên quan đến các doanh nghiệp cùng dưới một sự kiểm soát chung) được phân bổ vào chi phí trong thời gian 10 năm.
- Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận vào ngày 10 tháng 9 năm 2018 trong thời hạn 33 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.12 | HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.13 | CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.14 | CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 | CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tài sản và nợ phải trả của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong kỳ kế toán năm, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong năm thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

3.16 | PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- **Quỹ đầu tư phát triển**
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.
- **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- **Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**
Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng Quản trị.

3.17 | LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng

111

bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 | GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, giải trí và hoạt động kinh doanh khác

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, phí dịch vụ giặt ủi và các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao và dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.19 | THUẾ

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu

nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 | THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú, ăn uống và vui chơi giải trí. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.21 | CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

04 | GIAO DỊCH CHUYỂN NHƯỢNG VÀ MẤT QUYỀN KIỂM SOÁT TRONG CÔNG TY CON TRONG NĂM

4.1 | CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP VÀ MẤT QUYỀN KIỂM SOÁT TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH BẾN TRE (“BẾN TRE”)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 63,7% quyền sở hữu của Nhóm Công ty trong Bến Tre cho nhà đầu tư khác theo Hợp đồng Chuyển nhượng Vốn góp ngày 30 tháng 6 năm 2020 với tổng giá trị là 85.425.000.000 VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này là 34.252.587.284 VND đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Theo đó, Nhóm Công ty hiện còn nắm 20,75% quyền sở hữu trong Bến Tre tại ngày 30 tháng 6 năm 2020.

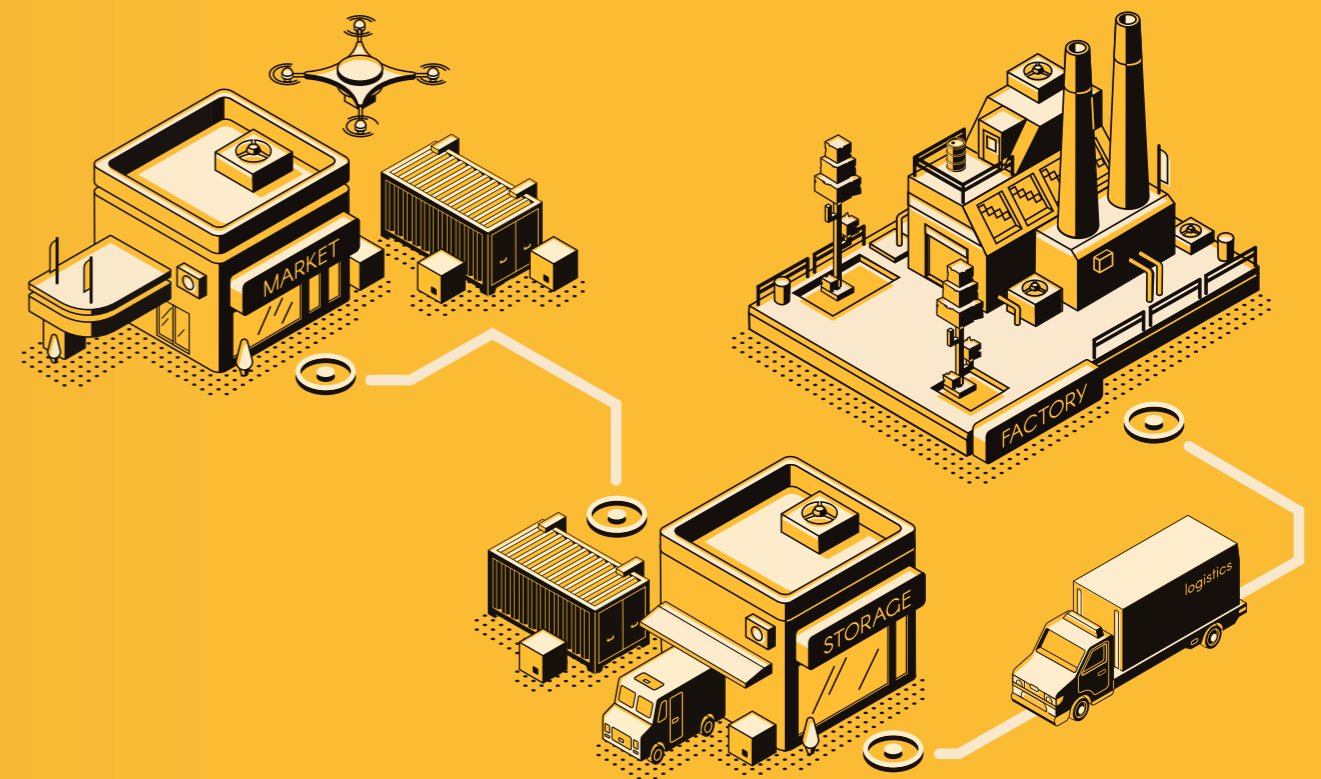
4.2 | CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP VÀ MẤT QUYỀN KIỂM SOÁT TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG THUẬN (“ĐỒNG THUẬN”)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 77,4% quyền sở hữu của Nhóm Công ty trong Đồng Thuận cho các nhà đầu tư khác theo Hợp đồng Chuyển nhượng Vốn góp ngày 30 tháng 6 năm 2020 với tổng giá trị là 74.400.000.000 VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này là 34.956.407.757 VND đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Theo đó, Nhóm Công ty hiện còn nắm 20,06% quyền sở hữu trong Đồng Thuận tại ngày 30 tháng 6 năm 2020.

4.3 | CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP VÀ MẤT QUYỀN KIỂM SOÁT TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH NÚI TÀ CÚ (“TÀ CÚ”)

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2020, Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 59,31% quyền sở hữu của Nhóm Công ty trong Tà Cú cho các nhà đầu tư khác theo Hợp đồng Chuyển nhượng Vốn góp ngày 31 tháng 3 năm 2020 với tổng giá trị là 80.026.200.000 VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này là 23.269.016.801 VND đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Theo đó, Nhóm Công ty hiện còn nắm 40,12% quyền sở hữu trong Tà Cú tại ngày 31 tháng 3 năm 2020.

Ngoài ra, giao dịch chuyển nhượng vốn góp trên cũng làm giảm tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận từ 99,94% xuống 94,96%.



05 | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền gửi ngân hàng	102.393.115.163	36.728.623.976
Tiền mặt	2.558.400.321	1.699.211.880
Tiền đang chuyển	192.006.615	210.111.794
Các khoản tương đương tiền (*)	-	30.252.606.000
TỔNG CỘNG	105.143.522.099	68.890.553.650

06 | PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Các bên khác	49.254.856.473	48.103.255.105
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	13.200.000.000	13.200.000.000
Ông Võ Hoàng Vinh	12.996.844.000	-
Ngân hàng TMCP Bán Việt	5.500.000.006	5.500.000.006
Khác	17.558.012.467	29.403.255.099
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	5.343.992.066	3.226.649.771
TỔNG CỘNG	54.598.848.539	51.329.904.876
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(346.452.905)	(405.825.857)
GIÁ TRỊ THUẦN	54.252.395.634	50.924.079.019

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	405.825.857	2.070.888.981
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	282.784.080
Dự phòng trích lập trong năm	317.100.128	617.704.958
Hoàn nhập dự phòng	(75.708.500)	(2.565.552.162)
Xóa nợ	(300.764.580)	-
SỐ CUỐI NĂM	346.452.905	405.825.857

07 | TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Các bên khác	72.631.946.693	53.553.812.666
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	42.176.407.711	-
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	10.642.166.080	15.542.166.080
Doppelmayr Seilbahnen GmbH	-	7.056.198.600
Khác	19.813.372.902	30.955.447.986
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	19.763.879.104	-
TỔNG CỘNG	92.395.825.797	53.553.812.666
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(984.313.460)	(984.313.460)
GIÁ TRỊ THUẦN	91.411.512.337	52.569.499.206

08 | PHẢI THU VỀ CHO VAY

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngắn hạn	97.688.400.000	74.600.000.000
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	52.220.000.000	74.600.000.000
Các bên khác	45.468.400.000	-
Bà Triệu Phi Yến	39.940.000.000	-
Bà Lovia Huang	5.528.400.000	-
Dài hạn	49.200.000.000	37.595.000.000
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	49.200.000.000	26.507.000.000
Bà Lovia Huang	-	11.088.000.000
TỔNG CỘNG	146.888.400.000	112.195.000.000

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay tín chấp được trình bày như sau:

VND	BÊN ĐI VAY	SỐ CUỐI NĂM VND	NGÀY ĐÁO HẠN	LÃI SUẤT %/NĂM
Ngắn hạn		97.688.400.000		
	Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	33.920.000.000	Từ ngày 12 tháng 8 năm 2021 đến ngày 18 tháng 12 năm 2021	10,8
	Bà Triệu Phi Yến	39.940.000.000		
	Khoản cho vay 1	23.440.000.000	Ngày 29 tháng 12 năm 2021	10,8
	Khoản cho vay 2	16.500.000.000	Từ ngày 6 tháng 5 năm 2021 đến ngày 8 tháng 5 năm 2021	10,6
	Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	12.600.000.000	Ngày 11 tháng 8 năm 2021	10,8
	Bà Lovia Huang	5.528.400.000	Ngày 1 tháng 1 năm 2021	1,5
	Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	5.700.000.000		
	Khoản cho vay 1	4.500.000.000	Ngày 21 tháng 12 năm 2021	10
	Khoản cho vay 2	900.000.000	Ngày 2 tháng 10 năm 2021	8
	Khoản cho vay 3	300.000.000	Ngày 9 tháng 2 năm 2021	11,5
Dài hạn		49.200.000.000		
	Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	18.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10,8
	Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	31.200.000.000		
	Khoản cho vay 1	13.900.000.000	Ngày 29 tháng 10 năm 2022	10
	Khoản cho vay 2	10.000.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2022	10
	Khoản cho vay 3	5.600.000.000	Ngày 24 tháng 12 năm 2022	10
	Khoản cho vay 4	1.200.000.000	Ngày 29 tháng 10 năm 2022	10
	Khoản cho vay 5	500.000.000	Ngày 3 tháng 8 năm 2022	11,5
TỔNG CỘNG		146.888.400.000		

9 | PHẢI THU KHÁC

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngắn hạn	212.821.398.772	72.742.377.931
Ký quỹ	171.028.500.000	15.478.051.546
Tạm ứng cho nhân viên	29.905.414.056	29.358.537.470
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	2.935.139.859	21.228.360.602
Lãi tiền gửi, tiền cho vay phải thu	1.145.148.496	165.767.704
Khác	7.807.196.361	6.511.660.609
Dài hạn	5.536.996.755	6.479.864.288
Ký quỹ	5.536.996.755	6.265.543.800
Khác	-	214.320.488
TỔNG CỘNG	218.358.395.527	79.222.242.219
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.598.790.058)	(2.431.537.069)
GIÁ TRỊ THUẦN	215.759.605.469	76.790.705.150

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	2.431.537.069	2.311.026.319
Dự phòng trích lập trong năm	167.252.989	120.510.750
Số cuối năm	2.598.790.058	2.431.537.069

10 | HÀNG TỒN KHO

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Nguyên vật liệu	4.443.008.930	6.355.010.834
Hàng hóa	2.217.728.728	3.014.290.792
Công cụ, dụng cụ	1.255.004.985	2.272.473.029
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	572.313.371	404.578.785
Thành phẩm	55.175.053	555.867.840
Hàng đang đi trên đường	-	65.600.000
TỔNG CỘNG	8.543.231.067	12.667.821.280
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(245.086.378)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	8.298.144.689	12.667.821.280

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng hàng tồn kho:

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Dự phòng trích lập trong năm	245.086.378	-
Số cuối năm	245.086.378	-

11 | CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngắn hạn	2.116.116.219	6.288.536.530
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.038.353.561	3.724.949.585
Chi phí bảo hiểm	562.697.678	361.171.720
Chi phí sửa chữa	309.707.750	944.092.588
Khác	205.357.230	1.258.322.637
Dài hạn	49.328.046.325	86.173.927.749
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	18.046.291.678	34.441.648.942
Chi phí hợp tác kinh doanh (*)	14.000.000.000	-
Giá trị lợi thế quyền thuê đất tại Đồng Thuận	-	22.690.606.245
Chi phí sửa chữa	4.198.863.334	5.922.076.274
Chi phí quyền sử dụng đất	3.668.638.327	2.491.708.824
Lợi thế thương mại phát sinh từ sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Bình Thuận	7.896.414.679	9.475.697.623
Lợi thế thương mại phát sinh từ sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông	-	3.080.920.850
Lợi thế thương mại hình thành khi sáp nhập chi nhánh	-	2.017.167.089
Lợi thế thương mại phát sinh từ sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Phúc Lợi	734.609.033	881.530.829
Khác	783.229.274	5.172.571.073
TỔNG CỘNG	51.444.162.544	92.462.464.279

Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 531/2019/HĐHTKD/TTCT-HĐ ký với Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận ngày 12 tháng 12 năm 2019 để cùng kinh doanh Khu nghỉ dưỡng tại Tỉnh Ninh Thuận. Chi phí này được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2020.

12 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	NHÀ CỬA VÀ VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	THIẾT BỊ VĂN PHÒNG	KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá:						
Số đầu năm	1.207.604.137.591	154.804.751.359	118.985.883.045	10.378.413.300	21.378.940.010	1.513.152.125.305
Mua trong năm	3.721.189.779	3.973.364.214	2.044.115.292	509.181.000	2.947.951.315	13.195.801.600
Chuyển sang chi phí trả trước	-	-	-	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	64.396.749.893	2.080.291.424	3.134.117.405	-	4.380.746.449	73.991.905.171
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(42.374.173.551)	-	-	-	-	(42.374.173.551)
Phân loại lại	-	7.414.172.344	(7.414.172.344)	-	-	-
Thanh lý	(131.812.170.639)	(14.923.219.309)	(5.451.946.665)	-	(3.865.164.428)	(156.052.501.041)
Giảm do chuyển nhượng						
công ty con	(147.821.723.166)	(6.850.170.182)	(48.890.032.626)	(3.499.140.869)	(7.033.878.793)	(214.094.945.636)
Xóa sổ	(1.048.501.315)	-	-	-	-	(1.048.501.315)
Số cuối năm	952.665.508.592	146.499.189.850	62.407.964.107	7.388.453.431	17.808.594.553	1.186.769.710.533
Trong đó: Đã khấu hao hết	29.961.141.623	47.626.976.081	4.303.988.459	2.778.544.489	7.652.258.561	92.322.909.213
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	342.550.417.570	99.794.445.415	68.531.461.212	8.339.326.611	9.195.487.728	528.411.138.536
Khấu hao trong năm	26.036.292.103	8.690.219.850	5.783.101.793	500.422.213	3.371.032.193	44.381.068.152
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(20.979.215.201)	-	-	-	-	(20.979.215.201)
Thanh lý	(3.278.685.992)	(558.536.284)	(954.665.059)	-	(7.453.704)	(4.799.341.039)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(63.366.316.249)	(8.647.879.300)	(45.544.514.997)	(1.825.970.296)	(4.747.365.650)	(124.132.046.492)
Xóa sổ	(1.048.501.315)	-	-	-	-	(1.048.501.315)
Số cuối năm	279.913.990.916	99.278.249.681	27.815.382.949	7.013.778.528	7.811.700.567	421.833.102.641
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	865.053.720.021	55.010.305.944	50.454.421.833	2.039.086.689	12.183.452.282	984.740.986.769
SỐ CUỐI NĂM	672.751.517.676	47.220.940.169	34.592.581.158	374.674.903	9.996.893.986	764.936.607.892
Trong đó: Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 26)	343.027.658.342	10.580.647.284	9.890.328.369	-	-	363.498.633.995

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, từ ngày 1 tháng 1 năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã thay đổi ước tính về thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định hữu hình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc tăng thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng của các tài sản này. Theo đó, chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo thời gian hữu dụng mới là 44.381.068.152 VND (chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo thời gian hữu dụng cũ là 86.323.473.093 VND)

13 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND
Phương tiện vận tải

NGUYÊN GIÁ:	
Số đầu năm và số cuối năm	4.895.000.000
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ:	
Khấu hao trong năm	489.499.992
Số cuối năm	489.499.992
GIÁ TRỊ CÒN LẠI:	
Số đầu năm	4.895.000.000
Số cuối năm	4.405.500.008

14 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY TÍNH	KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá:				
Số đầu năm	244.832.519.640	7.829.239.973	490.354.450	253.152.114.063
Mua trong năm	-	-	257.954.545	257.954.545
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(887.894.577)	(1.543.999.091)	-	(2.431.893.668)
Số cuối năm	243.944.625.063	6.285.240.882	748.308.995	250.978.174.940
Trong đó: Đã hao mòn hết	1.098.000.000	951.198.500	-	2.049.198.500
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	17.793.713.456	2.857.364.518	352.273.668	21.003.351.642
Hao mòn trong năm	5.801.594.431	412.990.734	20.482.602	6.235.067.767
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(104.820.906)	(535.689.449)	-	(640.510.355)
Số cuối năm	23.490.486.981	2.734.665.803	372.756.270	26.597.909.054
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	227.038.806.184	4.971.875.455	138.080.782	232.148.762.421
Số cuối năm	220.454.138.082	3.550.575.079	375.552.725	224.380.265.886

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, từ ngày 1 tháng 1 năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã thay đổi ước tính về thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định vô hình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc tăng thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng của các tài sản này. Theo đó, chi phí hao mòn tài sản cố định vô hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo thời gian hữu dụng mới là 6.235.067.767 VND (chi phí hao mòn tài sản cố định vô hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo thời gian hữu dụng cũ là 3.061.670.203 VND).

15 | BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND
Nhà cửa và vật kiến trúc

NGUYÊN GIÁ:	
Số đầu năm	33.864.953.550
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	42.374.173.551
Số cuối năm	76.239.127.101
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ:	
Số đầu năm	14.125.213.394
Khấu hao trong năm	843.856.464
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	20.979.215.201
Số cuối năm	35.948.285.059
GIÁ TRỊ CÒN LẠI:	
Số đầu năm	19.739.740.156
Số cuối năm	40.290.842.042

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, từ ngày 1 tháng 1 năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã thay đổi ước tính về thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc tăng thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng của các tài sản này. Theo đó, chi phí khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo thời gian hữu dụng mới là 843.856.464 VND (chi phí khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo thời gian hữu dụng cũ là 481.766.776 VND).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại kết thúc kỳ kế toán năm. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách kế toán trên cơ sở bất động sản đầu tư hầu hết đã được cho thuê tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	12.733.992.540	12.199.679.732
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	3.506.651.792	3.801.260.165

16 | CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 15.338.659.778 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: 11.531.388.054 VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng các công trình phục vụ hoạt động của Nhóm Công ty

17 | CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
Dự án Khu du lịch Dốc Lết	186.844.719.322	128.216.496.945		
Dự án Resort TTC Kê Gà	32.656.947.855	30.020.222.853		
Dự án sáp nhập Khu du lịch Thung lũng tình yêu – Đồi Mộng Mơ – Đồi Thống Nhất	26.155.094.589	26.155.094.589		
Dự án Công viên Giải trí Phú Quốc	1.710.947.836	1.710.947.836		
Dự án Khu du lịch Bến Tre	-	31.685.573.392		
Dự án Resort Bàu Trúc giai đoạn 2	-	16.847.680.409		
Dự án Sân thượng Khách sạn Michelia	-	12.410.624.586		
Dự án Resort Mekong	-	8.138.805.327		
Dự án cải tạo Resort Premium Ninh Thuận	-	129.080.811		
Khác	13.568.595.940	12.796.818.828		
TỔNG CỘNG	260.936.305.542	268.111.345.576		

18 | ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 18.1)	89.379.737.772	19.123.754.311
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 18.2)	66.583.539.091	66.606.449.091
TỔNG CỘNG	155.963.276.863	85.730.203.402

18.1 | ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được trình bày như sau:

TÊN CÔNG TY LIÊN KẾT	TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG	LĨNH VỰC KINH DOANH	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
			GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	% SỞ HỮU	GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	% SỞ HỮU
Công ty Cổ phần Du lịch Tà Cú ("Tà Cú") (Thuyết minh số 4)	Đang hoạt động	Dịch vụ giải trí và nhà hàng	41.520.064.114	40,02	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre ("Bến Tre") (Thuyết minh số 4)	Đang hoạt động	Nhà hàng	21.433.021.527	20,75	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor ("Vinagolf Angkor")	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	16.966.458.803	49,00	19.123.754.311	49,00
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận ("Đồng Thuận") (Thuyết minh số 4)	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	9.460.193.328	20,06	-	-
TỔNG CỘNG			89.379.737.772		19.123.754.311	

18.1 | ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau: (tiếp theo)

VND	VINAGOLF ANGKOR	TÀ CÚ	BẾN TRE	ĐỒNG THUẬN	TỔNG CỘNG
Giá gốc đầu tư:					
Số đầu năm	24.772.623.055	-	-	-	24.772.623.055
Tăng trong năm	-	41.909.022.582	22.270.650.530	9.852.071.559	74.031.744.671
SỐ CUỐI NĂM	24.772.623.055	41.909.022.582	22.270.650.530	9.852.071.559	98.804.367.726
Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:					
Số đầu năm	(5.648.868.744)	-	-	-	(5.648.868.744)
Phần lỗ từ công ty liên kết trong năm	(2.157.295.508)	(388.958.468)	(837.629.003)	(391.878.231)	(3.775.761.210)
SỐ CUỐI NĂM	(7.806.164.252)	(388.958.468)	(837.629.003)	(391.878.231)	(9.424.629.954)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	19.123.754.311	-	-	-	19.123.754.311
Số cuối năm	16.966.458.803	41.520.064.114	21.433.021.527	9.460.193.328	89.379.737.772

18.2 | ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

TÊN CÔNG TY LIÊN KẾT	TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG	LĨNH VỰC KINH DOANH	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
			GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	% SỞ HỮU	GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	% SỞ HỮU
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân (*)	Đang hoạt động	Dịch vụ ăn uống	66.000.000.000	2,2	66.000.000.000	2,2
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát (*)	Đang hoạt động	Đầu tư và xây dựng	461.729.091	-	461.729.091	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ (*)	Đang hoạt động	Kinh doanh đồ uống	121.810.000	-	121.810.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền (*)	Đang hoạt động	Kinh doanh đồ uống	-	-	22.910.000	-
TỔNG CỘNG			66.583.539.091		66.606.449.091	

(*) Nhóm Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

19 | LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

Nguyên giá:	
Số đầu năm	82.232.001.851
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(54.905.409.866)
Số cuối năm	27.326.591.985
Giá trị phân bổ lũy kế:	
Số đầu năm	(23.378.351.316)
Phân bổ trong năm	(4.610.889.397)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	20.192.576.501
Số cuối năm	(7.796.664.212)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	58.853.650.535
SỐ CUỐI NĂM	19.529.927.773

20 | PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	11.226.973.960	11.202.107.513
Các bên khác	29.992.424.510	69.178.501.528
TỔNG CỘNG	41.219.398.470	80.380.609.041

21 | NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	4.787.766.003	12.400.390.120
Các bên khác	15.227.504.067	11.868.323.876
Bà Huỳnh Thị Loan	4.771.440.000	-
Agoda Pte., Ltd	3.292.813.803	2.694.949.450
Khác	7.163.250.264	9.173.374.426
TỔNG CỘNG	20.015.270.070	24.268.713.996

22 | THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND	SỐ ĐẦU NĂM	TĂNG TRONG NĂM	GIẢM TRONG NĂM	GIẢM DO CHUYỂN NHƯỢNG NHƯNG CÔNG TY CON	SỐ CUỐI NĂM
Phải trả					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.471.132.060	4.955.962.936	(6.249.265.685)	(1.426.781.314)	2.751.047.997
Thuế giá trị gia tăng	5.336.024.266	31.930.726.480	(31.084.793.228)	(2.123.005.977)	4.058.951.541
Thuế thu nhập cá nhân	1.602.534.899	3.113.994.267	(4.393.023.602)	(153.180.746)	170.324.818
Thuế tiêu thụ đặc biệt	76.043.013	288.904.000	(348.310.479)	(174.965)	16.461.569
Thuế tài nguyên	3.574.337	4.801.029.124	(3.966.858.020)	(833.900.266)	3.845.175
Thuế khác	80.397.596	428.688.421	(445.604.194)	(180.000)	63.301.823
TỔNG CỘNG	12.569.706.171	45.519.305.228	(46.487.855.208)	(4.537.223.268)	7.063.932.923
Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	15.365.166.877	32.707.822.523	(27.587.865.995)	(4.982.413.998)	15.502.709.407
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.351.478.880	491.498.539	(721.346.179)	-	2.121.631.240
Thuế tài nguyên	200.000.000	-	-	-	200.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	350.375	304.302.874	(126.494.455)	-	178.158.794
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.100.592	-	-	-	5.100.592
Thuế khác	105.642.990	64.127.600	(43.126.840)	-	126.643.750
TỔNG CỘNG	18.027.739.714	33.567.751.536	(28.478.833.469)	(4.982.413.998)	18.134.243.783

23 | CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Trích trước chi phí công trình	9.282.737.312	-
Chi phí lãi vay	6.466.541.445	1.261.877.452
Chi phí thuê đất	3.285.244.800	-
Lương tháng 13	2.219.379.181	-
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	946.515.437	1.272.867.893
Khác	688.672.010	1.605.285.358
TỔNG CỘNG	22.889.090.185	4.140.030.703

24 | DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngắn hạn		
Doanh thu chưa thực hiện về cho thuê mặt bằng và văn phòng	905.436.541	2.860.328.569
Doanh thu chưa thực hiện về dịch vụ lưu trú	337.224.907	434.393.941
Khác	11.363.637	48.872.728
Dài hạn		
Doanh thu chưa thực hiện về cho thuê mặt bằng và văn phòng	13.117.756.416	14.003.192.850
TỔNG CỘNG	14.371.781.501	17.346.788.088

25 | PHẢI TRẢ KHÁC

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ	8.007.744.590	3.228.887.890
Chi phí lãi vay	6.092.415.562	1.338.355.516
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	3.757.077.967	3.330.672.784
Phí phục vụ	2.379.130.521	5.121.008.988
Cổ tức phải trả	1.001.579.023	9.365.850.714
Kinh phí công đoàn	817.564.593	1.154.496.757
Cán bộ nhân viên đặt cọc mua cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP)	-	53.937.000.000
Khác	2.035.903.770	8.658.690.842
Dài hạn		
Nhận ký quỹ	7.532.200.000	3.432.770.000
TỔNG CỘNG	31.623.616.026	89.567.733.491

26 | VAY

VND

	SỐ ĐẦU NĂM	VAY TRONG NĂM	TRẢ TRONG NĂM	GIẢM DO CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CON	PHÂN LOẠI	SỐ CUỐI NĂM
Vay ngắn hạn	316.816.998.516	369.726.597.011	(339.525.537.888)	(37.625.113.471)	19.128.190.235	328.521.134.403
• Vay ngân hàng (Thuyết minh số 26.1)	193.749.766.800	286.141.617.571	(273.214.513.574)	(14.949.772.577)	278.512.500	192.005.610.720
• Vay bên liên quan (Thuyết minh số 35)	-	28.900.000.000	(5.000.000.000)	-	-	23.900.000.000
• Vay các bên khác (Thuyết minh số 26.2)	21.337.000.000	52.055.000.000	(18.011.865.000)	-	(30.180.135.000)	25.200.000.000
• Vay thấu chi ngân hàng	842.730.163	2.629.979.440	(2.902.514.629)	-	-	570.194.974
• Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 26.3)	99.381.397.641	-	(39.140.540.773)	(22.675.340.894)	45.959.206.515	83.524.722.489
• Vay dài hạn các bên khác đến hạn trả (Thuyết minh số 26.4)	250.000.000	-	-	-	1.814.502.308	2.064.502.308
• Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn phải trả	1.256.103.912	-	(1.256.103.912)	-	1.256.103.912	1.256.103.912
Vay dài hạn	491.711.574.707	163.153.124.263	(53.948.059.741)	(71.866.156.975)	(19.128.190.235)	509.922.292.019
• Vay ngân hàng (Thuyết minh số 26.3)	467.485.868.404	89.162.978.535	(2.542.708.597)	(71.866.156.975)	(46.237.719.015)	436.002.262.352
• Vay các bên khác (Thuyết minh số 26.4)	21.818.173.852	67.990.145.728	(46.405.351.144)	-	28.365.632.692	71.768.601.128
• Vay bên liên quan (Thuyết minh số 35)	-	6.000.000.000	(5.000.000.000)	-	-	1.000.000.000
• Nợ thuê tài chính	2.407.532.451	-	-	-	(1.256.103.912)	1.151.428.539
TỔNG CỘNG	808.528.573.223	532.879.721.274	(393.473.597.629)	(109.491.270.446)	-	838.443.426.422

26.1 | VAY NGẮN HẠN NGÂN HÀNG

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

VND

NGÂN HÀNG	SỐ CUỐI NĂM (VND)	KỶ HẠN TRẢ GỐC	MỤC ĐÍCH	LÃI SUẤT (%/ NĂM)	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk					
• Khoản vay 1	52.756.346.176	Từ ngày 27 tháng 1 năm 2021 đến 23 tháng 6 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	9,9	5.000.000 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công ("TTCI"); và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
• Khoản vay 1	41.228.250.735	Ngày 27 tháng 8 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	Từ 6,14 đến 7,5	Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc theo Quyền sử dụng đất số CH 546660 ngày 17 tháng 11 năm 2017
• Khoản vay 2	39.037.762.761	Từ ngày 23 tháng 3 năm 2021 đến 30 tháng 6 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	Từ 4,6 đến 6,5	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận					
• Khoản vay 1	24.009.335.388	Ngày 31 tháng 7 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	6,5	Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc của DL TTC; và 1.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú ("DL Tà Cú")
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa					
• Khoản vay 1	16.926.598.316	Từ ngày 30 tháng 3 năm 2021 đến 25 tháng 6 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	9	Phương tiện vận tải; và Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc của Công ty TNHH Du lịch TTC ("DL TTC")
• Khoản vay 2	12.387.967.708	Từ ngày 30 tháng 3 năm 2021 đến 25 tháng 6 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	9	Phương tiện vận tải; và Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc của Công ty TNHH Du lịch TTC ("DL TTC")
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình					
• Khoản vay 1	4.702.197.387	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	9,7	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Gia Định					
• Khoản vay 1	957.152.249	Từ ngày 15 tháng 5 năm 2021 đến ngày 22 tháng 5 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	8	Tín chấp
TỔNG CỘNG	192.005.610.720				

26.2 | VAY NGẮN HẠN CÁC BÊN KHÁC

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác được trình bày như sau:

VND

BÊN CHO VAY	SỐ CUỐI NĂM (VND)	KỶ HẠN TRẢ GỐC	MỤC ĐÍCH	LÃI SUẤT (%/ NĂM)	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín					
Khoản vay 1	15.600.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	9,5	Tín chấp
Khoản vay 2	5.600.000.000	Ngày 27 tháng 9 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	9,5	Tín chấp
Khoản vay 3	1.000.000.000	Ngày 6 tháng 8 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	10,5	Tín chấp
Ông Trần Long Hải	3.000.000.000	Ngày 12 tháng 5 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	10	Tín chấp
TỔNG CỘNG	25.200.000.000				



26.3 | VAY DÀI HẠN NGÂN HÀNG

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

VND

NGÂN HÀNG	SỐ CUỐI NĂM (VND)	KỶ HẠN TRẢ GỐC	MỤC ĐÍCH	LÃI SUẤT (%/ NĂM)	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa					
• Khoản vay 1	156.082.232.998	Từ ngày 15 tháng 2 năm 2021 đến ngày 23 tháng 11 năm 2028	Tài trợ vốn lưu động	Từ 8,7 đến 12	Phương tiện vận tải; và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của DL TTC
• Khoản vay 2	69.160.000.000	30 tháng 12 năm 2025	Tài trợ dự án Resort TTC Kê Gà	10,5	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của TTP BT
• Khoản vay 3	40.445.609.967	Từ ngày 13 tháng 3 năm 2021 đến ngày 13 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	10	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của DL TTC
• Khoản vay 4	24.007.107.310	Từ ngày 13 tháng 1 năm 2021 đến ngày 16 tháng 1 năm 2026	Tài trợ vốn lưu động	Từ 8,7 đến 12	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của DL TTC
• Khoản vay 5	10.322.881.028	Từ ngày 13 tháng 3 năm 2021 đến ngày 12 tháng 3 năm 2025	Tài trợ vốn lưu động	Từ 8,7 đến 12	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của DL TTC
• Khoản vay 6	5.384.773.030	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 19 tháng 7 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	Từ 8,7 đến 12	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của DL TTC
• Khoản vay 7	405.000.000	Từ ngày 13 tháng 3 năm 2021 đến ngày 13 tháng 12 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	10	Phương tiện vận tải
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh					
• Khoản vay 1	117.241.231.652	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2021 đến ngày 10 tháng 7 năm 2030	Tài trợ vốn lưu động	8,1	Phương tiện giao thông vận tải; và quyền sử dụng đất và tài sản đi kèm thuộc sở hữu của TTC Lâm Đồng
• Khoản vay 2	19.226.793.536	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2021 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	Tài trợ dự án vé 250	8,1	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu bất động sản và các tài sản khác, máy móc thiết bị, phương tiện giao dịch và quyền sở hữu tài sản của Dự án sáp nhập khu du lịch tại Thung lũng tình yêu - Đồi Mơ Mơ - Đồi Thống Nhất
• Khoản vay 3	750.271.364	Từ ngày 3 tháng 7 năm 2021 đến ngày 16 tháng 7 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	6,2	Tài sản khách sạn TTC Hotel-Cần Thơ
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận					
• Khoản vay 1	37.949.851.009	Từ ngày 28 tháng 9 năm 2021 đến ngày 29 tháng 6 năm 2025	Tài trợ Dự án TTC Palace Bình Thuận	9,3	Nhà cửa và vật kiến trúc hình thành trong tương lai của DL TTC
• Khoản vay 2	4.400.000.000	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	Mua 800.000 cổ phiếu của TTC Tà Cú	9,3	Nhà cửa và vật kiến trúc của DL TTC
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk					
• Khoản vay 1	16.000.926.786	Từ ngày 7 tháng 3 năm 2021 đến ngày 26 tháng 6 năm 2025	Tài trợ vốn lưu động	11,5	5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCL; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
• Khoản vay 2	11.289.856.693	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2021 đến ngày 29 tháng 10 năm 2025	Tài trợ vốn lưu động	11,5	5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCL; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
• Khoản vay 3	1.894.428.668	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2021 đến ngày 26 tháng 4 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	11,5	5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCL; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh					
• Khoản vay 1	2.123.333.310	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2021 đến ngày 9 tháng 2 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	7,9	Phương tiện vận tải
• Khoản vay 2	329.599.990	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2021 đến ngày 28 tháng 6 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	8,5	Phương tiện vận tải
• Khoản vay 3	198.000.000	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2021 đến ngày 29 tháng 12 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	7,9	Phương tiện vận tải
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình					
• Khoản vay 1	1.877.850.000	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2021 đến ngày 29 tháng 3 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	8,9	Phương tiện vận tải
• Khoản vay 2	344.400.000	Từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 17 tháng 12 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	8,9	Phương tiện vận tải
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình					
• Khoản vay 1	92.837.500	Ngày 25 tháng 1 năm 2021	Mua phương tiện vận tải	8,7	Phương tiện vận tải
TỔNG CỘNG	519.526.984.841				

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	83.524.722.489
Vay dài hạn	436.002.262.352

26.4 | VAY DÀI HẠN CÁC BÊN KHÁC

Các khoản vay dài hạn từ các bên khác là các khoản vay tín chấp từ các nhân viên của Nhóm Công ty để bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Nhóm Công ty. Các khoản vay này có thời hạn trên 12 tháng, với lãi suất 10,75%/năm.

132

27 | VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 | TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

VND

	VỐN CỔ PHẦN	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU	CHÉNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI	QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU	TỔNG CỘNG
Năm trước								
Số đầu năm	837.044.050.000	38.493.268.364	18.567.770.000	82.019.640	7.166.040.514	4.914.206.056	369.574.989	906.636.929.563
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	21.251.029.312	-	21.251.029.312
Phát hành cổ phiếu hoán đổi (*)	89.622.030.000	83.796.598.000	-	-	-	-	-	173.418.628.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(556.999.950)	-	-	-	-	-	(556.999.950)
Công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu (**)	-	-	9.000.000.000	-	-	(9.000.000.000)	-	-
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	-	(416.525.063)	416.525.063	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(11.913.579.754)	-	(11.913.579.754)
Trích quỹ khác	-	-	-	-	-	(997.428.274)	997.428.274	-
Các khoản tăng khác	-	-	-	-	-	(234.911.279)	-	(234.911.279)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(526.463.494)	-	(526.463.494)
Điều chỉnh phân phối lợi nhuận	-	(30.508.805.878)	30.508.805.878	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(22.302.192)	-	-	-	(22.302.192)
Mua thêm lợi ích trong công ty con	-	-	-	-	-	(49.123.201.919)	-	(49.123.201.919)
SỐ CUỐI NĂM	926.666.080.000	91.224.060.536	58.076.575.878	59.717.448	6.749.515.451	(45.213.824.289)	1.367.003.263	1.038.929.128.287

(*) Vào ngày 24 tháng 7 năm 2019, Công ty đã phát hành 8.962.203 cổ phiếu mới để hoán đổi 9.958.042 cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng theo tỷ lệ 1:0,90 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019. Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 21 vào ngày 26 tháng 8 năm 2019..

(**) Đây là cổ tức bằng cổ phiếu do Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình ("Thanh Bình") chia cho công ty mẹ theo Nghị Quyết Đại Hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Thanh Bình.

VND

	VỐN CỔ PHẦN	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU	CHÉNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI	QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU	TỔNG CỘNG
Năm nay								
Số đầu năm	926.666.080.000	91.224.060.536	58.076.575.878	59.717.448	6.749.515.451	(45.213.824.289)	1.367.003.263	1.038.929.128.287
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên (*)	46.100.000.000	7.837.000.000	-	-	-	-	-	53.937.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(110.000.000)	-	-	-	-	-	(110.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	19.779.051.907	-	19.779.051.907
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(29.556.433)	-	(29.556.433)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con không mất quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	5.271.419.099	-	5.271.419.099
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(10.897.270)	-	-	-	(10.897.270)
Kết chuyển từ thặng dư vốn (***)	-	(23.000.000.000)	-	-	-	23.000.000.000	-	-
Phân loại lại (**)	-	30.508.805.878	(30.508.805.878)	-	-	-	-	-
SỐ CUỐI NĂM	972.766.080.000	106.459.866.414	27.567.770.000	48.820.178	6.749.515.451	2.807.090.284	1.367.003.263	1.117.766.145.590

(*) Vào ngày 3 tháng 1 năm 2020, Công ty đã phát hành 4.610.000 cổ phiếu với mức giá phát hành là 11.700 VND/cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo kế hoạch thực hiện quyền sở hữu cổ phần cho người lao động theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019. Việc tăng vốn này được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 22 ngày 5 tháng 2 năm 2020.

(**) Đây là phần thặng dư vốn phát sinh trước giai đoạn chuyển đổi công ty con từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn vào ngày 22 tháng 2 năm 2019.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc sử dụng một phần nguồn thặng dư vốn cổ phần để xóa lỗ lũy kế. Theo đó, số tiền thặng dư vốn cổ phần dùng để xóa lỗ lũy kế là 23.000.000.000 VND

27.2 | CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	926.666.080.000	837.044.050.000
Tăng trong năm	46.100.000.000	89.622.030.000
Số cuối năm	972.766.080.000	926.666.080.000
Cổ tức đã trả	910.000	3.910.147.425

27.3 | CỔ PHIẾU

	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	
	SỐ CUỐI NĂM (CỔ PHIẾU)	SỐ ĐẦU NĂM (CỔ PHIẾU)
Cổ phiếu được phép phát hành	97.276.608	92.666.608
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	97.276.608	92.666.608
• Cổ phiếu phổ thông	97.276.608	92.666.608
Cổ phiếu đang lưu hành	97.276.608	92.666.608
• Cổ phiếu phổ thông	97.276.608	92.666.608

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

27.4 | LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	19.779.051.907	21.251.029.312
• Trừ: Quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	-	(5.598.567.382)
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	19.779.051.907	15.652.461.930
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	97.238.718	82.859.404
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	203	189

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

27.5 | LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	17.442.987.684	135.237.977.719
Lợi nhuận thuần trong năm	930.968.185	16.072.753.232
Cổ tức công bố	-	(49.250.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.209.952.687)
Mua thêm lợi ích trong công ty con	-	(128.168.228.327)
Mua công ty con mới	-	(4.423.259.920)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	8.484.173
Thanh lý Công ty con	13.616.604.741	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	(5.443.567)	(25.536.506)
SỐ CUỐI NĂM	31.985.117.043	17.442.987.684

28 | DOANH THU

28.1 | DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	427.572.015.905	827.707.025.725
Doanh thu thuần về bán hàng	19.700.692.377	63.350.677.398
Doanh thu thuần về cho thuê hoạt động	12.780.394.540	12.199.679.732
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài	467.515.152	1.658.949.494
Khác	-	9.906.913.263
TỔNG CỘNG	460.520.617.974	914.823.245.612
Trong đó:		
Doanh thu thuần đối với các bên khác	405.664.015.881	896.692.539.431
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan	54.856.602.093	18.130.706.181

28.2 | DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi do thanh lý công ty con (Thuyết minh số 4)	92.478.011.842	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.330.326.643	17.142.210.276
Cổ tức được chia	345.290.034	75.575.500
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	14.148.943	266.887.130
Lãi do đánh giá lại khoản đầu tư ban đầu	-	18.332.984.223
Khác	5.901.927	503.143.895

29 | GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá vốn dịch vụ cung cấp	334.389.520.409	646.330.641.653
Giá vốn hàng bán	16.235.014.453	13.406.083.642
Giá vốn hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài	933.028.120	1.260.606.686
Khác	-	1.031.766.387
TỔNG CỘNG	351.557.562.982	662.029.098.368

30 | CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí lãi vay	63.280.058.774	54.358.649.479
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.617.266	196.249.278
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(14.040.347.191)
Lãi phạt thanh toán nợ vay trước hạn	-	5.381.402.852
Lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư ban đầu	-	1.604.025.778
Khác	1.500.080.056	956.809
TỔNG CỘNG	64.785.756.096	47.500.937.005

31 | CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí bán hàng	19.920.296.073	45.840.204.599
Chi phí nhân viên	11.747.732.833	22.344.977.946
Chi phí quảng cáo	2.549.312.051	8.161.072.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.409.043.132	9.606.028.734
Chi phí khấu hao và hao mòn	173.110.033	893.068.224
Chi phí nguyên vật liệu	49.734.601	280.858.998
Khác	1.991.363.423	4.554.198.110
Chi phí quản lý doanh nghiệp	105.385.390.952	147.460.843.755
Chi phí nhân viên	58.575.886.563	78.526.082.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.378.358.797	19.644.701.283
Chi phí khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	9.501.294.522	24.287.093.923
Chi phí nguyên vật liệu	1.438.555.895	2.502.524.412
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu ngắn hạn khó đòi	352.966.415	(695.874.374)
Khác	16.138.328.760	23.196.316.408
TỔNG CỘNG	125.305.687.025	193.301.048.354

32 | THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Thu nhập khác	8.990.694.081	11.973.031.933
Xóa nợ phải trả	8.132.524.541	4.008.603.410
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	3.832.893.937
Khác	858.169.540	4.131.534.586
Chi phí khác	5.178.066.583	4.621.876.175
Các khoản phạt	657.912.478	1.497.574.910
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	405.379.875	309.744.542
Tài trợ quỹ chung tay vì cộng đồng	-	667.922.448
Khác	4.114.774.230	2.146.634.275
LỢI NHUẬN KHÁC	3.812.627.498	7.351.155.758

33 | CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nhân viên	177.476.193.089	295.474.310.626
Chi phí nguyên vật liệu	120.692.750.304	202.386.028.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.449.125.178	178.128.970.684
Chi phí khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) (Thuyết minh số 12, 13, 14, 15 và 19)	56.560.381.772	99.494.377.138
Giá vốn hàng bán	30.181.794.549	25.748.973.716
Chi phí khác	16.503.005.115	54.097.486.006
TỔNG CỘNG	476.863.250.007	855.330.146.722

34 | THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ một chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty TNHH TTC Tourist – TTC Resort Premium – Đốc Lết ("CN Đốc Lết") áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% thu nhập chịu thuế trong thời hạn mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2007) và với mức thuế suất thông thường theo quy định hiện hành cho những năm tiếp theo. CN Đốc Lết được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi CN Đốc Lết có thu nhập chịu thuế (năm 2007) và được giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

34.1 | CHI PHÍ THUẾ TNDN

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.195.322.571	12.586.703.498
Chi phí thuế TNDN trích thiếu những năm trước	47.351.234	2.109.672.293
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP (*)	(1.413.798.196)	-
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	(872.912.673)	-
(Thu nhập) chi phí TNDN hoãn lại	(583.825.480)	1.668.700.538
TỔNG CỘNG	4.372.137.456	16.365.076.329

(*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 sửa đổi Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 do Chính phủ ban hành về quy định mức tỷ lệ lãi vay được khấu trừ, áp dụng từ năm tính thuế 2019, Nhóm Công ty đã ghi nhận điều chỉnh giảm chi phí TNDN trong năm hiện hành với tổng giá trị là 1.413.798.196 VND.

34.1 | CHI PHÍ THUẾ TNDN (TIẾP THEO)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.082.157.548	53.688.858.873
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	5.169.037.919	5.804.810.662
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được trừ	8.448.912.252	7.822.131.454
Chênh lệch tạm thời từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn chưa ghi nhận thuế hoãn lại	7.105.645.220	1.133.948.668
Cổ tức được chia	(69.058.007)	(85.802.757)
Phần lỗ từ công ty liên kết	755.152.242	395.051.959
Lãi từ đánh giá lại các khoản đầu tư ban đầu	-	(3.369.352.128)
Lãi do thanh lý công ty con	(3.218.196.059)	-
Thuế hoãn lại chưa ghi nhận đối với lỗ chuyển sang các năm sau	498.310.329	2.254.047.181
Lỗ năm trước chuyển sang	(6.213.588.489)	(76.045.790)
Chi phí thuế TNDN trích thiếu những năm trước	47.351.234	2.486.287.080
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP (*)	(1.413.798.196)	-
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	(872.912.673)	-
Khác	(5.864.718.316)	-
CHI PHÍ THUẾ TNDN	4.372.137.456	16.365.076.329

34.2 | THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

34.3 | THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong năm hiện hành và năm trước như sau:

VND	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT		BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	1.810.769.943	1.458.694.903	352.075.040	1.458.694.903
Khác	1.197.448.564	1.236.224.892	(22.263.451)	1.275.818.458
	3.008.218.507	2.694.919.795		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch giá trị hợp lý trong hợp nhất kinh doanh	26.515.665.818	26.860.835.258	(345.169.440)	(345.169.440)
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	4.993.230.410	4.748.383.339	244.847.071	4.748.383.339
Khác	(1.676.459.366)	153.691.522	(153.691.522)	-
	29.832.436.862	31.762.910.119		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(26.824.218.355)	(29.067.990.324)		
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại			583.825.480	(1.668.700.538)

35.4 | LỖ THUẾ CHUYỂN SANG TỪ CÁC NĂM TRƯỚC

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 67.154.255.907 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 105.096.813.969 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND	NĂM PHÁT SINH	CÓ THỂ CHUYỂN LỖ ĐẾN NĂM	LỖ TÍNH THUẾ	ĐÃ CHUYỂN LỖ ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020	KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN LỖ	CHƯA CHUYỂN LỖ TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020
	2014	2019	21.265.855.397	-	(20.690.261.330)	575.594.067
	2015	2020	18.602.406.658	(5.986.847.598)	(9.401.838.958)	3.213.720.102
	2016	2021	15.924.347.506	-	-	15.924.347.506
	2017	2022	18.064.543.734	(4.241.952.805)	-	13.822.590.929
	2018	2023	27.115.518.336	(11.905.865.863)	-	15.209.652.473
	2019	2024	25.579.862.275	(9.682.505.632)	-	15.897.356.643
	2020	2025	2.510.994.187	-	-	2.510.994.187
	TỔNG CỘNG		129.063.528.093	(31.817.171.898)	(30.092.100.288)	67.154.255.907

Lỗ tính thuế ước tính theo các tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho lỗ chuyển sang các năm sau do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

35. | NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

VND

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC		
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Bên liên quan	Chuyển nhượng cổ phần	80.026.200.000	-		
		Dịch vụ môi giới	40.000.000.000	-		
		Cung cấp dịch vụ	1.185.915.816	6.226.054.968		
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi cho vay	120.000.000	-		
		Lãi vay	109.137.107	-		
		Mua dịch vụ	36.200.001	136.771.892		
		Mua hàng hóa	-	53.653.143		
		Cho vay	18.550.939.178	187.500.000.000		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Lãi cho vay	5.138.664.384	4.907.588.266		
		Cung cấp dịch vụ	1.215.268.285	5.270.609.571		
		Mua dịch vụ	426.372.751	16.897.851.425		
		Mua hàng hóa	106.443.773	1.054.523.600		
		Bán hàng hóa	264.070	3.472.728		
		Góp vốn	-	44.500.000.000		
		Lãi vay	-	36.226.653		
		Vay	21.700.000.000	-		
		Lãi vay	871.350.687	-		
		Cung cấp dịch vụ	339.486.747	-		
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	11.792.744	-		
		Mua dịch vụ	15.715.131.734	-		
		Chi phí hợp tác kinh doanh	3.000.000.000	-		
		Bán hàng hóa	3.697.816.038	-		
		Lãi cho vay	2.386.566.637	-		
		Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế	2.073.818.182	-
				Mua hàng hóa	189.048.649	-
				Mua tài sản cố định	47.204.339	-
				Cung cấp dịch vụ	27.737.998	-
				Cho vay	8.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6.694.815.196	-		
		Lãi vay	288.312.328	-		
		Mua dịch vụ	142.727.272	-		
		Lãi cho vay	216.803.836	-		
		Bán hàng hóa	238.147.215	-		
		Mua hàng hóa	28.495.000	-		
		Cung cấp dịch vụ	1.408.073.730	4.826.988.944		
		Mua dịch vụ	30.923.362	592.171.801		
		Mua hàng hóa	-	388.977.768		
		Bán hàng hóa	-	165.304.545		
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Vay	1.000.000.000	-		
		Lãi vay	19.561.643	12.328.767		
		Mua dịch vụ	5.018.181	19.982.000		
		Cung cấp dịch vụ	-	1.098.348.018		
		Mua hàng hóa	-	58.520.000		
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	49.076.998	539.927.407		
		Thu hộ	25.307.846	-		
		Mua hàng hóa	-	71.250.000		
		Cung cấp dịch vụ	49.076.998	539.927.407		
		Thu hộ	25.307.846	-		
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	71.250.000		
		Cung cấp dịch vụ	49.076.998	539.927.407		
		Thu hộ	25.307.846	-		

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị:

VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Phụ cấp, lương và thưởng	10.011.478.805	11.300.644.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau:

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	3.020.420.913	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	842.742.141	1.011.124.358
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	620.434.111	-
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	576.240.801	861.703.613
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagoft Angkor	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	101.130.000	725.190.292
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	99.815.100	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	83.209.000	628.631.508
			5.343.992.066	3.226.649.771
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	19.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	325.779.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	38.100.104	-
			19.763.879.104	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Cho vay	33.920.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Cho vay	12.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Cho vay	5.700.000.000	69.600.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho vay	-	5.000.000.000
			52.220.000.000	74.600.000.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Doanh thu hợp tác kinh doanh	1.714.171.477	-
		Lãi cho vay	399.607.893	-
		Thu hộ	75.657.918	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Chi hộ	510.308.473	-
		Lãi cho vay	84.850.685	2.957.118.633
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Chi hộ	115.574.795	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi cho vay	21.369.863	225.205.478
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi cho vay	8.272.728	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty trong cùng Tập Đoàn	Lãi cho vay	5.326.027	-
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Công ty liên kết	Chi hộ	-	18.046.036.491
			2.935.139.859	21.228.360.602
Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Cho vay	31.200.000.000	26.507.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cho vay	18.000.000.000	-
			49.200.000.000	26.507.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Mua dịch vụ	3.360.783.329	5.116.468.256
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	625.205.481	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	4.717.143.500	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	292.008.050	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	2.227.590.000	-
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	4.243.600	4.243.600
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	-	81.395.657
			11.226.973.960	11.202.107.513
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	3.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.259.817.582	2.318.985.940
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	27.948.421	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	-	81.404.180
			4.787.766.003	12.400.390.120
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi chậm nộp	2.943.970.898	3.209.684.596
		Khác	542.095.556	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Lãi vay	163.423.562	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Lãi vay	74.739.726	-
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Công ty liên kết	Thu hộ	25.793.225	120.988.188
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Lãi vay	7.055.000	-
			3.757.077.967	3.330.672.784
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Vay	14.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Vay	9.200.000.000	-
			23.900.000.000	-
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Công ty trong cùng Tập đoàn	Vay	1.000.000.000	-

36 | CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Dưới 1 năm	5.280.776.184	11.991.895.441
Từ 1 – 5 năm	11.803.070.190	26.889.939.043
Trên 5 năm	47.719.185.589	64.285.383.354
TỔNG CỘNG	64.803.031.963	103.167.217.838

Cam kết cho thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Dưới 1 năm	10.070.712.907	9.164.685.000
Từ 1 – 5 năm	6.372.780.159	5.338.449.717
Trên 5 năm	399.300.000	451.307.958
TỔNG CỘNG	16.842.793.066	14.954.442.675

37 | CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Nợ khó đòi đã xử lý		
• Công ty TNHH Nhà hàng Viễn Đông	955.675.405	955.675.405
• Ông Huỳnh Bá Phụng	235.000.559	235.000.559
• Ông Ngô Đình Long	207.057.168	207.057.168
• Công ty TNHH XNK Nông sản Hồng Ân	159.085.000	159.085.000
• Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Du lịch Sài Gòn Quốc tế	141.999.500	141.999.500
• Nhà máy điện Hậu Giang	89.430.165	89.430.165
• Ông Trần Ngọc Nam	86.575.232	86.575.232
• Công ty Cổ phần Asiabooking	62.234.000	62.234.000
• Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Đế Vương	156.606.000	-
• Khác	1.150.965.113	834.790.033
Ngoại tệ các loại		
• USD	22.502,08	6.799
• SGD	-	7.305

38 | SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG
Người lập biểu

BÙI TẤN KHẢI
Kế toán trưởng



TRẦN VÕ HIẾU THUẬN
Quyền Tổng Giám đốc



THÔNG TIN CHUNG CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“CNDKKD”) số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNDKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đối ngoại tệ, đại lý du lịch; kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông NGUYỄN THẾ VINH	Chủ tịch	
Bà PHAN THỊ HỒNG VÂN	Phó Chủ tịch thường trực	bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2020
Bà NGUYỄN THÁI HÀ	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2020
Ông ĐẶNG HUỲNH ANH TUẤN	Thành viên	
Ông HOÀNG MẠNH TIẾN	Thành viên	
Ông VŨ VIẾT BẢN	Thành viên	
Ông ĐỖ HUY HIỆP	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà TRẦN VÕ HIẾU THUẬN	Quyền Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 11 năm 2020
Bà PHAN THỊ HỒNG VÂN	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 2 tháng 11 năm 2020
Ông NGUYỄN VŨ HOÀNG AN	Phó Tổng Giám đốc	
Ông PHAN MINH TRÍ	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2021
Bà LÊ THỤY NHẢ UYÊN	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2020
Bà NGUYỄN THỊ HUỆ TRINH	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 18 tháng 2 năm 2020

Tiểu ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị

Tiểu ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông HOÀNG MẠNH TIẾN	Trưởng ban
Ông VŨ VIẾT BẢN	Thành viên
Ông ĐỖ HUY HIỆP	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thế Vinh.

Bà Trần Võ Hiếu Thuận được Ông Nguyễn Thế Vinh ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định số 19/2020/QĐ-HĐQT ngày 21 tháng 11 năm 2020.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Ngày 29 tháng 3
năm 2021

Thay mặt Ban
Tổng Giám đốc:

TRẦN VÕ HIẾU THUẬN
Quyền Tổng Giám đốc

Số tham chiếu: 61454124/22004698/FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Thành phố
Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Ngày 29 tháng 3
năm 2021

LÊ VŨ TRƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

ĐẶNG MINH TÀI
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2815-2019-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		325.743.247.707	190.807.754.834
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	33.509.813.240	58.376.164.651
111	1. Tiền		33.509.813.240	28.123.558.651
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	30.252.606.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		290.656.882.288	129.734.157.122
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	42.117.614.526	34.140.049.119
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	46.605.464.566	4.029.677.373
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	82.010.000.000	28.032.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	120.623.390.864	63.949.835.124
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 8	(719.670.376)	(436.163.987)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		20.082.708	18.759.493
140	III. Hàng tồn kho	9	1.042.124.108	1.373.906.553
141	1. Hàng tồn kho		1.042.124.108	1.373.906.553
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		534.428.071	1.323.526.508
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	334.061.940	824.129.665
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	78.416.210	111.896.884
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	121.949.921	387.499.959
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.216.135.986.210	1.211.824.133.919
210	I. Khoản phải thu dài hạn		35.000.000	35.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	35.000.000	35.000.000
220	II. Tài sản cố định		138.817.380.070	143.443.958.130
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	108.657.924.617	112.403.558.696
222	Nguyên giá		177.725.305.506	177.250.501.957
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(69.067.380.889)	(64.846.943.261)
227	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	30.159.455.453	31.040.399.434
228	Nguyên giá		40.976.735.812	40.718.781.267
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.817.280.359)	(9.678.381.833)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.836.037.336	1.800.047.836
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	1.836.037.336	1.800.047.836
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	1.057.923.450.193	1.062.336.995.701
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	1.022.015.534.312	1.043.234.115.982
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	43.734.954.724	24.772.623.054
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(7.827.038.843)	(5.669.743.335)
260	V. Tài sản dài hạn khác		17.524.118.611	4.208.132.252
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	17.524.118.611	4.208.132.252
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.541.879.233.917	1.402.631.888.753

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		361.049.307.137	306.373.869.510
310	I. Nợ ngắn hạn		256.139.025.172	207.927.893.530
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	31.976.545.328	11.568.834.552
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	6.951.667.786	4.636.853.713
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.292.222.742	3.839.763.495
314	4. Phải trả người lao động		2.645.281.029	264.018.375
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	6.039.369.913	1.806.851.023
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	142.743.630	388.399.999
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	52.811.849.274	77.329.609.203
320	8. Vay ngắn hạn	21	150.803.818.748	103.730.097.233
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		475.526.722	4.363.465.937
330	II. Nợ dài hạn		104.910.281.965	98.445.975.980
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	14.182.404.716	13.137.174.716
338	2. Vay dài hạn	21	90.727.877.249	85.308.801.264
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.180.829.926.780	1.096.258.019.243
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	1.180.829.926.780	1.096.258.019.243
411	1. Vốn cổ phần		972.766.080.000	926.666.080.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		972.766.080.000	926.666.080.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		106.459.866.414	121.732.866.414
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.719.655.738	6.719.655.738
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		94.884.324.628	41.139.417.091
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		64.139.417.091	6.453.802.292
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		30.744.907.537	34.685.614.799
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.541.879.233.917	1.402.631.888.753

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG
Người lập biểu

BÙI TẤN KHẢI
Kế toán trưởng

TRẦN VÕ HIẾU THUẬN
Quyền Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	231.726.955.143	348.766.142.451
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(2.720.455)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	231.724.234.688	348.766.142.451
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(162.977.176.681)	(252.038.671.297)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		68.747.058.007	96.727.471.154
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	35.589.238.424	44.892.939.749
22	7. Chi phí tài chính	25	(22.072.076.410)	(16.334.182.815)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(19.910.619.412)</i>	<i>(14.467.623.085)</i>
25	8. Chi phí bán hàng	26	(13.037.124.204)	(35.986.928.609)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(44.728.913.019)	(58.240.891.763)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.498.182.798	31.058.407.716
31	11. Thu nhập khác	27	8.400.021.622	5.253.926.667
32	12. Chi phí khác	27	(728.935.627)	(1.113.869.168)
40	13. Lợi nhuận khác	27	7.671.085.995	4.140.057.499
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.169.268.793	35.198.465.215
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(1.424.361.256)	(512.850.416)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		30.744.907.537	34.685.614.799

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG
Người lập biểu

BÙI TẤN KHẢI
Kế toán trưởng

TRẦN VÕ HIẾU THUẬN
Quyền Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	I. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.169.268.793	35.198.465.215
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	6.582.881.049	11.286.294.593
03	Dự phòng		2.440.801.897	1.921.871.643
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.524.517)	(2.580.849)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(35.730.267.426)	(45.059.913.301)
06	Chi phí lãi vay	25	19.910.619.412	14.467.623.085
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		25.368.779.208	17.811.760.386
09	Tăng các khoản phải thu		(108.624.718.815)	(20.848.691.253)
10	Giảm hàng tồn kho		331.782.445	239.044.393
11	Tăng các khoản phải trả		56.266.214.0919	12.317.172.467
12	Tăng chi phí trả trước		(12.825.918.634)	(12.275.826)
14	Tiền lãi vay đã trả		(18.218.252.017)	(14.428.869.120)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(512.850.416)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	4.136.223.998
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.887.939.215)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(61.590.052.937)	(1.298.485.371)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.536.833.012)	(9.400.635.780)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		209.768.348	3.181.535.648
23	Tiền chi cho vay		(166.030.000.000)	5.427.250.000
24	Tiền thu hồi cho vay		112.052.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(55.950.000.000)	(50.050.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		65.325.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		30.157.354.173	44.872.254.325
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(15.772.710.491)	(5.969.595.807)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
33	Tiền thu từ đi vay	21	298.143.909.949	297.509.992.774
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(245.651.112.449)	(240.942.679.843)
36	Cổ tức đã trả	22.2	(910.000)	(3.910.147.425)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		52.491.887.500	52.657.165.506
50	(Giảm) tăng tiền thuần trong năm		(24.870.875.928)	45.389.084.328
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		58.376.164.651	12.986.210.124
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.524.517	870.199
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	33.509.813.240	58.376.164.651

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG
Người lập biểu

BÙI TẤN KHẢI
Kế toán trưởng

TRẦN VÕ HIẾU THUẬN
Quyền Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

01 | THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNDKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài, buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 191 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 437).

02 | CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 | MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 | CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 | HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 | KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 | ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

03 | TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 | HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

154

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định như chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 | CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 | THUÊ TÀI SẢN

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 | KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

	Năm nay	Năm trước
Quyền sử dụng đất	39 năm	39 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm	8 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm	3 - 12 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm	6 - 12 năm
Tài sản khác	10 - 25 năm	3 - 15 năm

155

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình, để phần ảnh phù hợp hơn tình hình sử dụng của các tài sản trên. Ảnh hưởng do sự thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình được trình bày tại Thuyết minh số 11 và 12.

3.8 | CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 | CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 | CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Chi phí bảo hiểm;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng.

3.11 | CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.12 | CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được

hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 | CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 | PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 | GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, giải trí và hoạt động kinh doanh khác

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, phí dịch vụ giặt ủi và các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao và dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính riêng có liên quan.

3.16 | THUẾ

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 | CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

04 | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Cam kết thuê hoạt động

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt	109.425.587	291.620.187
Tiền gửi ngân hàng	33.385.617.653	27.768.272.175
Tiền đang chuyển	14.770.000	63.666.289
Các khoản tương đương tiền	-	30.252.606.000
TỔNG CỘNG	33.509.813.240	58.376.164.651

05 | PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Các bên khác	10.969.372.382	16.075.998.880
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	31.148.242.144	18.064.050.239
TỔNG CỘNG	42.117.614.526	34.140.049.119
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(175.532.427)	(59.279.027)
GIÁ TRỊ THUẦN	41.942.082.099	34.080.770.092

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Số đầu năm	59.279.027	112.919.633
Dự phòng trích lập trong năm	116.253.400	(53.640.606)
Số cuối năm	175.532.427	59.279.027

06 | TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Các bên khác	2.167.364.462	4.029.677.373
Các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	44.438.100.104	-
TỔNG CỘNG	46.605.464.566	4.029.677.373
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(134.315.460)	(134.315.460)
GIÁ TRỊ THUẦN	46.471.149.106	3.895.361.913

07 | PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Các bên khác	16.500.000.000	-
Các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	65.510.000.000	28.032.000.000
TỔNG CỘNG	82.010.000.000	28.032.000.000

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay tín chấp được trình bày như sau:

BÊN ĐI VAY	SỐ CUỐI NĂM VNĐ	NGÀY ĐÁO HẠN	LÃI SUẤT %/NĂM
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	33.920.000.000	Từ ngày 12 tháng 8 năm 2021 đến ngày 18 tháng 12 năm 2021	11
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	18.990.000.000	Ngày 24 tháng 12 năm 2021	12
Bà Triệu Phi Yến	16.500.000.000	Ngày 8 tháng 5 năm 2021	10,6
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	12.600.000.000	Ngày 11 tháng 8 năm 2021	10,8
TỔNG CỘNG	82.010.000.000		

08 | PHẢI THU KHÁC

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngắn hạn	120.623.390.864	63.949.835.124
• Ký quỹ	58.115.500.000	15.049.960.546
• Các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	38.067.662.625	25.443.791.090
• Tạm ứng cho nhân viên	20.360.296.793	20.106.506.048
• Lãi cho vay phải thu	1.145.148.496	165.767.704
• Khác	2.934.782.950	3.183.809.736
Dài hạn	35.000.000	35.000.000
• Ký quỹ	35.000.000	35.000.000
TỔNG CỘNG	120.658.390.864	63.984.835.124
• Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(409.822.489)	(242.569.500)
GIÁ TRỊ THUẦN	120.248.568.375	63.742.265.624

09 | HÀNG TỒN KHO

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Nguyên vật liệu	644.628.851	718.969.645
Hàng hóa	248.189.013	488.294.300
Công cụ, dụng cụ	149.306.244	166.642.608
TỔNG CỘNG	1.042.124.108	1.373.906.553

10 | CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngắn hạn	334.061.940	824.129.665
• Chi phí bảo hiểm	130.842.800	99.091.789
• Công cụ, dụng cụ xuất dùng	110.225.257	674.141.060
• Khác	92.993.883	50.896.816
Dài hạn	17.524.118.611	4.208.132.252
• Chi phí hợp tác kinh doanh (*)	14.000.000.000	-
• Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.875.188.315	3.764.584.859
• Khác	648.930.296	443.547.393
TỔNG CỘNG	17.858.180.551	5.032.261.917

(*) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 531/2019/HĐHTKD/TTCT-ĐT ký với Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận ngày 12 tháng 12 năm 2019 để cùng kinh doanh Khu nghỉ dưỡng tại Tỉnh Ninh Thuận. Chi phí này được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2020.

160

161

11 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	NHÀ CỬA VÀ VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	THIẾT BỊ VĂN PHÒNG	KHÁC	TỔNG CỘNG
Số đầu năm	141.074.900.014	13.214.553.988				
Mua trong năm	24.914.798	286.539.000	17.745.291.056	1.598.522.487	3.617.234.412	177.250.501.957
Xóa sổ	(1.048.501.315)	-	937.800.769	509.181.000	-	1.758.435.567
Thanh lý	-	(200.130.703)	-	-	-	(1.048.501.315)
Số cuối năm	140.051.313.497	13.300.962.285	-	-	(35.000.000)	(235.130.703)
<i>Trong đó:</i> <i>Đã khấu hao hết</i>	<i>2.223.548.547</i>	<i>2.583.256.420</i>	<i>-</i>	<i>1.509.262.543</i>	<i>-</i>	<i>6.316.067.510</i>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	48.875.067.971	6.903.943.788	5.482.156.664	1.566.284.805	2.019.490.033	64.846.943.261
Khấu hao trong năm	2.887.496.136	770.077.191	1.608.532.537	18.040.127	159.836.532	5.443.982.523
Xóa sổ	(1.048.501.315)	-	-	-	-	(1.048.501.315)
Thanh lý	-	(167.589.876)	-	-	(7.453.704)	(175.043.580)
Số cuối năm	50.714.062.792	7.506.431.103	7.090.689.201	1.584.324.932	2.171.872.861	69.067.380.889
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	92.199.832.043	6.310.610.200	12.263.134.392	32.237.682	1.597.744.379	112.403.558.696
Số cuối năm	89.337.250.705	5.794.531.182	11.592.402.624	523.378.555	1.410.361.551	108.657.924.617
<i>Trong đó:</i> <i>Tài sản thế chấp cho các khoản vay</i> <i>(Thuyết minh số 21)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>4.873.183.300</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>4.873.183.300</i>

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, từ ngày 1 tháng 1 năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã thay đổi ước tính về thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định hữu hình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc tăng thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng của các tài sản này. Theo đó, chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo thời gian hữu dụng mới là 5.443.982.523 VND (chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo thời gian hữu dụng cũ là 12.778.931.368 VND).

12 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH			
	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY TÍNH	KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá				
Số đầu năm	38.892.426.817	1.336.000.000	490.354.450	40.718.781.267
• Mua trong năm	-	-	257.954.545	257.954.545
• Số cuối năm	38.892.426.817	1.336.000.000	748.308.995	40.976.735.812
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	8.957.774.831	368.333.334	352.273.668	9.678.381.833
• Hao mòn trong năm	995.057.676	123.358.248	20.482.602	1.138.898.526
• Số cuối năm	9.952.832.507	491.691.582	372.756.270	10.817.280.359
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	29.934.651.986	967.666.666	138.080.782	31.040.399.434
Số cuối năm	28.939.594.310	844.308.418	375.552.725	30.159.455.453

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, từ ngày 1 tháng 1 năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã thay đổi ước tính về thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định vô hình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc tăng thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng của các tài sản này. Theo đó, chi phí hao mòn tài sản cố định vô hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo thời gian hữu dụng mới là 1.138.898.526 VND (chi phí hao mòn tài sản cố định vô hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo thời gian hữu dụng cũ là 1.223.598.003 VND).

13 | CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Dự án Khu vui chơi Phú Quốc	1.470.947.836	1.710.947.836
Khác	365.089.500	89.100.000
TỔNG CỘNG	1.836.037.336	1.800.047.836

14 | ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)	1.022.015.534.312	1.043.234.115.982
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.2)	43.734.954.724	24.772.623.054
TỔNG CỘNG	1.065.750.489.036	1.068.006.739.036
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(7.827.038.843)	(5.669.743.335)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.057.923.450.193	1.062.336.995.701

14.1 | ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

TÊN CÔNG TY CON	TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG	LĨNH VỰC KINH DOANH	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
			CHI PHÍ ĐẦU TƯ (VND)	% SỞ HỮU	CHI PHÍ ĐẦU TƯ (VND)	% SỞ HỮU
Công ty TNHH Du lịch TTC (*)	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	483.295.516.000	100	433.295.516.000	100
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và vui chơi giải trí	442.218.911.050	100	442.218.911.050	100
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	77.419.955.000	74,8	77.419.955.000	74,8
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	13.081.152.262	100	13.081.152.262	100
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC (**)	Đang hoạt động	Dịch vụ lữ hành	5.000.000.000	100	-	-
Công ty TNHH MTV Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan	Đang hoạt động	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	1.000.000.000	100	50.000.000	100
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre (***)	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	-	-	77.168.581.670	84,45
TỔNG CỘNG			1.022.015.534.312		1.043.234.115.982	

(*) Trong năm, Công ty đã tăng vốn góp vào Công ty TNHH Du lịch TTC theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/2020/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/2020/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 3 năm 2020.

(**) Trong năm, Công ty đã tăng vốn góp vào Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 09/2020/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 3 năm 2020.

(***) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 63,7% quyền sở hữu của Công ty trong Bến Tre cho một nhà đầu tư khác theo Hợp đồng Chuyển nhượng Vốn góp ngày 30 tháng 6 năm 2020 với tổng giá trị là 65.325.000.000 VND và ghi nhận khoản lãi ròng là 7.118.780.955 VND. Theo đó, Công ty hiện chỉ còn quyền sở hữu 20,75% trong Bến Tre tại ngày 30 tháng 6 năm 2020. Nghiệp vụ này đã được phê duyệt theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/2020/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2020.

14.2 | ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

TÊN CÔNG TY LIÊN KẾT	TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG	LĨNH VỰC KINH DOANH	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM		
			CHI PHÍ ĐẦU TƯ (VND)	DỰ PHÒNG	% SỞ HỮU	CHI PHÍ ĐẦU TƯ (VND)	DỰ PHÒNG	% SỞ HỮU
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	24.772.623.054	(7.827.038.843)	49	24.772.623.054	(5.669.743.335)	49
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Đang hoạt động	Dịch vụ nhà hàng	18.962.331.670	-	20,8	-	-	-
GIÁ TRỊ THUẦN			43.734.954.724	(7.827.038.843)		24.772.623.054	(5.669.743.335)	

15 | PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	24.326.201.201	6.758.052.994
Các bên khác	7.650.344.127	4.810.781.558
TỔNG CỘNG	31.976.545.328	11.568.834.552

16 | NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	3.528.339.243	1.799.000
Các bên khác	3.423.328.543	4.635.054.713
• Công ty TNHH Agoda International Việt Nam	428.589.416	1.041.394.789
• Khác	2.994.739.127	3.593.659.924
TỔNG CỘNG	6.951.667.786	4.636.853.713

17 | THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND	SỐ ĐẦU NĂM	TĂNG TRONG NĂM	GIẢM TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	2.863.275.199	6.872.711.917	(6.683.612.698)	3.052.374.418
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.424.361.256	(309.064.508)	1.115.296.748
Thuế thu nhập cá nhân	926.066.518	1.522.513.094	(2.340.485.614)	108.093.998
Thuế tiêu thụ đặc biệt	37.293.737	163.630.304	(195.818.991)	5.105.050
Thuế tài nguyên	-	139.401.600	(139.401.600)	-
Thuế khác	13.128.041	82.094.892	(83.870.405)	11.352.528
TỔNG CỘNG	3.839.763.495	10.204.713.063	(9.752.253.816)	4.292.222.742
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	350.375	121.949.921	(350.375)	121.949.921
Thuế giá trị gia tăng	111.896.884	10.597.211.089	(10.630.691.763)	78.416.210
Thuế thu nhập doanh nghiệp	387.149.584	-	(387.149.584)	-
TỔNG CỘNG	499.396.843	10.719.161.010	(11.018.191.722)	200.366.131

18 | CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí thuê đất	3.285.244.800	-
Lương tháng 13	2.045.458.919	-
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	539.515.437	1.090.000.000
Chi phí lãi vay	148.089.855	181.017.620
Khác	21.060.902	535.833.403
TỔNG CỘNG	6.039.369.913	1.806.851.023

19 | DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện các khoản tiền nhận trước từ khách hàng về việc thuê phòng khách sạn.

20 | PHẢI TRẢ KHÁC

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện các khoản tiền nhận trước từ khách hàng về việc thuê phòng khách sạn.

VND	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngắn hạn	52.811.849.274	77.329.609.203
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	48.617.121.383	7.351.709.665
Chi phí lãi vay	1.725.295.160	-
Nhận ký quỹ	1.056.500.000	1.106.500.000
Cổ tức phải trả	245.585.525	8.388.104.941
Cán bộ nhân viên đặt cọc mua cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP)	-	53.937.000.000
Khác	1.167.347.206	6.546.294.597
Dài hạn	14.182.404.716	13.137.174.716
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	11.919.404.716	11.919.404.716
Nhận ký quỹ	2.263.000.000	1.217.770.000
TỔNG CỘNG	66.994.253.990	90.466.783.919

21 | VAY

VND

	SỐ ĐẦU NĂM	VAY	PHÂN LOẠI LẠI	TRẢ NỢ VAY	SỐ CUỐI NĂM
Ngắn hạn	103.730.097.233	231.419.707.999	14.603.201.224	(198.949.187.708)	150.803.818.748
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	93.578.521.307	146.517.567.195	-	(147.344.827.316)	92.751.261.186
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 21.2)	1.400.000.000	40.986.890.000	2.900.000.000	(25.458.000.000)	19.828.890.000
Vay các bên khác (Thuyết minh số 21.3)	-	40.535.000.000	-	(15.335.000.000)	25.200.000.000
Vay thấu chi ngân hàng	842.730.163	2.629.979.440	-	(2.902.514.629)	570.194.974
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 21.4)	7.908.845.763	-	10.713.970.280	(7.908.845.763)	10.713.970.280
Vay dài hạn các bên khác đến hạn trả	-	-	1.739.502.308	-	1.739.502.308
Dài hạn	85.308.801.264	66.724.201.950	(14.603.201.224)	(46.701.924.741)	90.727.877.249
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.4)	31.994.501.264	4.606.602.780	(9.963.698.916)	(2.542.708.597)	24.094.696.531
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 21.5)	41.024.000.000	14.945.000.000	(2.900.000.000)	(20.124.000.000)	32.945.000.000
Vay các bên khác (Thuyết minh số 21.6)	12.290.300.000	47.172.599.170	(1.739.502.308)	(24.035.216.144)	33.688.180.718
TỔNG CỘNG	189.038.898.497	298.143.909.949	-	(245.651.112.449)	241.531.695.997

21.1 | VAY NGẮN HẠN NGÂN HÀNG

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

VND

NGÂN HÀNG	SỐ CUỐI NĂM VND	KỶ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI	LÃI SUẤT %/ NĂM	MỤC ĐÍCH	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk					
Khoản vay 1	52.756.346.176	Từ ngày 27 tháng 1 năm 2021 đến ngày 23 tháng 6 năm 2021	9,9	Tài trợ vốn lưu động	5.000.000 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (“TTCI”); và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	39.037.762.761	Từ ngày 23 tháng 3 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021	Từ 4,6 đến 6,5	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định					
Khoản vay 1	957.152.249	Từ ngày 16 tháng 5 năm 2021 đến ngày 22 tháng 5 năm 2021	8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	92.751.261.186				

21.2 | VAY NGẮN HẠN BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan như sau:

VND

BÊN CHO VAY	SỐ CUỐI NĂM VND	KỶ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI	LÃI SUẤT %/ NĂM	MỤC ĐÍCH	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng					
Khoản vay 1	11.500.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 2	4.000.000.000	Ngày 4 tháng 12 năm 2021	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 3	900.000.000	Ngày 4 tháng 12 năm 2021	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 4	853.890.000	Ngày 3 tháng 8 năm 2021	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 5	800.000.000	Ngày 26 tháng 11 năm 2021	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 6	575.000.000	Ngày 30 tháng 11 năm 2021	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre					
Khoản vay 1	900.000.000	Ngày 20 tháng 11 năm 2021	10,5	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 2	300.000.000	Ngày 20 tháng 11 năm 2021	10,5	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	19.828.890.000				

21.3 | VAY NGẮN HẠN TỪ CÁC BÊN KHÁC

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ các bên khác như sau:

VND

BÊN CHO VAY	SỐ CUỐI NĂM VND	KỶ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI	LÃI SUẤT %/ NĂM	MỤC ĐÍCH	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín					
Khoản vay 1	15.600.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	9,5	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 2	5.600.000.000	Ngày 27 tháng 9 năm 2021	9,5	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 3	1.000.000.000	Ngày 6 tháng 8 năm 2021	10,5	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Ông Trần Long Hải	3.000.000.000	Ngày 12 tháng 5 năm 2021	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	25.200.000.000				

21.4 | VAY DÀI HẠN NGÂN HÀNG

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

VND	NGÂN HÀNG	SỐ CUỐI NĂM	KỶ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI	LÃI SUẤT %/ NĂM	MỤC ĐÍCH	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk						
	Khoản vay 1	16.000.926.786	Từ ngày 7 tháng 3 năm 2021 đến ngày 26 tháng 6 năm 2025	Từ 10,5 đến 11	Tài trợ vốn lưu động	5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
	Khoản vay 2	11.289.856.693	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2021 đến ngày 29 tháng 10 năm 2025	Từ 10,5 đến 11,2	Tài trợ vốn lưu động	5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
	Khoản vay 3	1.894.428.668	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2021 đến ngày 26 tháng 4 năm 2024	Từ 10,5 đến 11,1	Tài trợ vốn lưu động	5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh						
	Khoản vay 1	2.123.333.310	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2021 đến ngày 9 tháng 2 năm 2023	7,9	Tài trợ vốn lưu động	Phương tiện vận tải
	Khoản vay 2	329.599.990	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2021 đến ngày 28 tháng 6 năm 2023	8,5	Tài trợ vốn lưu động	Phương tiện vận tải
	Khoản vay 3	198.000.000	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2021 đến ngày 29 tháng 12 năm 2021	7,9	Tài trợ vốn lưu động	Phương tiện vận tải
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình						
	Khoản vay 1	1.877.850.000	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2021 đến ngày 29 tháng 3 năm 2024	8,9	Tài trợ vốn lưu động	Phương tiện vận tải
	Khoản vay 2	344.400.000	Từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 17 tháng 12 năm 2023	8,9	Tài trợ vốn lưu động	Phương tiện vận tải
Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh						
	Khoản vay 1	459.252.321	Ngày 3 tháng 7 năm 2021	6,2	Tài trợ vốn lưu động	Tài sản khách sạn TTC Hotel – Cần Thơ
	Khoản vay 1	291.019.043	Ngày 16 tháng 7 năm 2021	6,2	Tài trợ vốn lưu động	Tài sản khách sạn TTC Hotel – Cần Thơ
		34.808.666.811				
	Trong đó:					
	Vay dài hạn đến hạn trả	10.713.970.280				
	Vay dài hạn	24.094.696.531				

21.5 | VAY DÀI HẠN TỪ BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các bên liên quan được trình bày như sau

VND	NGÂN HÀNG	SỐ CUỐI NĂM	KỶ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI	LÃI SUẤT %/ NĂM	MỤC ĐÍCH	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình						
	Khoản vay 1	7.700.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
	Khoản vay 2	2.800.000.000	Ngày 14 tháng 11 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
	Khoản vay 3	2.600.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
	Khoản vay 4	2.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
	Khoản vay 5	1.300.000.000	Ngày 26 tháng 11 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
	Khoản vay 6	1.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
	Khoản vay 7	1.000.000.000	Ngày 25 tháng 8 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
	Khoản vay 8	600.000.000	Ngày 1 tháng 8 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
	Khoản vay 9	500.000.000	Ngày 29 tháng 8 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
	Khoản vay 10	500.000.000	Ngày 30 tháng 8 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng						
	Khoản vay 1	7.345.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
	Khoản vay 2	5.600.000.000	Ngày 25 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
		32.945.000.000				
	Trong đó:					
	Vay dài hạn	32.945.000.000				

21.6 | VAY DÀI HẠN TỪ CÁC BÊN KHÁC

Các khoản vay dài hạn là các khoản vay từ các nhân viên của Công ty để tài trợ vốn lưu động trong năm. Các khoản vay này có thời hạn 2 năm, đáo hạn từ 19 tháng 12 năm 2021 tới 31 tháng 12 năm 2022, với lãi suất 10,75%/năm và không có tài sản bảo đảm.

22 | VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 | TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

VND

	VỐN CỔ PHẦN	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	TỔNG CỘNG
Năm trước					
Số đầu năm	837.044.050.000	38.493.268.364	6.719.655.738	12.969.917.803	895.226.891.905
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	34.685.614.799	34.685.614.799
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.281.204.232)	(6.281.204.232)
Phát hành cổ phiếu hoán đổi	89.622.030.000	83.796.598.000	-	-	173.418.628.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(556.999.950)	-	-	(556.999.950)
Giảm khác	-	-	-	(234.911.279)	(234.911.279)
SỐ CUỐI NĂM	926.666.080.000	121.732.866.414	6.719.655.738	41.139.417.091	1.096.258.019.243
Năm nay					
Số đầu năm	926.666.080.000	121.732.866.414	6.719.655.738	41.139.417.091	1.096.258.019.243
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	30.744.907.537	30.744.907.537
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên (*)	46.100.000.000	7.837.000.000	-	-	53.937.000.000
Chi phí phát cổ phiếu	-	(110.000.000)	-	-	(110.000.000)
Kết chuyển từ thặng dư vốn (**)	-	(23.000.000.000)	-	23.000.000.000	-
SỐ CUỐI NĂM	972.766.080.000	106.459.866.414	6.719.655.738	94.884.324.628	1.180.829.926.780

(*) Vào ngày 3 tháng 1 năm 2020, Công ty đã phát hành 4.610.000 cổ phiếu với mức giá phát hành là 11.700 VND/cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo kế hoạch thực hiện quyền sở hữu cổ phần cho người lao động theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019. Việc tăng vốn này được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 22 ngày 5 tháng 2 năm 2020.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc sử dụng một phần nguồn thặng dư vốn cổ phần để xóa lỗ lũy kế. Theo đó, số tiền thặng dư vốn cổ phần dùng để xóa lỗ lũy kế là 23.000.000.000 VND.

22.2 | CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	926.666.080.000	837.044.050.000
Tăng trong năm	46.100.000.000	89.622.030.000
Số cuối năm	972.766.080.000	926.666.080.000
Cổ tức đã trả	910.000	3.910.147.425

22.3 | CỔ PHIẾU

	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	
	SỐ CUỐI NĂM (CỔ PHIẾU)	SỐ ĐẦU NĂM (CỔ PHIẾU)
Cổ phiếu được phép phát hành	97.276.608	92.666.608
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	97.276.608	92.666.608
• Cổ phiếu phổ thông	97.276.608	92.666.608
Cổ phiếu đang lưu hành	97.276.608	92.666.608
• Cổ phiếu phổ thông	97.276.608	92.666.608

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23 | DOANH THU

23.1 | DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	212.086.613.515	344.180.567.385
Doanh thu thuần về bán hàng	19.170.106.021	2.926.625.572
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài	467.515.152	1.658.949.494
TỔNG CỘNG	231.724.234.688	348.766.142.451
Trong đó:		
Doanh thu thuần đối với bên thứ ba	127.316.451.293	286.118.906.459
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan	104.407.783.395	62.647.235.992

23.2 | DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Cổ tức được chia	23.500.000.000	41.468.269.997
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư trong công ty con	7.118.750.000	-
Lãi tiền gửi, cho vay	4.961.836.201	3.403.984.328
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.652.223	19.781.424
Khác	-	904.000
TỔNG CỘNG	35.589.238.424	44.892.939.749

24 | GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá vốn dịch vụ cung cấp	144.521.561.930	248.214.897.432
Giá vốn hàng bán	17.522.586.631	2.563.167.179
Giá vốn hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài	933.028.120	1.260.606.686
TỔNG CỘNG	162.977.176.681	252.038.671.297

25 | CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí lãi vay	19.910.619.412	14.467.623.085
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	2.157.295.508	1.856.321.499
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.081.437	10.229.858
Khác	80.053	8.373
TỔNG CỘNG	22.072.076.410	16.334.182.815

26 | CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	6.829.685.979	22.342.502.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.940.000.000	9.514.471.854
Chi phí quảng cáo	1.357.453.355	2.016.698.535
Chi phí khấu hao và hao mòn	16.587.077	180.206.612
Chi phí khác	1.893.397.793	1.933.048.662
TỔNG CỘNG	13.037.124.204	35.986.928.609
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	31.003.211.485	37.520.419.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.527.897.616	9.980.718.020
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.540.277.072	2.888.011.163
Chi phí khác	8.657.526.846	7.851.743.023
TỔNG CỘNG	44.728.913.019	58.240.891.763

27 | THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Thu nhập khác	8.400.021.622	5.253.926.667
Xóa nợ phải trả	8.132.524.541	4.008.603.410
Khác	267.497.081	1.245.323.257
Chi phí khác	728.935.627	1.113.869.168
Tiền phạt	32.445.285	228.543.210
Lỗ từ thanh lý tài sản	303.206.208	-
Tài trợ quỹ chung tay vì cộng đồng	-	500.000.000
Khác	393.284.134	385.325.958
LỢI NHUẬN KHÁC	7.671.085.995	4.140.057.499

28 | CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.855.726.050	235.421.335.495
Chi phí nhân viên	49.480.792.688	79.774.081.769
Chi phí nguyên vật liệu	4.352.093.734	7.226.770.605
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	6.582.881.049	11.286.294.593
Giá vốn hàng hóa đã bán	17.522.586.631	2.563.167.179
Chi phí khác	9.949.133.752	9.994.842.028
TỔNG CỘNG	220.743.213.904	346.266.491.669

29 | THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 | CHI PHÍ THUẾ TNDN

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.901.117.291	512.850.416
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP	(476.756.035)	-
TỔNG CỘNG	1.424.361.256	512.850.416

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.169.268.793	35.198.465.215
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	6.433.853.758	7.039.693.043
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	830.072.969	512.561.313
Cổ tức được chia	(4.700.000.000)	(8.293.653.999)
Chênh lệch tạm thời từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn chưa ghi nhận thuế hoãn lại	431.459.102	1.133.948.667
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP (*)	(476.756.035)	-
Lỗi năm trước chuyển sang	(1.094.268.538)	(392.549.024)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	512.850.416
Chi phí thuế TNDN	1.424.361.256	512.850.416

(*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 sửa đổi Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 do Chính phủ ban hành về quy định mức tỷ lệ lãi vay được khấu trừ áp dụng từ năm tính thuế 2019, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh giảm chi phí TNDN trong năm hiện hành với tổng giá trị là 476.756.035 VND.

29.2 | THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29.3 | LỖ CHUYỂN SANG CÁC NĂM SAU

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 0 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.366.184.683 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND	NĂM PHÁT SINH	CÓ THỂ CHUYỂN LỖ ĐẾN NĂM	LỖ TÍNH THUẾ	ĐÃ CHUYỂN LỖ ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020	KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN LỖ	CHƯA CHUYỂN LỖ TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020
	2018	2023	7.434.087.807	(7.434.087.807)	-	-

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

29.4 | TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI CHƯA ĐƯỢC GHI NHẬN

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục chênh lệch tạm thời sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

VND	KHOẢN MỤC	SỐ TIỀN
	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	7.827.038.843
	Chi phí lãi vay	1.139.813.112
	TỔNG CỘNG	8.966.851.955

30 | NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

VND	BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Dịch vụ bán vé máy bay	40.200.158.906	917.682.959
			Dịch vụ khác	289.675.454	-
			Dịch vụ lưu trú	120.752.384	949.275.496
			Lãi cho vay	120.000.000	-
			Dịch vụ nhà hàng	18.926.709	-
	Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Mua dịch vụ	18.050.640.209	59.608.053.704
			Cổ tức được chia	18.000.000.000	14.168.269.997
			Dịch vụ tư vấn	11.000.000.000	13.015.672.246
			Bán hàng hóa	10.069.679.091	-
			Phạt vi phạm hợp đồng	3.536.000.000	-
			Bán xe	128.709.860	-
			Lãi cho vay	50.841.095	1.664.422.787
			Dịch vụ lữ hành	5.939.397	1.516.611.182
	Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Dịch vụ tư vấn	15.000.000.000	-
			Mua dịch vụ	13.994.675.016	3.434.308.496
			Phí tư vấn	12.000.000.000	22.000.000.000
			Bán hàng hóa	608.466.982	-
			Mua tài sản	277.500.000	-
			Mua hàng hóa	272.000.000	371.113.840
			Lãi vay	261.290.166	577.121.044
			Lãi cho vay	241.470.745	176.747.947
			Dịch vụ khác	120.153.398	688.280.134
			Dịch vụ lữ hành	31.699.576	979.060.455
	Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Dịch vụ du lịch	13.705.967.292	-
			Dịch vụ bán vé máy bay	1.577.810.046	-
			Phí du lịch	395.362.548	-
			Phí lưu trú	161.627.273	-
			Phí nhà hàng	144.844.974	-
			Dịch vụ lữ hành	66.213.634	-
	Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Mua dịch vụ	11.250.102.035	21.304.352.953
			Lãi cho vay	771.738.628	-
	Công ty Cổ phần Du lịch Đông Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	8.400.898.535	15.760.926.916
			Phí hợp tác kinh doanh	6.000.000.000	-
			Bán hàng hóa	3.697.816.038	-
			Mua hàng hóa	189.048.649	-

30 | NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

VND

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Dịch vụ tư vấn	2.500.000.000	-
		Dịch vụ bán vé máy bay	507.443.005	601.846.002
		Dịch vụ nhà hàng	304.538.616	-
		Dịch vụ lữ hành	224.293.938	-
		Lãi cho vay	216.803.836	-
		Bán hàng hóa	215.735.208	-
		Chi phí vận chuyển	71.363.636	-
		Chi phí lãi vay	13.463.013	-
		Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty con	Lãi vay
		Mua dịch vụ	1.899.930.463	9.782.322.471
		Bán hàng hóa	1.625.009.719	-
		Chi phí thuê văn phòng	1.371.077.224	-
		Phí ăn trưa	468.510.908	-
		Tiền điện	277.854.098	-
		Bán xe	257.419.720	-
		Thanh lý tài sản cố định	175.256.034	-
		Dịch vụ cho thuê văn phòng	144.720.000	1.034.160.000
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Công ty con	Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	1.078.000.000	385.000.000
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Dịch vụ bán vé máy bay	965.253.687	2.663.443.033
		Dịch vụ lữ hành	56.774.445	1.245.339.996
		Mua dịch vụ	30.923.362	553.983.801
		Dịch vụ khác	16.561.839	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Cho vay	12.600.000.000	-
		Vay	2.000.000.000	-
		Lãi vay	897.070.082	1.608.482.957
		Lãi cho vay	533.135.343	-
		Dịch vụ lữ hành	129.890.908	328.942.091
		Bán hàng hóa	74.406.296	-
		Cung cấp dịch vụ	13.076.364	-
		Mua dịch vụ	4.146.364	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Dịch vụ bán vé máy bay	539.501.090	3.585.532.751
		Cung cấp dịch vụ	33.595.818	-
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagoft Angkor	Công ty liên kết	Dịch vụ bán vé máy bay	49.076.998	539.791.043
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty con	Lãi cho vay	43.457.534	-

30 | NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị:

VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Phụ cấp, lương và thưởng	10.011.478.805	11.300.644.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau:

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	14.829.975.680	5.967.837.929
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	9.866.032.063	3.473.578.776
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	2.987.313.000	410.255.620
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.707.411.971	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	618.484.111	86.257.618
Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	530.602.900	1.011.124.358
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	379.868.419	1.583.491.421
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	103.145.000	822.095.813
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	83.209.000	602.976.048
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	42.200.000	3.168.016.592
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	624.060.292
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	314.355.772
TỔNG CỘNG			31.148.242.144	18.064.050.239
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Mua dịch vụ	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	19.400.000.000	-
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Mua dịch vụ	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	38.100.104	-
TỔNG CỘNG			44.438.100.104	-

30 | NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Đặt cọc	23.505.250.000	-
		Chi hộ	2.295.770.000	254.931.507
		Lãi cho vay	10.885.479	-
		Cổ tức được chia	-	6.000.000.000
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Cổ tức được chia	5.500.000.000	-
		Chi hộ	4.065.801.875	432.941.025
		Lãi cho vay	50.841.095	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Thu nhập từ hợp đồng HTKD	1.714.171.477	-
		Lãi cho vay	363.585.645	-
		Chi hộ	65.716.000	-
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Lãi cho vay	199.835.343	-
		Chi hộ	127.837.500	249.850.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Lãi cho vay	115.574.795	-
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Công ty liên kết	Chi hộ	-	18.042.846.080
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	21.369.863	-
		Lãi cho vay	-	225.205.478
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty con	Lãi cho vay	13.501.370	-
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	8.272.728	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Chi hộ	4.545.455	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty con	Chi hộ	4.114.000	238.017.000
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Chi hộ	590.000	-
TỔNG CỘNG			38.067.662.625	25.443.791.090
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty con	Cho vay	33.920.000.000	11.692.000.000
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Cho vay	18.990.000.000	4.540.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Cho vay	12.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Cho vay	-	6.800.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho vay	-	5.000.000.000
TỔNG CỘNG			65.510.000.000	28.032.000.000

30 | NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Mua dịch vụ	16.254.854.079	342.022.689
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Mua dịch vụ	4.773.994.109	2.041.517.913
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Mua dịch vụ	1.120.270.525	2.726.649.005
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Mua dịch vụ	977.428.690	480.751.250
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	614.533.500	765.050.621
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty con	Mua dịch vụ	399.272.098	366.248.206
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Mua dịch vụ	158.558.200	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	22.675.310
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	27.290.000	13.138.000
TỔNG CỘNG			24.326.201.201	6.758.052.994
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	3.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	27.529.243	1.799.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	810.000	-
TỔNG CỘNG			3.528.339.243	1.799.000
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Đặt cọc	45.000.000.000	-
		Lãi vay	25.401.863	-
		Thu hộ	24.141.000	140.277.003
		Cổ tức được chia	-	5.167.107.759
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Đặt cọc	2.800.000.000	-
		Khác	900.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Lãi vay	247.186.056	26.900.822
		Thu hộ	50.875.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty con	Lãi vay	249.315.067	1.170.948.656
		Thu hộ	8.180.000	-
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Công ty con	Chi phí được chia từ BCC	169.400.000	677.600.000
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty con	Lãi vay	14.764.384	15.835.617
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Lãi vay	13.463.013	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Thu hộ	7.055.000	8.750.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Lãi vay	6.440.000	144.289.808
TỔNG CỘNG			48.617.121.383	7.351.709.665

30 | NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Vay	18.628.890.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Vay	1.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty con	Vay	-	1.400.000.000
TỔNG CỘNG			19.828.890.000	1.400.000.000
Phải trả dài hạn khác				
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Công ty con	Nhận bàn giao tài sản	11.690.384.304	11.690.384.304
		Chi hộ	229.020.412	229.020.412
TỔNG CỘNG			11.919.404.716	11.919.404.716
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty con	Vay	20.000.000.000	24.700.000.000
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty con	Vay	12.945.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Vay	-	16.324.000.000
TỔNG CỘNG			32.945.000.000	41.024.000.000

31 | CÁC CAM KẾT

CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Dưới 1 năm	1.883.765.236	5.697.557.148
Từ 1 – 5 năm	602.906.400	6.253.697.874
Trên 5 năm	3.763.843.200	3.903.244.800
TỔNG CỘNG	6.250.514.836	15.854.499.822

32 | CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Nợ khó đòi đã xử lý		
• Ông Huỳnh Bá Hưng	235.000.559	235.000.559
• Ông Ngô Đình Long	207.057.168	207.057.168
• Nhà máy điện Hậu Giang	89.430.165	89.430.165
• Ông Trần Ngọc Nam	86.575.232	86.575.232
• Khác	864.935.290	768.627.290
Ngoại tệ		
• USD	9.071,9	1.990,36

33 | SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021



NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG
Người lập biểu



BÙI TẤN KHẢI
Kế toán trưởng



TRẦN VÕ HIẾU THUẬN
Quyền Tổng Giám đốc

06

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TTC HOTEL	184
TTC RESORT	186
TTC PALACE	188
TTC TRAVEL	190
TTC WORLD	192

TTC HOTEL

★★★★★



01

**TTC HOTEL -
MICHELIA**

A. 04 Pasteur Street, Xuong Huan Ward, Nha Trang
City, Khanh Hoa Province, Viet Nam
T. (+84) 258 3820 820 - F. (+84) 258 3813 303
H. (+84) 917 853 444 - (+84) 917 153 444
E. Sales@ttnhatrang.com
W. michelia.tthotels.com
FB/ tthotelmichelia

★★★★★



03

**TTC HOTEL -
NGOC LAN**

A. 42 Nguyen Chi Thanh Street, Ward 1, Da Lat
City, Lam Dong Province, Viet Nam
T. (+84) 263 3838 838 - F. (+84) 263 3511 357
H. (+84) 946 104 579
E. sales@ngoclanhotel.vn
W. ngoclan.tthotels.com
FB/ tthotelngoclan

★★★★★



05

**TTC HOTEL -
CAN THO**

A. 02 Hai Ba Trung Street, Tan An Ward, Ninh Kieu
District, Can Tho City, Viet Nam
T. (+84) 292 3812 210
F. (+84) 292 3812 282
E. sales.cantho@tthotels.com
W. cantho.tthotels.com
FB/ tthotelcantho

★★★★★



07

**TTC HOTEL -
HOI AN**

A. No. 224 - 226 Ly Thai To Street, Hoi An City,
Quang Nam Province, Viet Nam
T. (+84) 235 3963 666
H. (+84) 1900 55 88 55
E. info.hoian@tthotels.com
W. hoian.tthotels.com
FB/ tthotelpremiumhoian

★★★★★

02

**TTC HOTEL -
DA LAT**

A. 04 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ward 1, Da Lat
City, Lam Dong Province, Viet Nam
T. (+84) 263 3826 042
F. (+84) 263 3830 579
E. info@tthoteldalat.com
W. dalat.tthotels.com
FB/ tthoteldalat



★★★★★

04

**TTC HOTEL -
PHAN THIET**

A. Doi Duong, Le Loi Street, Hung Long Ward,
Phan Thiet City, Binh Thuan Province, Viet Nam
T. (+84) 252 3835 666
F. (+84) 252 3835 667
E. reservation@tthophanthiet.com
W. phanthiet.tthotels.com
FB/ tthotelphanthiet



★★★★★

06

**TTC HOTEL -
ANGKOR**

A. National Road 6, Phoum Kruos, Svay Dongkum,
Krong Siem Reap, Siem Reap, Cambodia
T. (855-63) 966 569
F. (855-63) 966 568
E. angkor@tthotels.com
W. angkor.tthotels.com
FB/ tthotelangkor



★★★★

08

**TTC HOTEL -
AIRPORT**

A. 315 Hoang Van Thu Street, Ward 2, Tan Binh
District, Ho Chi Minh City, Viet Nam
T. (+84) 28 8440 599 - F. (+84) 28 8440 984
F. 1900 55 88 55
E. sales.airport@tthotels.com
W. airport.tthotels.com
FB/ tthotelairport



186

TTC RESORT



01

TTC RESORT - NINH THUAN

A. Ninh Chu Beach, Phan Rang - Tháp Chàm
City, Ninh Thuan Province, Viet Nam
T. (+84) 252 3874 223
F. (+84) 252 3874 431
F. 1900 55 88 55
E. dgm.ninhthuan@ttchotels.com
W. ninhthuan.ttchotels.com
FB/ ttcresortninhthuan

187



02

TTC RESORT - DOC LET

A. Ninh Hai, Ninh Hoa Ward, Khanh Hoa Province,
Viet Nam
T. (+84) 258 3849 066
F. (+84) 258 3849 506
F. 1900 55 88 55
E. sales.mgr@docletresort.com.vn
W. ttchotels.com
FB/ ttcresortdoclet



03

TTC RESORT - KE GA

A. Thuan Thanh, Thuan Quy Ward, Ham Thuan
Nam, Phan Thiet City, Binh Thuan Province
T. (+84) 252 3683 072
F. (+84) 252 3683 071
F. 1900 55 88 55
E. reservation@thepegasusresort.com
W. kega.ttchotels.com
FB/ ttcresortkega



01

**TTC PALACE -
BINH THUAN**

A. 01 Tu Van Tu Street, Phu Trinh Ward,
Phan Thiet City, Binh Thuan Province, Viet Nam
T. (+84) 252 3821 795
H. (+84) 9 111 20 666
E. sales1@ttcpalacebinhthuan.com
W. palace-binhthuan.ttchotels.com
FB/ ttcpalacebinhthuan

02

**TTC PHAN THIET
SEAFOOD CENTER**

A. 01 Tu Van Tu Street, Phu Trinh Ward,
Phan Thiet City, Binh Thuan Province, Viet Nam
T. (+84) 913 883 248
H. 1900 55 88 55
E. sales.leader9@ttctourist.vn
W. palace-binhthuan.ttchotels.com
FB/ ttcpalacebinhthuan



03

**TTC PALACE -
BEN TRE**

A. 16 Hai Ba Trung Street, Ward 2, Ben Tre City,
Viet Nam
T. (+84) 275 3822 501 - 275 3822 632
F. (+84) 275 3822 240
H. (+84) 913 686 960
E. sales.palace-bentre@ttchotels.com
W. palace-bentre.ttchotels.com
FB/ ttcpalacebentre

04

**TTC FLOATING
RESTAURANT**

A. Hung Vuong Park, Ward 5, Ben Tre City, Viet Nam
T. (+84) 275 3822 492 - F. (+84) 275 3827 089
H. (+84) 948 927 699
E. nhahangnoi@bentretourist.vn
W. bentretourist.vn
FB/ nhahangnoibentre



05

**TTC - KHU AM
THUC BEN TRE**

A. 547D Nguyen Dinh Chieu Street, Phu Hung
Village, Ben Tre Province
T. (+84)275 3757 999
H. 1900 55 88 55
E. fb.dir.mekong@ttchotels.com
FB/ ttckhuamthucbentre

06

**TTC - DONG KHOI
2 RESTAURANT**

A. 210B Dai Lo Dong Khoi Street, Phu Khuong
Ward, Ben Tre Province
T. (+84) 2753 858 666
H. 1900 55 88 55
E. sales.ex54@ttctourist.vn
FB/ ttcnhahangdongkhoi2



**TTC
PALACE**



01

**TTC TRAVEL -
HO CHI MINH**

A. 512 Ly Thuong Kiet, Ward 7, Tan Binh
District, Ho Chi Minh City, Vietnam
T. (+84) 28 38691 777
F. (+84) 982 753 5635
F. 1900 55 88 55
E. outbound@ttctourist.vn
W. ttctravel.vn
FB/ ttctravelagency

**TTC
TRAVEL**

02

**TTC TRAVEL -
BEN TRE**

A. 65 Dong Khoi Avenue, An Hoi Ward, Ben Tre
City, Ben Tre Province



03

**TTC TRAVEL -
BINH THUAN**

A. 01 Tu Van Tu Street, Phu Trinh Ward,
Phan Thiet City, Binh Thuan Province

04

**TTC TRAVEL -
TIEN GIANG**

A. 08 30/4 Street, Ward 1, My Tho City,
Tien Giang Province





01

TTC WORLD - THUNG LUNG TINH YEU

A. 03 - 05 - 07, Mai Anh Dao Street, Ward 8, Da Lat
T. (+84) 263 3621 448 - (+84) 263 3558 888
F. 1900 55 88 55
E. Info@thunglungtinhyeu.vn
W. ttcworld.vn
FB/ thunglungtinhyeu

02

TTC WORLD - TA CU

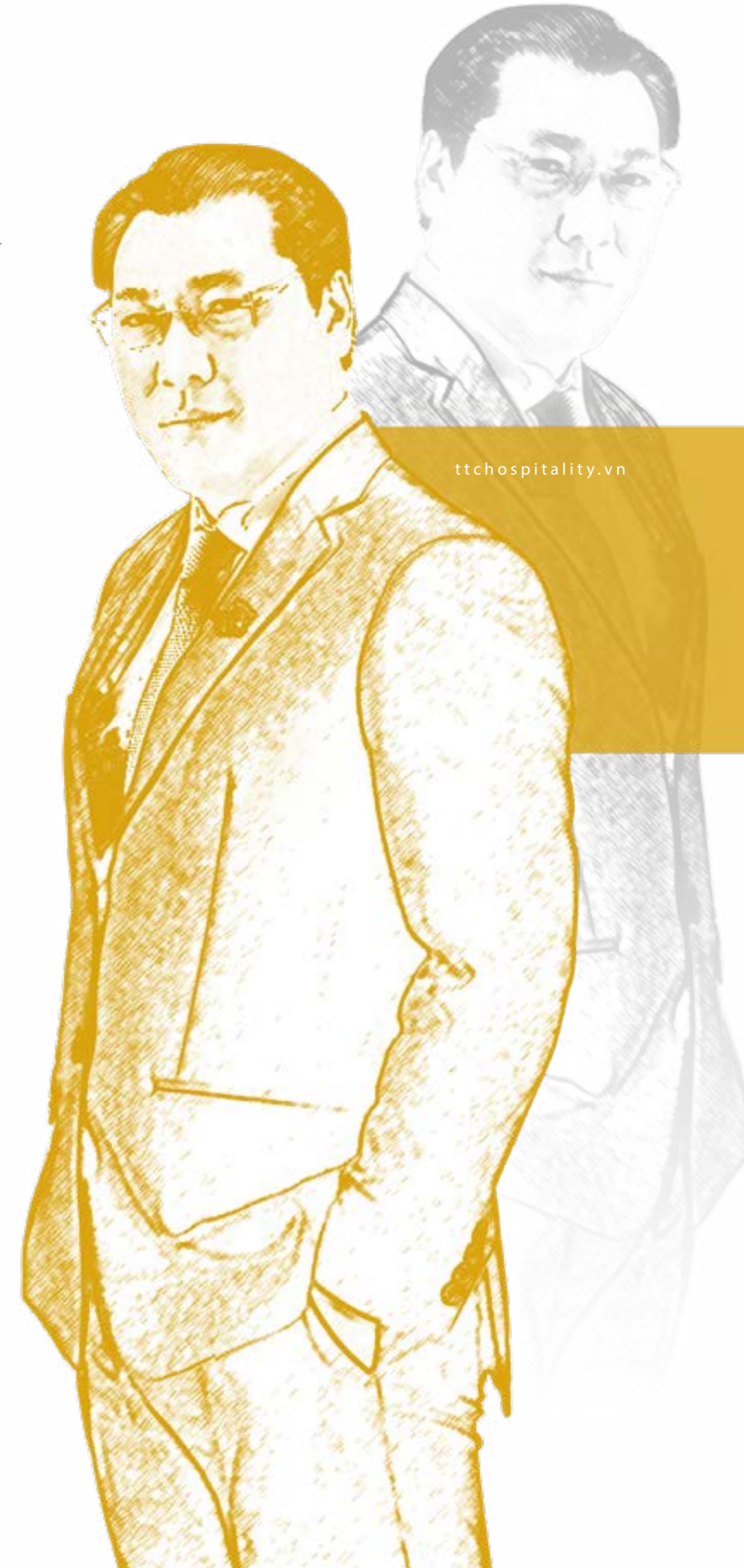
A. Thuan Nam Town, Ham Thuan Nam District,
Binh Thuan Province, Viet Nam
T. (+84) 252 38 674 84 - 252 38 693 37
F. (+84) 252 38 691 12 - 252 36 707 54
F. 1900 55 88 55
E. contacts@tacutourist.com
W. tacutourist.com
FB/ ttcworldtacu



KHẼNG ĐỊNH
THƯƠNG HIỆU
BẰNG
CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ

ttchospitality.vn

TTC WORLD



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG**

253 Hoàng Văn Thụ, P. 2,
Quận Tân Bình, TP.HCM

Tel: (+84) 28 3971 6571
Email: info@ttctourist.vn

Hotline: **1900 55 88 55**